BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG

KHOA KINH TẾ - NGÀNH KẾ TOÁN

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG

Giảng viên hướng dẫn : Th.S Đặng Thanh Nga

Siinh viên thực hiện : Ngô Thị Thanh Trà

Mã số sinh viên : 2254010110

Khóa học : 2022 – 2026

Lớp : 22KH2

Đà Nẵng, tháng 6 năm 2026

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày...tháng...năm 2026

GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
Năm học: 2025 – 2026

1. **Thông tin tác giả thực hiện**
- Họ và tên sinh viên: Ngô Thị Thanh Trà
- Chuyên ngành: Kế toán
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Khoa học: 2022 – 2026

2. **Tên đề tài Khóa luận tốt nghiệp**
   Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Nhi Hoàng
3. **Các số liệu ban đầu thực hiện Khóa luận tốt nghiệp**
   Năm 2025
4. **Các bảng biểu**
5. **Cán bộ hướng dẫn**
6. **Ngày giao nhiệm vụ làm khóa luận tốt nghiệp:** 02/03/2026
7. **Ngày sinh viên phải hoàn thành khóa luận:** 25/05/2026

Giảng viên hướng dẫn

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP ..1

1.1. Khái quát về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Nhi Hoàng 1

1.1.1. Khái niệm về doanh thu 1

1.1.2. Khái niệm về chi phí 1

1.1.3. Khái niệm về xác định kết quả kinh doanh 1

1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh 1

1.2. Kế toán doanh thu 1

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 1

1.2.1.1. Nội dung doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 1

1.2.1.2. Các phương thức bán hàng 2

1.2.1.3. Các phương thức thanh toán 3

1.2.1.4. Chứng từ sử dụng 3

1.2.1.5. Tài khoản sử dụng 3

1.2.1.6. Phương pháp hạch toán 4

1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu 6

1.2.2.1. Nội dung các khoản giảm trừ doanh thu 6

1.2.2.2. Chứng từ sử dụng 6

1.2.2.3. Tài khoản sử dụng 6

1.2.2.4. Phương pháp hạch toán 7

1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính 7

1.2.3.1. Nội dung doanh thu hoạt động tài chính 7

1.2.3.2. Chứng từ sử dụng 8

1.2.3.3. Tài khoản sử dụng 8

1.2.3.4. Phương pháp hạch toán 9

1.2.4. Kế toán thu nhập khác 10

1.2.4.1. Nội dung thu nhập khác 10

1.2.4.2. Chứng từ sử dụng 10

1.2.4.3. Tài khoản sử dụng 10

1.2.4.4. Phương pháp hạch toán 11

1.3. Kế toán chi phí 12

1.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán 12

1.3.1.1. Nội dung giá vốn hàng bán 12
1.3.1.2. Phương pháp tính giá 12
1.3.1.3. Chứng từ sử dụng 13
1.3.1.4. Tài khoản sử dụng 13
1.3.1.5. Phương pháp hạch toán 16
1.3.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh 18
1.3.2.1. Nội dung chi phí quản lý kinh doanh 18
1.3.2.2. Chứng từ sử dụng 18
1.3.2.3. Tài khoản sử dụng 18
1.3.2.4. Trình tự hạch toán 20
1.3.3. Kế toán chi phí tài chính 21
1.3.3.1. Nội dung chi phí tài chính 21
1.3.3.2. Chứng từ sử dụng 21
1.3.3.3. Tài khoản sử dụng 21
1.3.3.4. Phương pháp hạch toán 23
1.3.4. Kế toán chi phí khác 24
1.3.4.1. Nội dung chi phí khác 24
1.3.4.2. Chứng từ sử dụng 24
1.3.4.3. Tài khoản sử dụng 24
1.3.4.4. Phương pháp hạch toán 24
1.3.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp 25
1.3.5.1. Nội dung chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp 25
1.3.5.2. Chứng từ sử dụng 26
1.3.5.3. Tài khoản sử dụng 26
1.3.5.4. Phương pháp hạch toán 27
1.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh 28
1.4.1. Nội dung xác định kết quả kinh doanh 28
1.4.2. Chứng từ sử dụng 29
1.4.3. Tài khoản sử dụng 29
1.4.4. Phương pháp hạch toán 30
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG 31
2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Nhi Hoàng 31
2.1.1. Sự ra đời và quá trình hình thành, phát triển của công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Nhi Hoàng 31

2.1.1.1. Giới thiệu về công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Nhi Hoàng.....31
2.1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của công ty 31
2.1.2. Đặc điểm lĩnh vực kinh doanh và nhiệm vụ của công ty.....31
2.1.2.1. Đặc điểm lĩnh vực kinh doanh 31
2.1.2.2. Nhiệm vụ của công ty.....31
2.1.3. Đặc điểm tổ chức quản lý 32
2.1.3.1. Sơ đồ bộ máy quản lý.....32
2.1.3.2. Chức năng, nhiệm vụ các phòng ban 32
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán 33
2.1.4.1. Sơ đồ bộ máy kế toán.....33
2.1.4.2. Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận 33
2.1.4.3. Chế độ và chính sách kế toán áp dụng.....33
2.1.4.4. Hình thức ghi sổ kế toán.....34
2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Nhi Hoàng 35
2.2.1. Đặc điểm dịch vụ bảo vệ tại Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Nhi Hoàng 35
2.2.2. Kế toán doanh thu.....36
2.2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 36
2.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....45
2.2.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....45
2.2.1.4. Kế toán thu nhập khác.....50
2.2.2. Kế toán chi phí.....50
2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán 50
2.2.2.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh 57
2.2.2.2.1. Kế toán chi phí bán hàng.....57
2.2.2.2.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp 57
2.2.2.3. Kế toán chi phí tài chính.....66
2.2.2.4. Kế toán chi phí khác 66
2.2.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp 75
2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh 82
CHƯƠNG 3: NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ GÓP PHẦN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG.....86
3.1. Nhận xét về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Nhi Hoàng.....86

3.1.1. Nhận xét chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Nhi Hoàng 86
3.1.2. Kế toán doanh thu 87
3.1.2.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 87
3.1.2.2. Doanh thu hoạt động tài chính 87
3.1.3. Kế toán chi phí 87
3.1.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán 87
3.1.3.2. Chi phí quản lý kinh doanh 87
3.1.3.3. Chi phí khác 88
3.1.3.4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp 88
3.1.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh 88
3.2. Một số kiến nghị góp phần hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Nhi Hoàng 88
3.2.1. Kế toán doanh thu 88
3.2.1.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 88
3.2.2. Kế toán chi phí 89
3.2.2.1. Chi phí quản lý kinh doanh 89
3.2.2.2. Chi phí khác 90

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1. Sổ Chi Tiết TK 51111	Bảng 2.15. Sổ Chi Tiết TK 64225
Bảng 2.2. Sổ Nhật Ký Chung	Bảng 2.16. Sổ Chi Tiết TK 64227
Bảng 2.3. Sổ Cái TK 511	Bảng 2.17. Sổ Nhật Ký Chung
Bảng 2.4. Sổ Chi Tiết TK 5151	Bảng 2.18. Sổ Cái TK 6422
Bảng 2.5. Sổ Nhật Ký Chung	Bảng 2.19. Sổ Chi Tiết TK 8111
Bảng 2.6. Sổ Cái TK 515	Bảng 2.20. Sổ Nhật Ký Chung
Bảng 2.7. Phiếu kế toán tổng hợp	Bảng 2.21. Sổ Cái TK 811
Bảng 2.8. Sổ Chi Tiết TK 6321	Bảng 2.22. Sổ Chi Tiết TK 8211
Bảng 2.9. Sổ Chi Tiết TK 1542	Bảng 2.23. Sổ Nhật Ký Chung
Bảng 2.10. Sổ Chi Tiết TK 1543	Bảng 2.24. Sổ Cái TK 821
Bảng 2.11. Sổ Nhật Ký Chung	Bảng 2.25. Sổ Nhật Ký Chung
Bảng 2.12. Sổ Cái TK 632	Bảng 2.26. Sổ Cái TK 911
Bảng 2.13. Bảng chấm công và bảng thanh toán tiền lương tháng 7/2025	Bảng 2.27. Sổ Cái TK 511
Bảng 2.14. Sổ Chi Tiết TK 64221	Bảng 2.28. Sổ Chi Tiết TK 64221

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Tên viết tắt	Diễn giải
1	DT BH&CCDV	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
2	GTGT	Giá trị gia tăng
3	TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
4	XK	Xuất khẩu
5	TSCĐ	Tài sản cố định
6	BCC	Hợp đồng hợp tác kinh doanh
7	BVMT	Bảo vệ môi trường
8	TK	Tài khoản
9	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
10	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
11	NKC	Nhật ký chung
12	CCDC	Công cụ dụng cụ
13	NSNN	Ngân sách nhà nước
14	NLĐ	Người lao động
15	NSDLĐ	Người sử dụng lao động
16	BHXH	Bảo hiểm xã hội
17	BHYT	Bảo hiểm y tế
18	BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
19	GTPB	Giá trị phân bổ
20	HĐ	Hóa đơn

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 2.1. Giao diện phần mềm máy tính 35
Hình 2.2. Hóa đơn GTGT số 142 38
Hình 2.3. Phiếu Thu 39
Hình 2.4. Hóa đơn GTGT số 171 40
Hình 2.5. Sao kê ngân hàng 41
Hình 2.6. Giao diện phần mềm nhập HĐ 142 42
Hình 2.7. Giao diện phần mềm nhập HĐ 171 42
Hình 2.8. Sao kê ngân hàng 47
Hình 2.9. Giao diện phần mềm nhập lãi tiền 48
Hình 2.10. Giao diện phần mềm hạch toán lương nhân viên 59
Hình 2.11. Giao diện phần mềm nhập chi lương nhân viên 60
Hình 2.12. Sao kê ngân hàng 61
Hình 2.13. Giao diện phần mềm nhập chi trả phí ngân hàng 61
Hình 2.14. Hóa đơn GTGT số 31302 62
Hình 2.15. Phiếu chi tiền xăng dầu 63
Hình 2.16. Giao diện phần mềm nhập chi tiền mua xăng 63
Hình 2.17. Giấy nộp tiền vào NSNN 68
Hình 2.18. Giao diện phần mềm nhập chi tiền chậm nộp thuế 69
Hình 2.19. Hóa đơn GTGT số 905 70
Hình 2.20. Giao diện phần mềm nhập chi tiền ăn uống HĐ 905 71
Hình 2.21. Hóa đơn thuê phòng nghỉ số 163 72
Hình 2.22. Giao diện phần mềm nhập chi tiền phòng nghỉ 73
Hình 2.23. Tời khai quyết toán thuế TNDN 79
Hình 2.24. Giao diện phần mềm nhập liệu chi phí thuế TNDN 80
Hình 2.25. Phụ lục kết quả hoạt động kinh doanh 85
Hình 2.26. Giao diện nhập phần mềm 89

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1 Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức tiêu thụ trực tiếp.....4
Sơ đồ 1.2 Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng qua đại lý, ký gửi5
Sơ đồ 1.3 Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng trả góp.....5
Sơ đồ 1.4 Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức thu tiền từng kỳ.....6
Sơ đồ 1.5 Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức thu tiền nhiều kỳ 6
Sơ đồ 1.6 Sơ đồ hạch toán giảm trừ doanh thu 7
Sơ đồ 1.7 Sơ đồ hạch toán hàng bán bị trả lại.....7
Sơ đồ 1.8 Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.....9
Sơ đồ 1.9 Sơ đồ hạch toán thu nhập khác 11
Sơ đồ 1.10 Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên 16
Sơ đồ 1.11 Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ .17
Sơ đồ 1.12 Sơ đồ hạch toán giá vốn dịch vụ.....17
Sơ đồ 1.13 Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh.....20
Sơ đồ 1.14 Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính.....23
Sơ đồ 1.15 Sơ đồ hạch toán chi phí khác 25
Sơ đồ 1.16 Sơ đồ hạch toán Chi phí Thuế TNDN hiện hành.....28
Sơ đồ 1.17 Sơ đồ xác định kết quả kinh doanh.....30
Sơ đồ 2.1 Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty.....32
Sơ đồ 2.2 Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.....33
Sơ đồ 2.3 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính.....34

LỜI CẢM ƠN

Quá trình thực hiện khóa luận tốt nghiệp là giai đoạn quan trọng nhất trong quãng đời sinh viên. Khóa luận tốt nghiệp là tiền đề nhằm trang bị cho chúng em những kỹ năng làm việc của một kế toán tương lai.

Trước hết, em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến quý thầy cô Trường Đại Học Kiến trúc Đà Nẵng, đặc biệt là quý thầy cô khoa Kinh Tế đã tận tình giảng dạy, truyền đạt những kiến thức và kinh nghiệm quý báu cho em trong suốt thời gian học tập tại trường.

Em xin chân thành cảm ơn cô Đặng Thanh Nga đã tận tình hướng dẫn, góp ý và hỗ trợ em trong suốt quá trình thực hiện và hoàn thiện khóa luận này.

Đồng thời, em xin chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo cùng anh chị tại Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Nhi Hoàng đã tạo điều kiện thuận lợi, cung cấp tài liệu và nhiệt tình hỗ trợ em trong thời gian thực tập tại công ty.

Với kiến thức còn hạn chế của bản thân, em mong nhận được sự góp ý và chỉ dẫn của quý thầy cô trong khoa Kinh Tế Trường Đại Học Kiến trúc Đà Nẵng để em hoàn thành khóa luận của mình một cách hoàn thiện nhất.

Em xin chân thành cảm ơn!

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Ngày nay xã hội với sự bùng nổ của nền công nghệ số, công nghiệp hiện đại hóa, với sự ảnh hưởng đó thì nền kinh tế của nước ta cũng chịu sự tác động rõ rệt. Để một doanh nghiệp tồn tại và phát triển trong thị trường kinh doanh một phần yếu tố quyết định chính là kết quả cả quá trình kinh doanh, cụ thể là dựa trên các chỉ tiêu doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.

Mục tiêu chung của tất cả doanh nghiệp đó là tối đa hóa lợi nhuận. Để đạt được mục tiêu đó, các doanh nghiệp phải hoàn thiện và thúc đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó cần phải quan tâm sâu sắc đến quá trình tiêu thụ sản phẩm và cung cấp dịch vụ - một khâu quan trọng cho biết những mục tiêu lợi nhuận mà doanh nghiệp đã đạt được trong một chu trình kinh doanh.

Mỗi doanh nghiệp không những phải tự lực vươn lên trong quá trình sản xuất kinh doanh mà phải biết phát huy tiềm năng của mình để đạt được hiệu quả kinh tế cao nhất. Ở mỗi giai đoạn phát triển doanh nghiệp cần phải có những kế hoạch kinh doanh và quản lý doanh nghiệp phù hợp với tình hình kinh tế trong nước là một vấn đề hết sức quan trọng. Do đó việc tổ chức và quản lý tài chính kế toán phục vụ nhu cầu nắm bắt, thu thập và xử lý các thông tin để đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh là yêu cầu tất yếu, giúp các đơn vị kinh tế thấy được quy mô, cách thức kinh doanh cũng như khả năng đưa ra quyết định đúng đắn và kịp thời trong tương lai. Đứng trước tình hình đó, Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Nhi Hoàng bên cạnh việc tìm ra các biện pháp nâng cao hiệu quả, đảm bảo chất lượng dịch vụ thì việc tổ chức, quản lý tài chính kế toán cũng là một yêu cầu tất yếu. Đặc biệt những thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh chiếm vai trò quan trọng trong thông tin kế toán, luôn được lãnh đạo doanh nghiệp, nhà cung cấp, các nhà đầu tư quan tâm. Việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh góp phần tăng tính cạnh tranh, nâng cao chất lượng các quyết định của doanh nghiệp liên quan tới chu kỳ kinh doanh tiếp theo của doanh nghiệp và tăng tính minh bạch về thông tin tài chính.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề trên, với kiến thức được học tại trường, để có thể hiểu biết sâu sắc về phần hành này, nên trong quá trình thực tập tại Công ty em đã tìm hiểu, nghiên cứu và đi đến chọn đề tài cho khóa luận tốt nghiệp của mình là: "Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Nhi Hoàng".

2. Đối tượng nghiên cứu của đề tài

Đề tài tập trung nghiên cứu công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Nhi Hoàng.

3. Phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Về không gian: Đề tài được thực hiện tại Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Nhi Hoàng.
- Về thời gian: Nghiên cứu trong phạm vi các tài liệu về tình hình tài chính và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty trong năm 2025.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thu thập số liệu: Phương pháp này căn cứ vào những chứng từ thực tế phát sinh nghiệp vụ kinh tế đã được kế toán tập hợp và sổ sách và kiểm tra tính chính xác, phù hợp, đầy đủ của các chứng từ.
- Phương pháp quan sát: Quan sát các hoạt động của doanh nghiệp, bộ máy kế toán và công việc của các nhân viên trong công ty, đặc biệt nhân viên phần hành kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
- Phương pháp phân tích và tổng hợp: Tiến hành phân tích các số liệu thu thập được từ chứng từ, sổ sách kế toán và báo cáo tài chính nhằm đánh giá tình hình doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của công ty. Sau đó tổng hợp các thông tin cần thiết để làm cơ sở đưa ra nhận xét về thực trạng công tác kế toán tại doanh nghiệp.
- Phương pháp so sánh: Đối chiếu giữa lý thuyết đã được học với thực tế áp dụng tại công ty nhằm đánh giá mức độ phù hợp trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Qua đó nhận xét những ưu điểm, hạn chế còn tồn tại và đề xuất một số kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện công tác kế toán tại doanh gnhieejp.

5. Cấu trúc đề tài

Nội dung gồm 3 chương:

- Chương 1: Cơ sở lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Nhi Hoàng.
- Chương 3: Nhận xét và kiến nghị góp phần hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Nhi Hoàng.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Khái quát về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Nhi Hoàng

1.1.1. Khái niệm về doanh thu

Theo Điều 56 của Thông tư 133/2016/TT-BTC "Doanh thu là lợi ích kinh tế thu được làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp trừ phần vốn góp thêm của các cổ đông. Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền.".

1.1.2. Khái niệm về chi phí

Theo VAS số 01 "Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm giá vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho chủ sở hữu.".

Hoặc được hiểu theo cách khác đó là những khoản doanh nghiệp phải bỏ ra để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc các hoạt động khác, làm giảm lợi nhuận trong kỳ.

1.1.3. Khái niệm về xác định kết quả kinh doanh

Theo Điều 68 của Thông tư 133/2016/TT-BTC "Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.".

1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có nhiệm vụ tính toán, tập hợp chi phí có liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến quá trình kinh doanh, cũng như việc xác định chính xác doanh thu thực tế phát sinh, làm cơ sở để xác định được kết quả kinh doanh. Xác định chính xác kết quả kinh doanh góp phần cung cấp thông tin, giúp doanh nghiệp nghiên cứu, xây dựng mức giá phù hợp cho từng sản phẩm,dịch vụ.

1.2. Kế toán doanh thu

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.1.1. Nội dung doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a) Khái niệm

Căn cứ vào Điều 57 theo Thông tư 133/2016/TT-BTC định nghĩa về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được hiểu như sau: Doanh thu BH & CCDV là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp trong kỳ kế toán, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu (không bao gồm các khoản thuế gián thu như GTGT, TTĐB, XK).

b) Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:
  - Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa.

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

• Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

1.2.1.2. Các phương thức bán hàng

a) Phương thức bán hàng trực tiếp

Theo phương thức này, bên mua cử đại diện đến nhận hàng tại kho hoặc tại các phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp. Sau khi giao hàng xong, bên mua ký vào chứng từ bán hàng thì hàng được xác định là tiêu thụ. Mọi tổn thất trong quá trình vận chuyển hàng về đơn vị do người mua chịu.

b) Phương thức chuyển hàng

Theo phương thức này, doanh nghiệp chuyển hàng đến cho người mua theo địa điểm ghi trong Hợp đồng kinh tế đã được ký kết. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi hàng được giao xong và người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán (đã ký vào chứng từ giao hàng) thì số hàng đó được xác định là tiêu thụ. Mọi tổn thất trong quá trình vận chuyển đến cho người mua do doanh nghiệp chịu. Phương thức này được áp dụng đối với những khách hàng có quan hệ mua bán thường xuyên với doanh nghiệp.

c) Phương thức bán hàng qua đại lý, ký gửi

Theo phương thức này, doanh nghiệp chuyển hàng đến các đại lý theo các điều khoản đã ký kết trong Hợp đồng kinh tế. Số hàng chuyển đến các đại lý này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi được xác định là tiêu thụ. Sau khi kết thúc Hợp đồng bán hàng, doanh nghiệp sẽ trả cho các đại lý một khoản thù lao về việc bán hàng này gọi là hoa hồng đại lý. Hoa hồng đại lý được tính theo phần trăm trên tổng giá bán.

d) Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp

Đối với một số mặt hàng có giá trị tương đối cao, để người mua có thu nhập trung bình có thể tiêu dùng được những mặt hàng này, các doanh nghiệp tiến hành bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp. Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua thì được xác định là tiêu thụ. Người mua sẽ thanh toán ngay lần đầu tại thời điểm mua một phần số tiền phải trả, phần còn lại trả dần trong nhiều kỳ và phải chịu một khoản lãi nhất định gọi là lãi trả chậm, trả góp. Thông thường, số tiền trả ở các kỳ bằng nhau, trong đó bao gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi trả chậm.

e) Các phương thức bán hàng khác

Ngoài các phương thức tiêu thụ trên, các doanh nghiệp còn có thể sử dụng sản phẩm để thanh toán tiền lương, tiền thưởng cho lao động, trao đổi vật tư, hàng hóa khác hoặc cung cấp theo yêu cầu của Nhà nước…

1.2.1.3. Các phương thức thanh toán

a) Phương thức thanh toán bằng tiền mặt

Là phương thức bán thu tiền ngay, tức là sau khi người mua nhận được hàng từ doanh nghiệp thì sẽ thanh toán ngay bằng tiền mặt tương ứng với giá trị hàng hóa mà doanh nghiệp đã bán. Phương thức này được sử dụng khi người mua hàng với khối lượng không nhiều và chưa mở tài khoản ngân hàng.

b) Phương thức thanh toán không dùng tiền mặt

Chuyển khoản qua ngân hàng: Là phương thức mà ngân hàng đóng vai trò trung gian giữa doanh nghiệp và khách hàng, có nhiệm vụ chuyển tiền từ tài khoản của người mua sang tài khoản của doanh nghiệp và ngược lại.

Thanh toán bằng Séc: Séc là lệnh chuyển tiền của chủ tài khoản, được lập theo mẫu do Ngân hàng quy định, yêu cầu Ngân hàng, Kho bạc phục vụ mình bằng cách trích một số tiền từ tài khoản tiền gửi của mình trả cho người thụ hưởng trong thời gian hiệu lực của tờ Séc đó.

Ngoài ra còn có thể thanh toán qua ngân phiếu, thẻ thanh toán, cổ phiếu…

1.2.1.4. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT (đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ). Hóa đơn bán hàng thông thường (đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)
- Phiếu thu
- Giấy báo Có
- Các chứng từ liên quan

1.2.1.5. Tài khoản sử dụng

TK 511- Doanh thu BH & CCDV

Công dụng: TK này dùng để phản ánh doanh thu BH & CCDV của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán, bao gồm cả doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ cho công ty mẹ, công ty con trong cùng tập đoàn.

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 511 – Doanh thu BH & CCDV	Có
- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT); - Các khoản giảm trừ doanh thu; - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".		- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

TK 511 không có số dư cuối kỳ

TK 511 – Doanh thu BH & CCDV có 4 TK cấp 2:

- TK 5111 – Doanh thu bán hàng hóa
- TK 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5118 – Doanh thu khác

1.2.1.6. Phương pháp hạch toán

a) Hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng trực tiếp

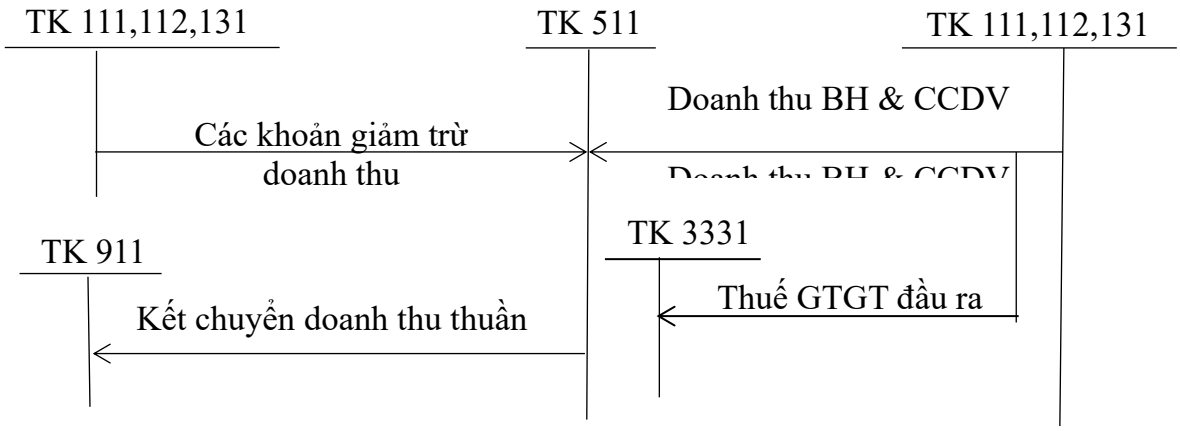

Sơ đồ 1.1 Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức tiêu thụ trực tiếp

b) Hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng qua đại lý, ký gửi

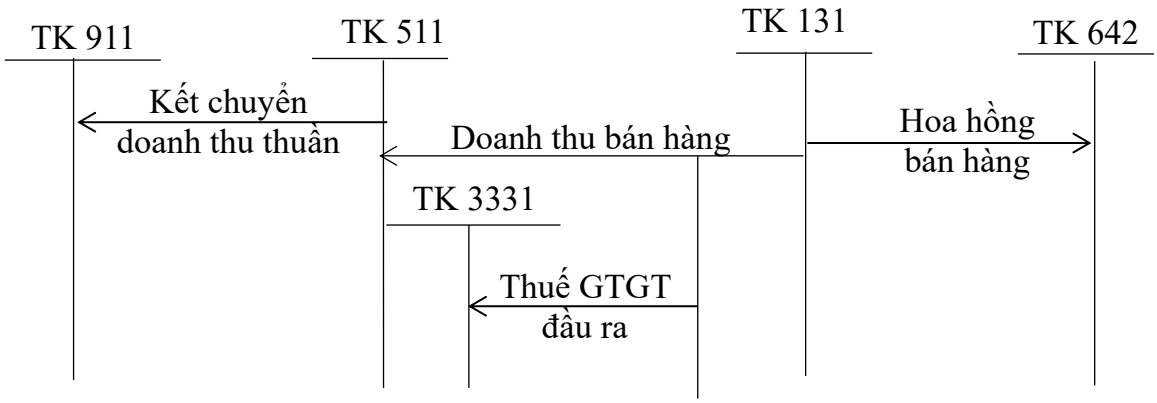

Sơ đồ 1.2 Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng qua đại lý, ký gửi

c) Hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng trả góp

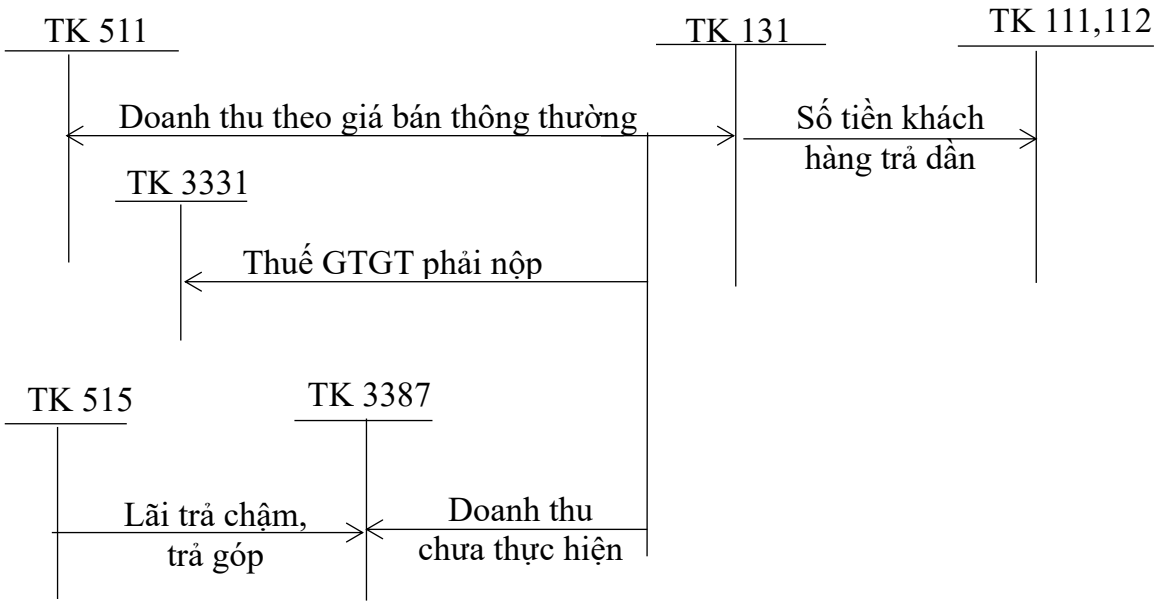

Sơ đồ 1.3 Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng trả góp

d) Hạch toán doanh thu dịch vụ theo phương thức thu tiền từng kỳ

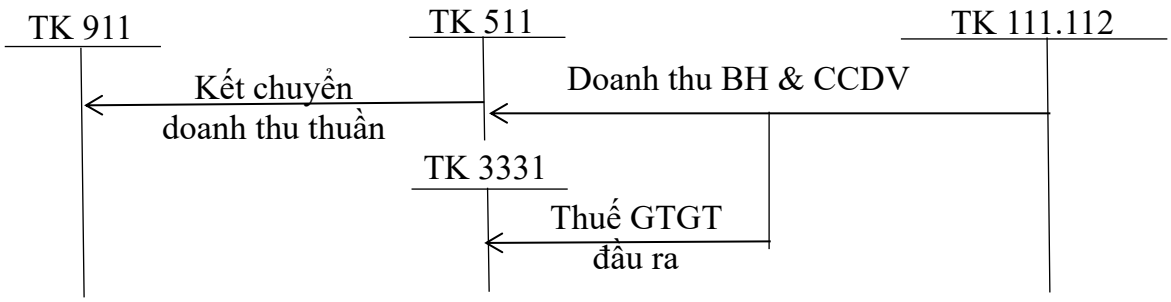

Sơ đồ 1.4 Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức thu tiền từng kỳ

e) Hạch toán doanh thu dịch vụ theo phương thức thu tiền nhiều kỳ

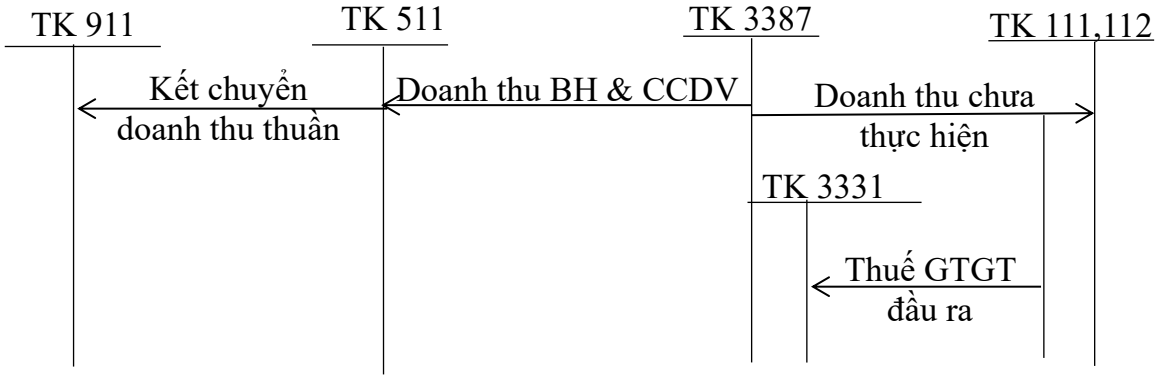

Sơ đồ 1.5 Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức thu tiền nhiều kỳ

1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2.1. Nội dung các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là tổng hợp các khoản được ghi giảm trừ vào tổng doanh thu trong kỳ, bao gồm các khoản: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

- Chiết khấu thương mại: Là khoản doanh nghiệp giảm giá niêm yết cho khách hàng do khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.
- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém chất lượng, mất phẩm chất hay không đúng quy cách quy định trong Hợp đồng kinh tế.
- Hàng bán bị trả lại: Là giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: vi phạm cam kết, vi phạm Hợp đồng kinh tế, hàng bị kém chất lượng, không đúng chủng loại, quy cách.

1.2.2.2. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng thông thường
- Biên bản xác nhận hàng hóa bị trả lại
- Biên bản xác nhận giảm giá hàng bán
- Phiếu chi, giấy báo Nợ
- Các giấy tờ khác có liên quan

1.2.2.3. Tài khoản sử dụng

TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Công dụng: TK này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu BH & CCDV phát sinh trong kỳ.

Kết cấu tài khoản giảm trừ doanh thu giống với kết cấu của doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.2.2.4. Phương pháp hạch toán

a) Hạch toán chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán

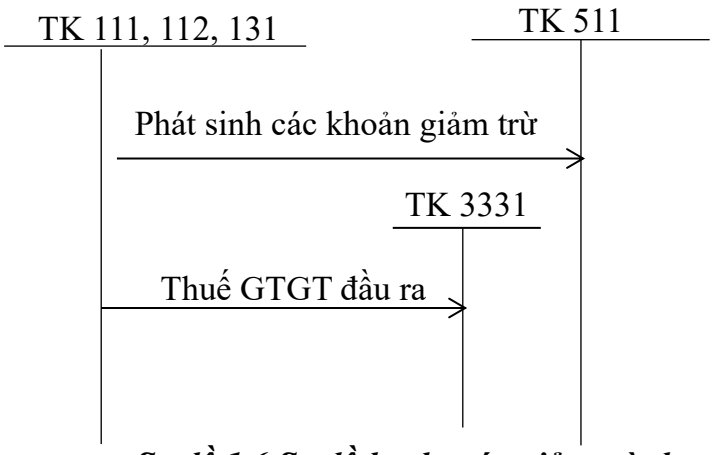

Sơ đồ 1.6 Sơ đồ hạch toán giảm trừ doanh thu

b) Hạch toán hàng bán bị trả lại

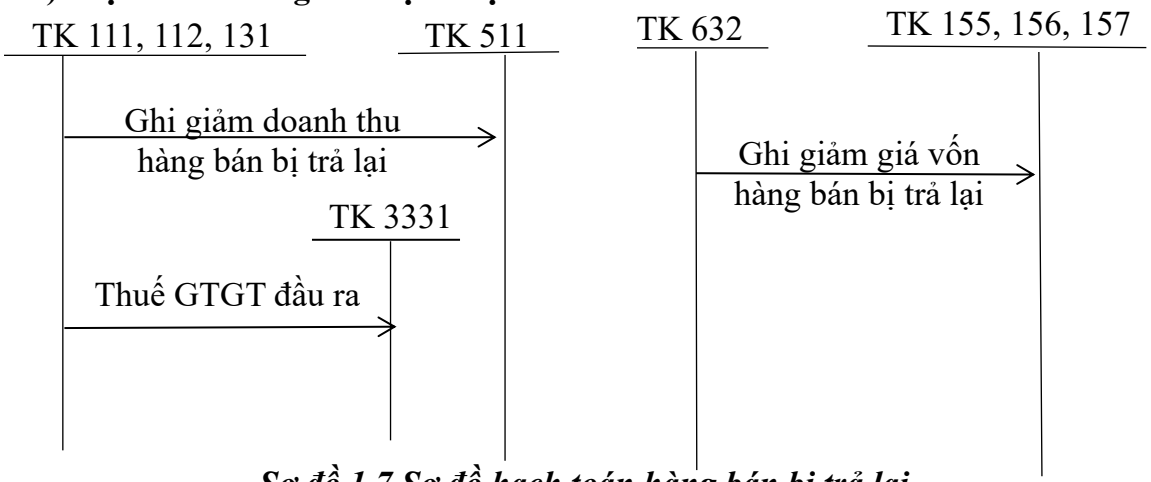

Sơ đồ 1.7 Sơ đồ hạch toán hàng bán bị trả lại

1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.3.1. Nội dung doanh thu hoạt động tài chính

Căn cứ vào Điều 58 theo thông tư 133/2016/TT-BTC Doanh thu hoạt động tài chính được hiểu là khoản thu nhập mà doanh nghiệp có được từ các hoạt động tài chính không liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chính của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ; ...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư;
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác;

- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ; lãi do bán ngoại tệ;
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

1.2.3.2. Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu
- Giấy báo Có
- Hóa đơn GTGT
- Các giấy tờ khác có liên quan

1.2.3.3. Tài khoản sử dụng

TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Công dụng: TK này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính	Có
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có) - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh"		- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

TK 515 không có số dư cuối kỳ

1.2.3.4. Phương pháp hạch toán

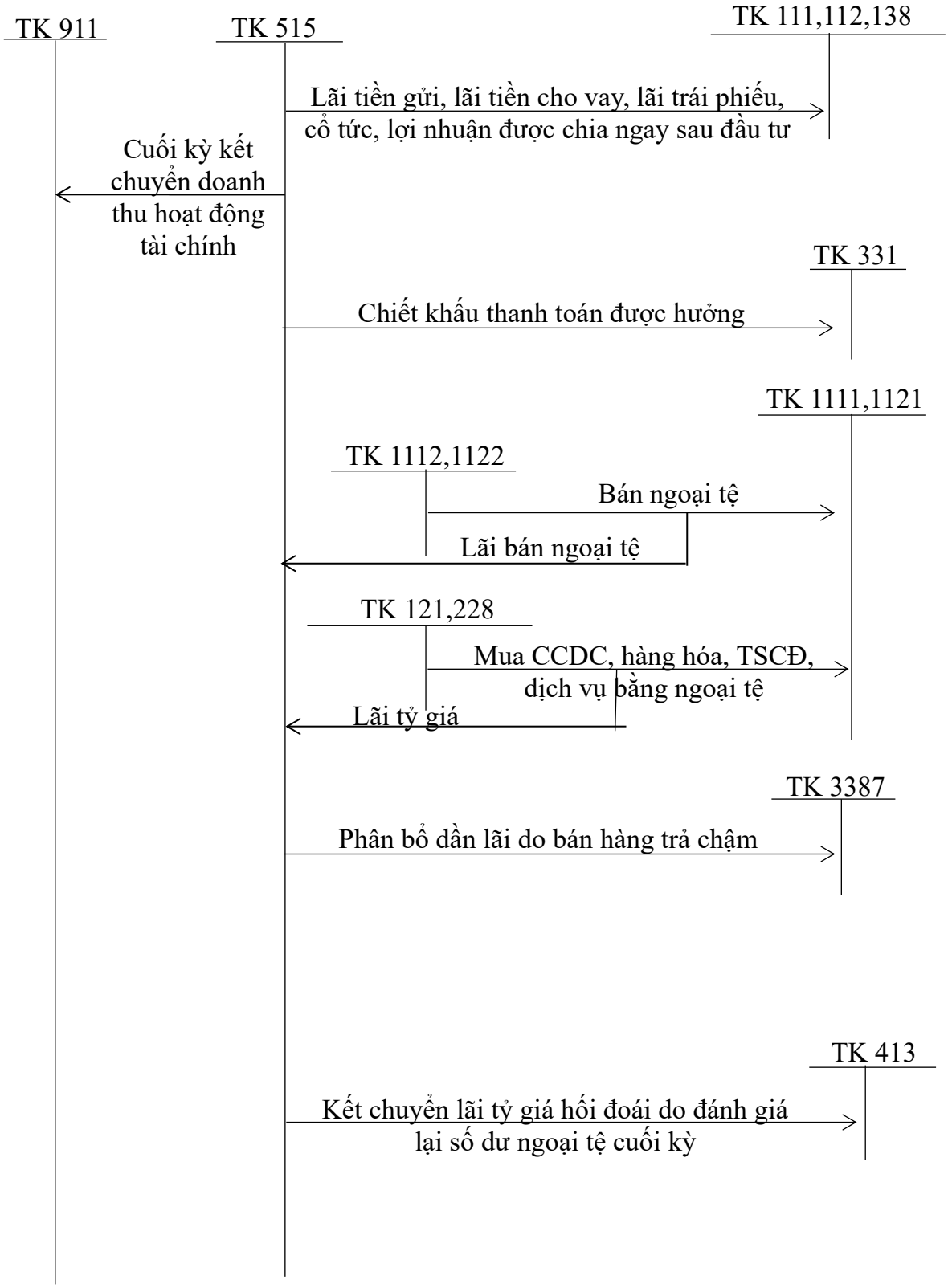

Sơ đồ 1.8 Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.4. Kế toán thu nhập khác

1.2.4.1. Nội dung thu nhập khác

Căn cứ vào Điều 65 theo Thông tư 133/2016/TT-BTC Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC cao hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
- Giá trị số hàng khuyến mại không phải trả lại nhà sản xuất;
- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

1.2.4.2. Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu
- Giấy báo Có
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Các giấy tờ khác liên quan

1.2.4.3. Tài khoản sử dụng

TK 711 – Thu nhập khác

Công dụng: TK này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 711 – Thu nhập khác	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển thu nhập khác sang TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh".		- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

TK 711 không có số dư cuối kỳ

1.2.4.4. Phương pháp hạch toán

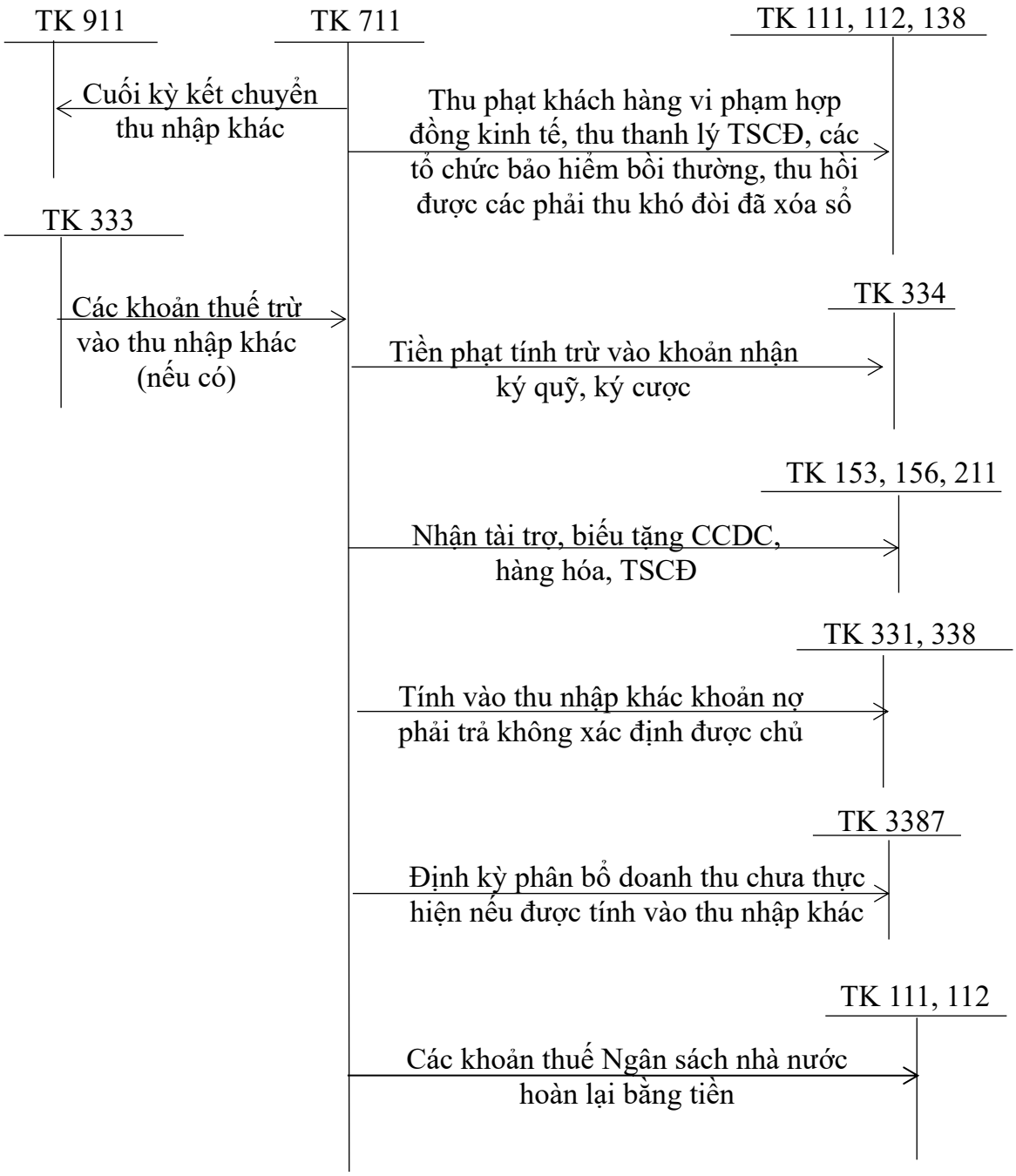

Sơ đồ 1.9 Sơ đồ hạch toán thu nhập khác

1.3. Kế toán chi phí

1.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán

1.3.1.1. Nội dung giá vốn hàng bán

Căn cứ vào Điều 62 theo Thông tư 133/2016/TT-BTC Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

1.3.1.2. Phương pháp tính giá

a) Phương pháp thực tế đích danh

Theo phương pháp này, vật tư, hàng hóa thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính.

Ưu điểm: Nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem đi bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

Nhược điểm: Chỉ áp dụng cho những doanh nghiệp có ít loại mặt hàng, hàng tồn kho có giá trị lớn, mặt hàng ổn định và loại hàng tồn kho phải nhận diện được. Còn với những doanh nghiệp có nhiều loại hàng thì không thể áp dụng phương pháp này.

b) Phương pháp bình quân gia quyền

Theo phương pháp này thì giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

- **Đơn giá bình quân gia quyền cuối kỳ:**

Theo phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính giá trị giá vốn của hàng xuất kho trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán hàng tồn kho căn cứ giá nhập, lượng hàng tồn kho đầu kỳ và nhập trong kỳ để tính giá đơn vị bình quân:

$$\text{Đơn giá xuất kho bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Giá trị hàng tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

Ưu điểm: Đơn giản, chỉ cần tính toán một lần vào cuối kỳ.

Nhược điểm: Độc chính xác không cao, công việc tính toán dồn vào cuối tháng gây ảnh hưởng đến tiến độ các phần hành khác. Ngoài ra, phương pháp này chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

- **Đơn giá bình quân thời điểm sau mỗi lần nhập (bình quân thời điểm):** Sau mỗi lần nhập sản phẩm, vật tư, hàng hóa, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Giá đơn vị bình quân được tính theo công thức sau:

$$\text{Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập thứ i} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn kho sau lần nhập thứ i}}{\text{Số lượng hàng tồn kho sau lần nhập thứ i}}$$

Ưu điểm: Khắc phục được những hạn chế của phương pháp theo đơn giá bình quân gia quyền cuối kỳ.

Nhược điểm: Việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn nhiều công sức. Phương pháp này chỉ áp dụng ở các doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng xuất nhập ít.

c) Phương pháp nhập trước xuất trước

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước và giá trị xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập trước hoặc xuất trước và thực hiện tuần tự cho đến khi chúng được xuất hết.

Ưu điểm: Phương pháp này cho phép chúng ta có thể tính ngay được trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng, do vậy đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho các ghi chép các khâu tiếp theo cũng như cho quản lý. Trị giá của hàng tồn kho tương đối sát với giá trị trường của mặt hàng đó. Vì vậy chỉ tiêu hàng tồn kho trên báo cáo kế toán có ý nghĩa thực tế hơn.

Nhược điểm: Làm cho doanh thu hiện tại không phù hợp với những khoản chi phí hiện tại vì theo phương pháp này, doanh thu hiện tại được tạo ra bởi giá trị sản phẩm, vật tư, hàng hóa đã có được từ đó rất lâu. Đồng thời nếu số lượng chủng loại mặt hàng nhiều, phát sinh nhập xuất liên tục dẫn đến những chi phí cho việc hạch toán cũng như khối lượng công việc tăng lên rất nhiều.

d) Cách tính giá vốn dịch vụ

Tùy theo loại hình doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, giá vốn dịch vụ thường được xác định theo chi phí thực tế phát sinh hoặc tập hợp và phân bổ chi phí.

Về phương pháp chi phí thực tế phát sinh, giá vốn dịch vụ được xác định dựa trên toàn bộ chi phí thực tế phát sinh trực tiếp liên quan đến quá trình cung cấp dịch vụ trong kỳ. Các khoản chi phí thường bao gồm chi phí nhân công trực tiếp, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao tài sản cố định và các khoản chi phí khác phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ. Kế toán sẽ căn cứ vào chứng từ phát sinh để tập hợp chi phí và xác định giá vốn dịch vụ thực tế đã hoàn thành trong kỳ.

Về phương pháp tập hợp và phân bổ chi phí, vào cuối tháng, các khoản chi phí chung sẽ được tập hợp và tiến hành phân bổ cho từng dịch vụ theo tiêu thức phù hợp như doanh thu, số giờ làm việc, số lượng nhân viên hoặc khối lượng công việc thực hiện. Phương pháp này giúp doanh nghiệp xác định chính xác phần chi phí mà từng dịch vụ phải chịu, từ đó tính giá vốn của từng hoạt động dịch vụ.

1.3.1.3. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Biên bản giao nhận hàng hóa, Biên bản kiểm kê hàng hóa
- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ khác có liên quan

1.3.1.4. Tài khoản sử dụng

TK 632 – Giá vốn hàng bán

Công dụng: TK này dùng để phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ. Ngoài ra, TK này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao, chi phí nghiệp vụ cho thuê Bất động sản đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động; chi phí nhượng bán, thanh lý Bất động sản đầu tư...

Kết cấu tài khoản:

a) Kết cấu kế toán giá vốn hàng bán theo phương thức kê khai thường xuyên

Nợ	TK 632 – Giá vốn hàng bán	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ; - Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ; - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra; - Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).		- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh"; - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước); - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho; - Khoản hoàn nhập chi phí trích trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán (chênh lệch giữa số chi phí trích trước còn lại cao hơn chi phí thực tế phát sinh); - Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ; - Các khoản thuế thu nhập, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại.

TK 632 không có số dư cuối kỳ

b) Kết cấu kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Nợ	TK 632 – Giá vốn hàng bán	Có

- **Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại:**
- Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).
- **Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ:**
- Trị giá vốn của thành phẩm, dịch vụ tồn kho đầu kỳ;
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết);
- Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.

- **Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại:**
- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ;
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);
- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".
- **Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ:**
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm, dịch vụ tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155 "Thành phẩm"; TK 154 "Chi phí sản xuất kinh doanh, dở dang";
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK

TK 632 không có số dư cuối kỳ

1.3.1.5. Phương pháp hạch toán

a) Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên

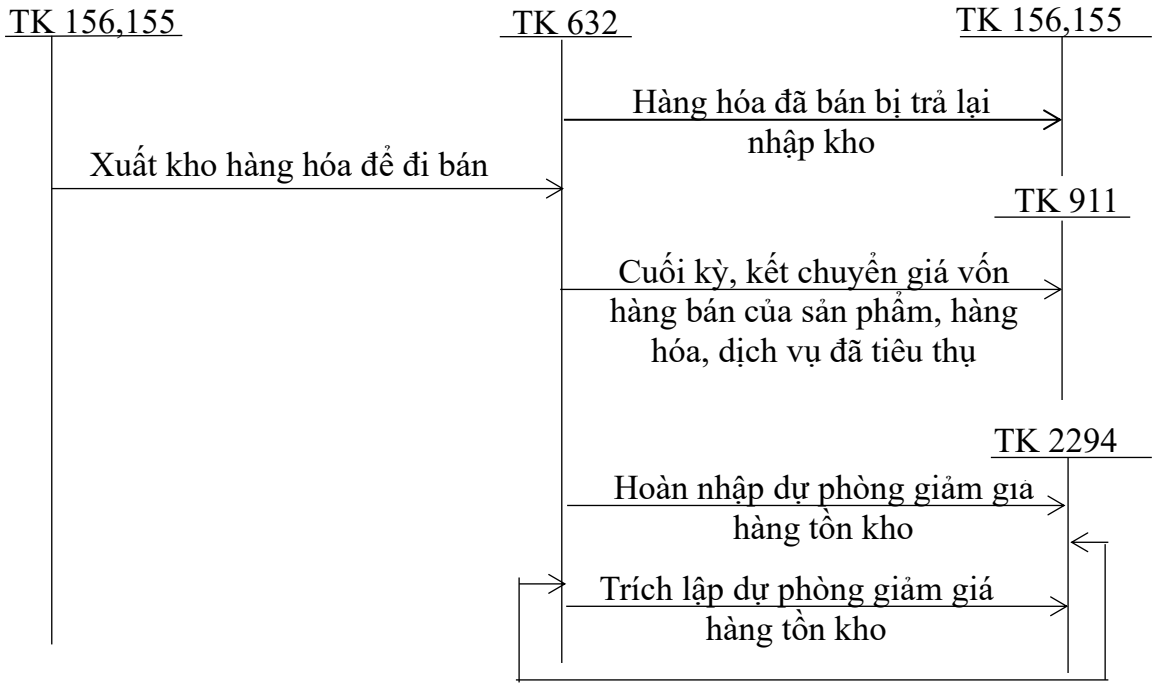

Sơ đồ 1.10 Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên

b) Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ

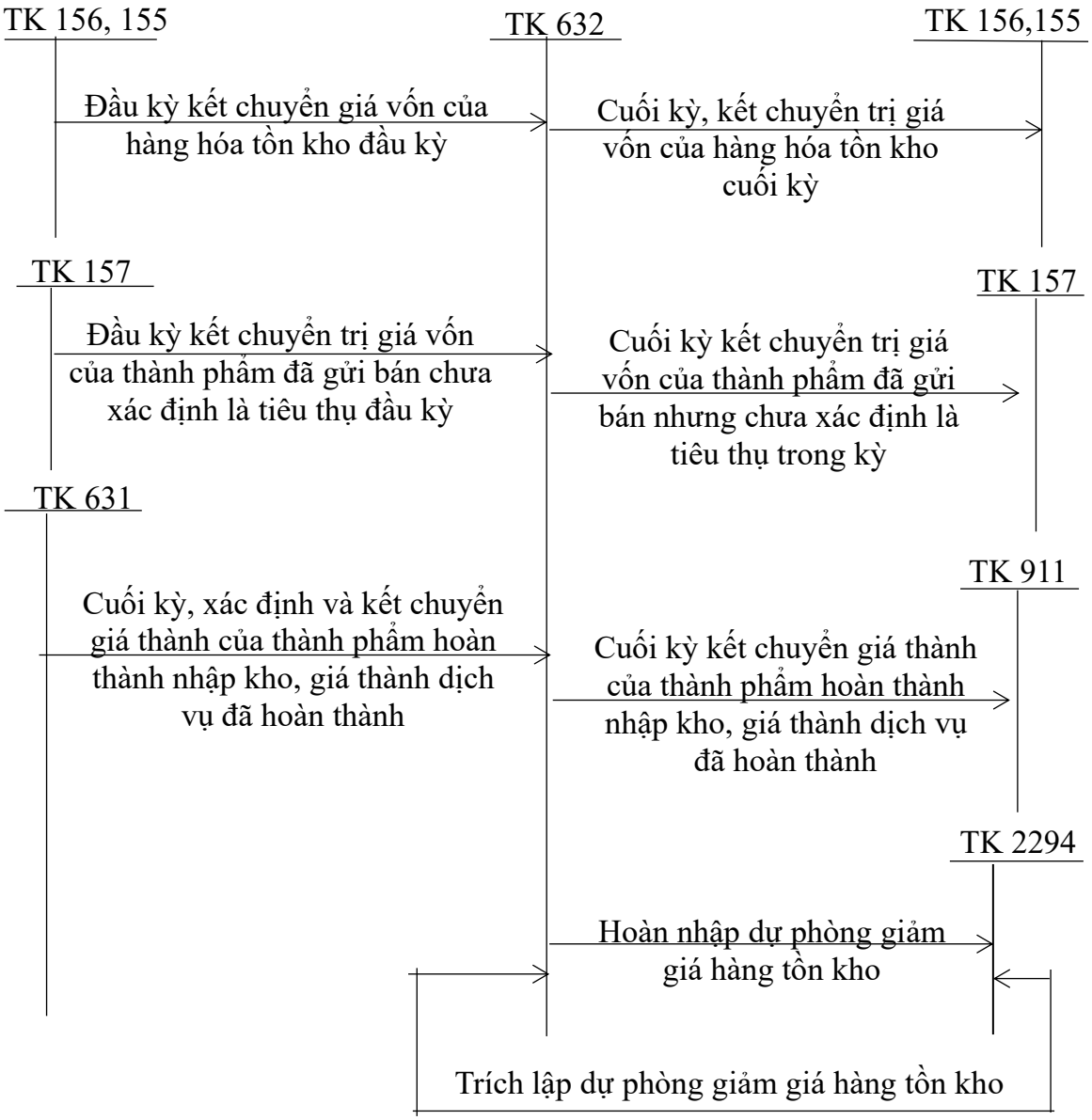

Sơ đồ 1.11 Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ

c) Hạch toán giá vốn dịch vụ

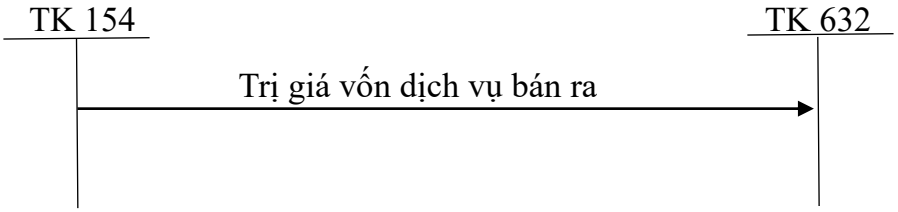

Sơ đồ 1.12 Sơ đồ hạch toán giá vốn dịch vụ

Trong quá trình cung cấp dịch vụ, kế toán tiến hành tập hợp toàn bộ các khoản chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến hoạt động dịch vụ như chi phí nhân công, chi phí CCDC, chi phí khấu hao TSCĐ và các chi phí liên quan khác vào TK 154 – Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang. Khi dịch vụ hoàn thành và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu, kế toán thực hiện kết chuyển chi phí từ TK 154 sang TK 632 – Giá vốn hàng bán để xác định giá vốn dịch vụ trong kỳ.

1.3.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.3.2.1. Nội dung chi phí quản lý kinh doanh

Căn cứ vào Điều 64 theo Thông tư 133/2016/TT-BTC, chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí bán hàng bao gồm các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, lương nhân viên bộ phận bán hàng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động của nhân viên bán hàng; chi phí vật liệu, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

1.3.2.2. Chứng từ sử dụng

- Bảng thanh toán lương
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Giấy báo Nợ
- Các giấy tờ liên quan

1.3.2.3. Tài khoản sử dụng

TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

Công dụng: TK này dùng để phản ánh các chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh	Có
- Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ. - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).		- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh. - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết). - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

TK 642 không có số dư cuối kỳ

TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh có 2 TK cấp 2:

- TK 6421 – Chi phí bán hàng
- TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

1.3.2.4. Trình tự hạch toán

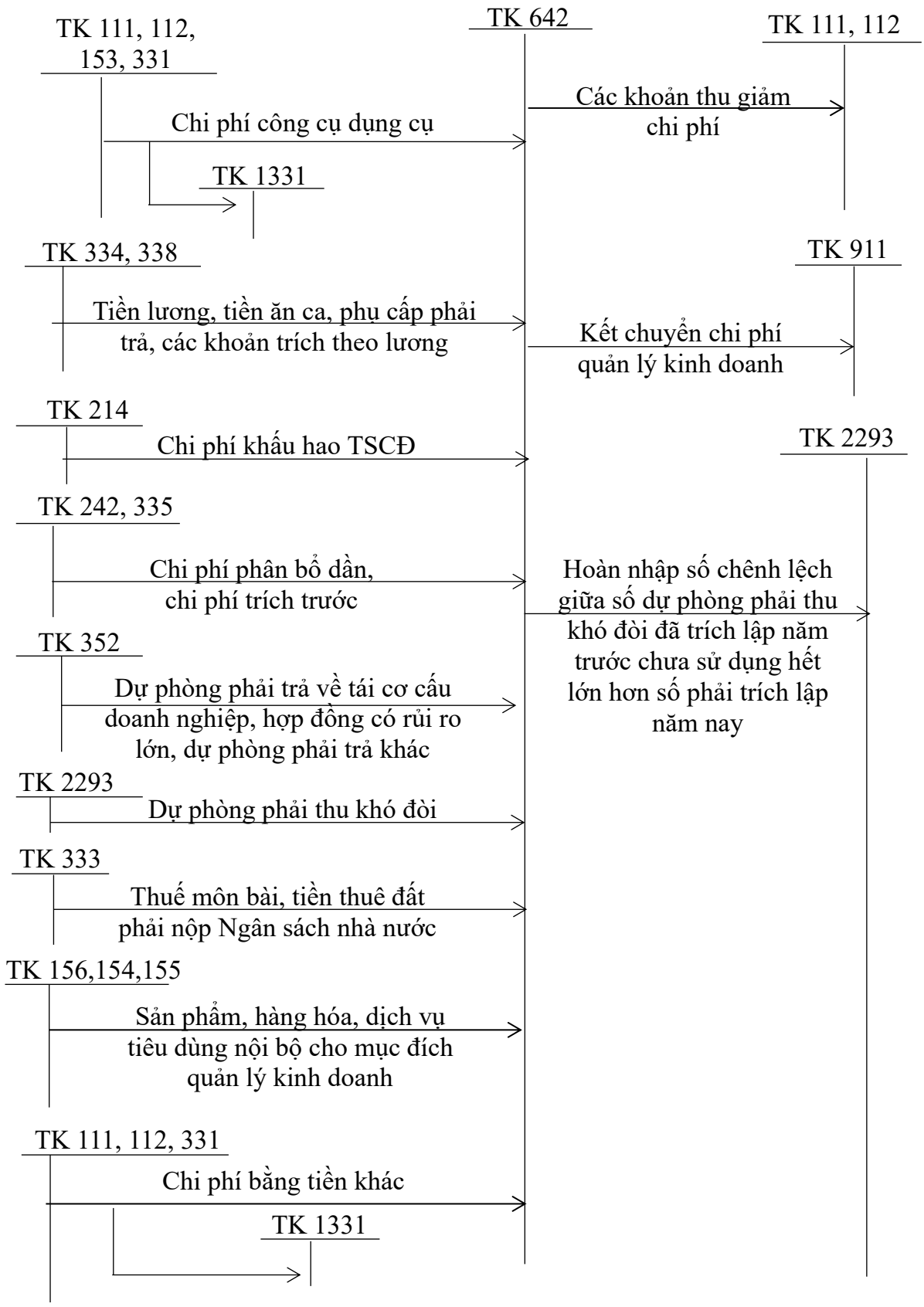

Sơ đồ 1.13 Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.3.3. Kế toán chi phí tài chính

1.3.3.1. Nội dung chi phí tài chính

Căn cứ Điều 63 của Thông tư 133/2016/TT-BTC thì chi phí tài chính được hiểu là những chi phí liên quan đến các hoạt động về vốn, các hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính của doanh nghiệp.

Chi phí tài chính bao gồm:

- Chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ;
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ;
- Lỗ bán ngoại tệ;
- Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác;
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác;
- Các khoản chi phí tài chính khác.

1.3.3.2. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo Nợ
- Phiếu tính lãi
- Phiếu chi
- Các giấy tờ khác có liên quan

1.3.3.3. Tài khoản sử dụng

TK 635 – Chi phí tài chính

Công dụng: TK này dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến hoạt động tài chính.

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 635 – Chi phí tài chính	Có
- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính; - Lỗ bán ngoại tệ; - Chiết khấu thanh toán cho người mua; - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; - Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; - Các khoản chi phí hoạt động đầu tư khác.		- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; - Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính; - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

TK 635 không có số dư cuối kỳ

1.3.3.4. Phương pháp hạch toán

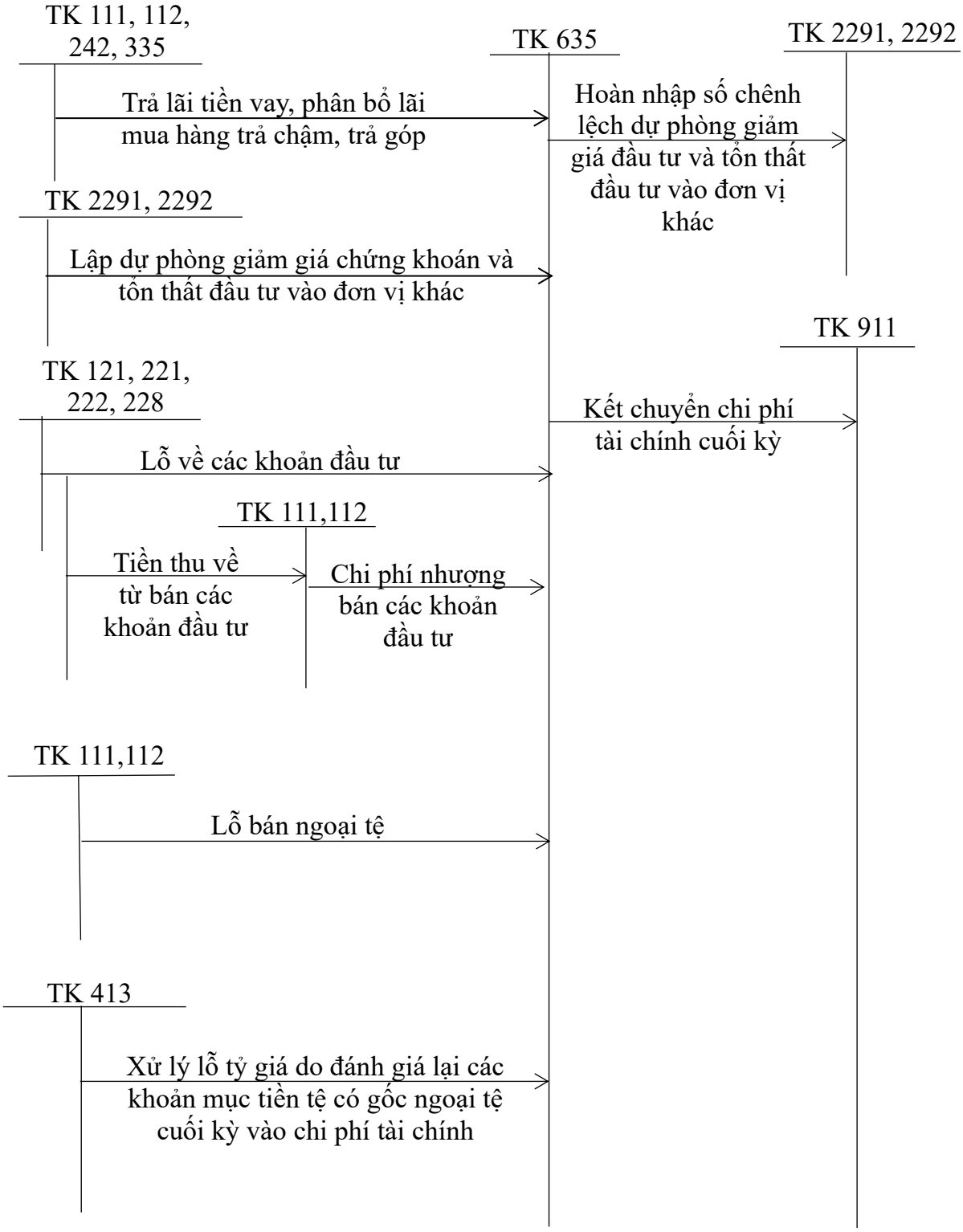

Sơ đồ 1.14 Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính

1.3.4. Kế toán chi phí khác

1.3.4.1. Nội dung chi phí khác

Căn cứ vào Điều 66 của Thông tư 133/2016/TT-BTC thì khoản chi phí khác được hiểu là những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thường của các doanh nghiệp.

Chi phí khác bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ;
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
- Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ;
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác;
- Tiền phạt phải trả do vi phạm Hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính;
- Các khoản chi phí khác.

1.3.4.2. Chứng từ sử dụng

- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Quyết định xử phạt vi phạm Hợp đồng kinh tế
- Phiếu chi
- Các giấy tờ khác có liên quan

1.3.4.3. Tài khoản sử dụng

TK 811 – Chi phí khác

Công dụng: TK này phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu.

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 811 – Thu nhập khác	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.		- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

TK 811 không có số dư cuối kỳ

1.3.4.4. Phương pháp hạch toán

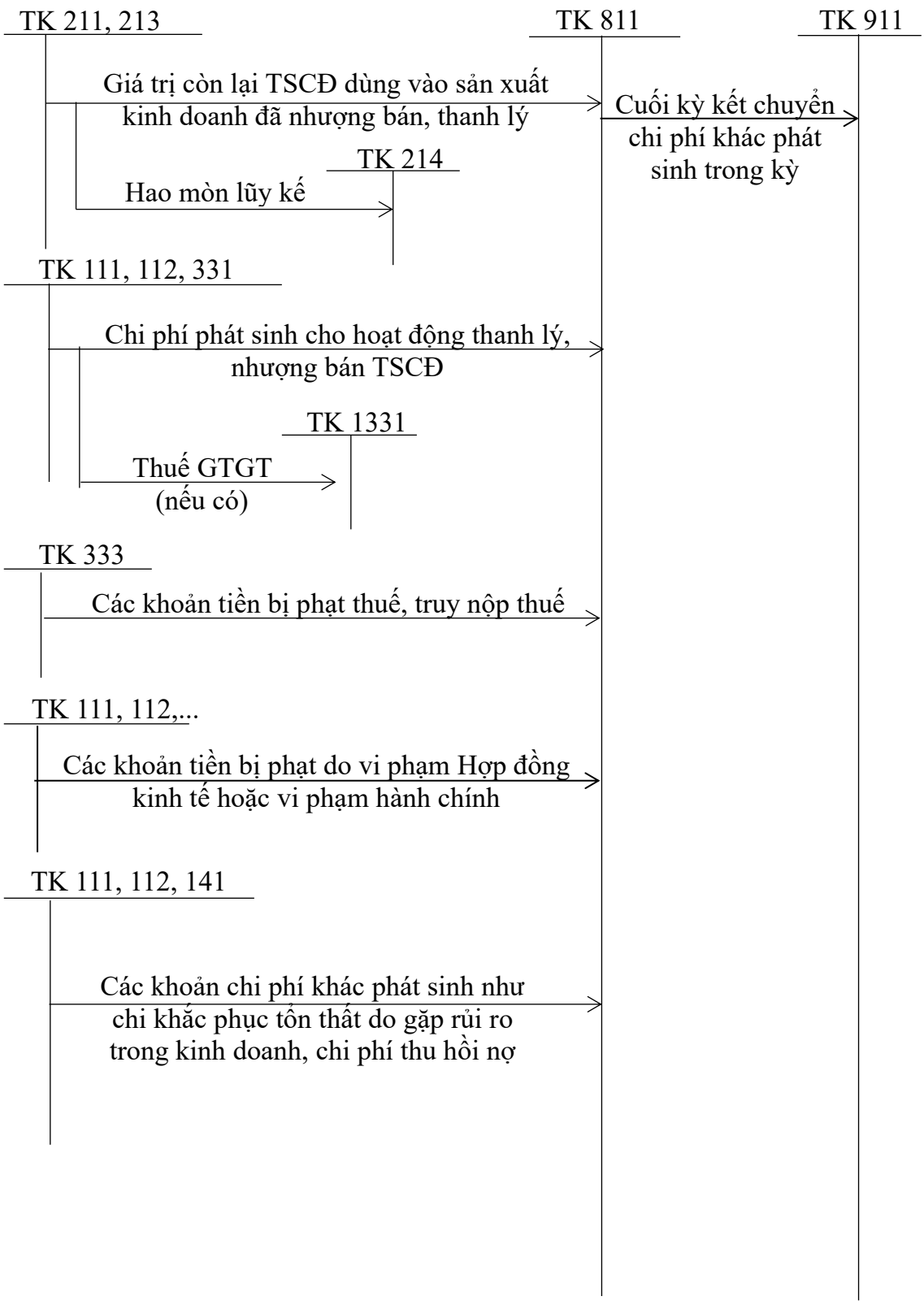

Sơ đồ 1.15 Sơ đồ hạch toán chi phí khác

1.3.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.3.5.1. Nội dung chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ vào Điều 67 của Thông tư 133/2016/TT-BTC, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được hiểu là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Tính thuế TNDN phải nộp được xác định:

Thuế TNDN phải nộp	=	**Thu nhập tính thuế TNDN**	×	**Thuế suất thuế TNDN**

Trong đó:

- **Thu nhập tính thuế TNDN = Thu nhập chịu thuế - (Thu nhập được miễn thuế + Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định)**
- **Thu nhập chịu thuế = Doanh thu – Các khoản chi được trừ + Các khoản thu nhập khác**

1.3.5.2. Chứng từ sử dụng

- Tờ khai quyết toán thuế TNDN

1.3.5.3. Tài khoản sử dụng

TK 821 – Chi phí thuế TNDN

Công dụng: TK này dùng để phản ánh chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 821 – Chi phí thuế TNDN	Có
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm; - Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện tại.		- Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đã ghi nhận trong năm; - Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện tại; - Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm vào tài khoản 911 - "Xác định kết quả kinh doanh".

TK 821 không có số dư cuối kỳ

1.3.5.4. Phương pháp hạch toán

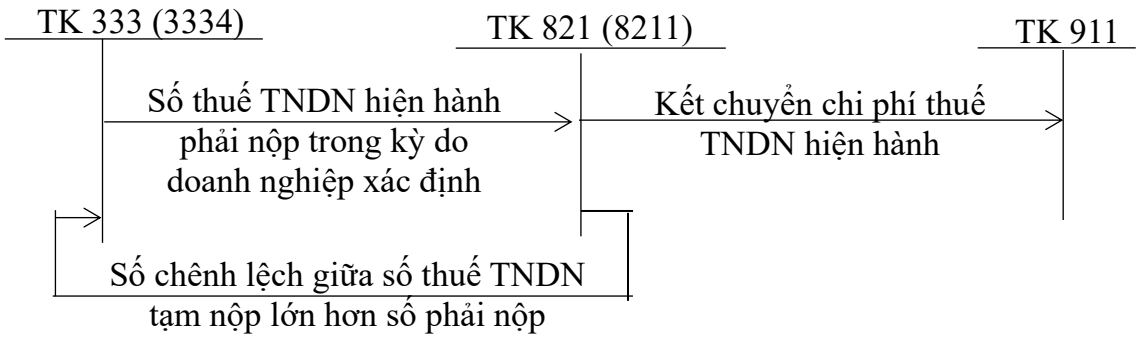

Sơ đồ 1.16 Sơ đồ hạch toán Chi phí Thuế TNDN hiện hành

1.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.4.1. Nội dung xác định kết quả kinh doanh

Căn cứ vào Điều 68 của Thông tư 133/2016/TT-BTC, Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là kết quả hoạt động kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh; Kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác. Trong đó:

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí tài chính.
- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

Công thức xác định kết quả kinh doanh:

Lợi nhuận kế toán trước thuế	=	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	+	**Thu nhập khác**	–	**Chi phí khác**

Lợi nhuận sau thuế	=	**Lợi nhuận kế toán trước thuế**	–	**Chi phí thuế TNDN**

Trong đó:

- **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh = Doanh thu thuần BH & CCDV – Giá vốn hàng bán + Doanh thu hoạt động tài chính – Chi phí tài chính – Chi phí quản lý kinh doanh**

1.4.2. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

1.4.3. Tài khoản sử dụng

TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Công dụng: TK này xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm.

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp - Kết chuyển lãi.		- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN - Kết chuyển lỗ.

TK 911 không có số dư cuối kỳ

1.4.4. Phương pháp hạch toán

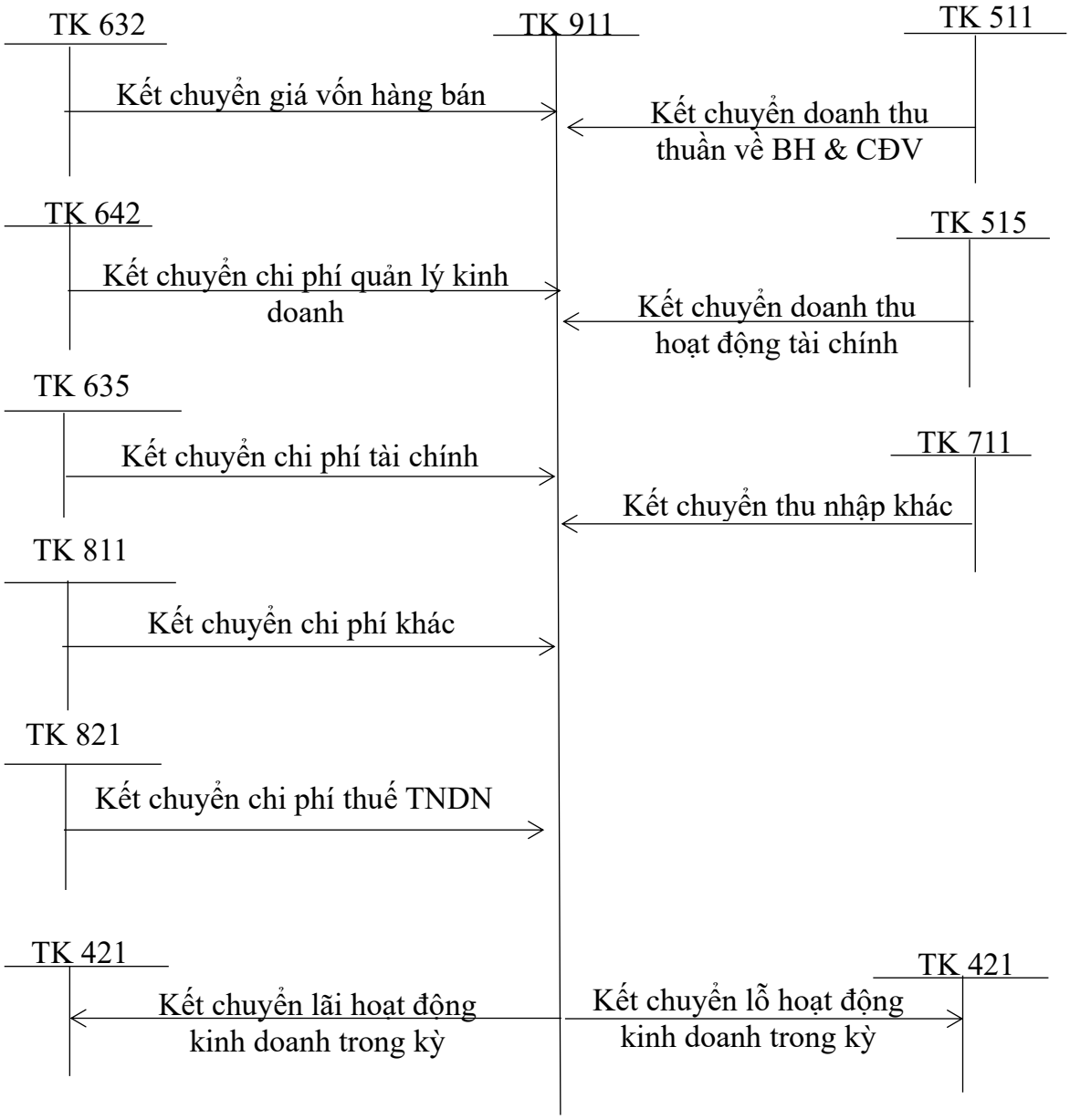

Sơ đồ 1.17 Sơ đồ xác định kết quả kinh doanh

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG

2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Nhi Hoàng

2.1.1. Sự ra đời và quá trình hình thành, phát triển của công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Nhi Hoàng

2.1.1.1. Giới thiệu về công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Nhi Hoàng

Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Nhi Hoàng được thành lập từ năm 2019 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0401992249 cấp ngày 29/07/2019.

- Tên công ty: Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Nhi Hoàng
- Giám đốc: Nguyễn Hoàng Sơn
- Địa chỉ: K48/21 Ngô Sĩ Liên, Phường Liên Chiểu, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Tên viết tắt: Nhi Hoang Security Serveces CO.,LTD
- Mã số thuế: 0401992249
- Điện thoại:0937308282

2.1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của công ty

Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Nhi Hoàng được ra đời từ năm 2019 do ông Nguyễn Hoàng Sơn thành lập. Nhận thấy được vai trò quan trọng của bảo vệ trong đời sống cũng như các công trình xây dựng, ông Nguyễn Hoàng Sơn đã ra quyết định ra đời công ty. Sau hơn năm thành lập, bằng những nỗ lực của nhân viên công ty, cùng với những chiến lược kinh doanh vững chắc, sáng tạo, công ty đã có nhiều thay đổi về chất lượng phục vụ.

Với sự phát triển ngày càng vượt bậc của khoa học kỹ thuật, công ty đã áp dụng một cách tốt nhất và phát huy sự nỗ lực để duy trì, mở rộng và từng bước tạo vị trí của mình trên thị trường Đà Nẵng. Từ khi thành lập đến nay, Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Nhi Hoàng đã một lần thay đổi trụ sở chính từ H02/09, K171 Thái Thị Bôi, Phường Chính Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng sang địa chỉ 48/21 Ngô Sĩ Liên, Phường Liên Chiểu, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam. Cho đến hiện nay, công ty chỉ có một trụ sở chính tại số 48/21 Ngô Sĩ Liên, Phường Liên Chiểu, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam.

2.1.2. Đặc điểm lĩnh vực kinh doanh và nhiệm vụ của công ty

2.1.2.1. Đặc điểm lĩnh vực kinh doanh

Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Nhi Hoàng là đơn vị kinh tế hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, nhằm đạt được mục đích là đảm bảo an ninh trật tự cho đối tượng được bảo vệ tại đây họ có thể sẽ phải ứng phó với các tình huống nguy hiểm, khẩn cấp, trong nhiều tính huống có thể ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe do đó nhân viên bảo vệ phải sáng suốt, dũng cảm để đối phó với các tình huống.

2.1.2.2. Nhiệm vụ của công ty

Nhiệm vụ của công ty là cung cấp những dịch vụ bảo vệ chuyên nghiệp và uy tín thường phải không ngừng tiến hành huấn luyện và đào tạo nhân viên biết được, ý thức được nhiệm vụ bảo vệ thân chủ của bản thân. Mỗi một loại dịch vụ bảo vệ khác nhau thường sẽ có các nhiệm vụ bảo vệ với tính chất đặc thù riêng biệt, nhưng chúng đều hướng tới một mục tiêu chung là đem lại sự an toàn cho con người và an ninh xã hội.

Cuối cùng, mỗi nhân viên bảo vệ cần phải thực hiện nhiệm vụ bảo vệ bằng tất cả sự quyết tâm, yêu nghề cũng như có trách nhiệm với nghề thì mới có thể làm tốt những công việc bảo vệ được giao theo chiều hướng đem đến hiệu quả tốt nhất.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức quản lý

2.1.3.1. Sơ đồ bộ máy quản lý

Bộ máy quản lý doanh nghiệp được minh họa theo sơ đồ dưới đây. Mỗi bộ phận đều có nhiệm vụ, chức năng riêng nhưng có quan hệ liên kết hỗ trợ nhau để đảm bảo thông tin được trao đổi nhịp nhàng.

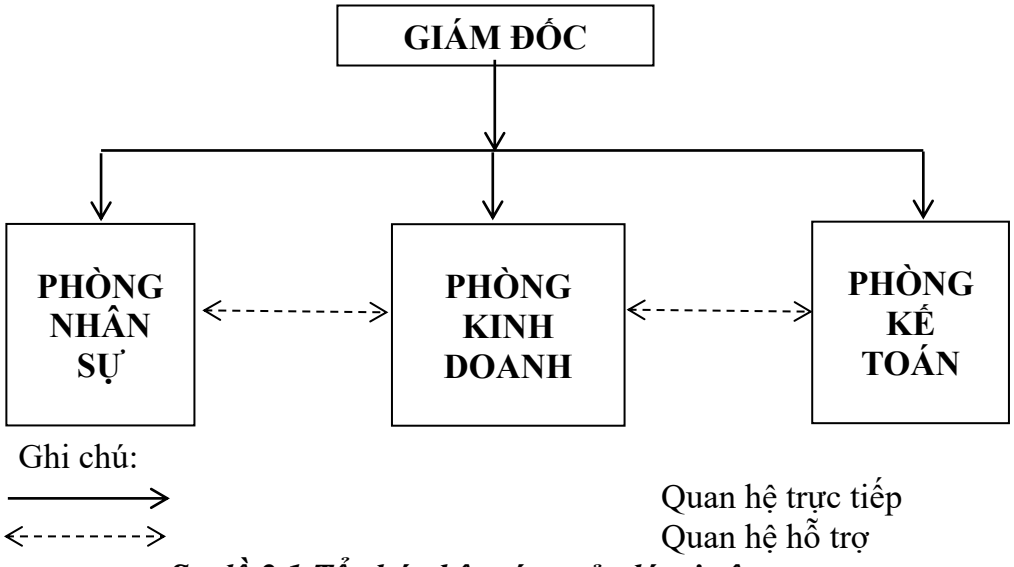

Sơ đồ 2.1 Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty

2.1.3.2. Chức năng, nhiệm vụ các phòng ban

Giám đốc: Ông Nguyễn Hoàng Sơn – người lãnh đạo cao nhất trong công ty. Ông là người chịu trách nhiệm trực tiếp, tổ chức chỉ huy mọi mặt trận sản xuất kinh doanh của công ty. Ông có vai trò điều hành hoạt động của công ty theo chủ trương, chính sách của Nhà nước, đồng thời đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng các mục tiêu, chiến lược kinh doanh của công ty, giám sát, điều chỉnh hoạt động của các bộ phận theo từng nhiệm vụ và ban hành các quy chế của công ty.

Phòng kế toán: Bộ phận này có nhiệm vụ thực hiện đúng theo các chuẩn mực kế toán với các nhiệm vụ như: thu thập, phân loại, xử lý, đánh giá và tổng hợp số liệu, dữ liệu kế toán có liên quan đến mọi hoạt động công ty; lập sổ sách lưu trữ thông tin kế toán ở công ty; lập báo cáo tài chính theo chế độ kế toán mới hiện hành nhằm cung cấp thông tin kịp thời theo yêu cầu của nhà quản lý và các bên liên quan; hướng dẫn, chỉ đạo việc ghi chép chứng từ ban đầu cho phòng kinh doanh; tổ chức thanh toán kịp thời, đầy đủ các khoản thanh toán của công ty cũng như việc thu hồi công nợ khách hàng.

Phòng kinh doanh: Bộ phận này có nhiệm vụ trực tiếp quản lý việc kinh doanh, thực hiện các nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, lập kế hoạch, tổ chức các chiến lược quảng cáo, chăm sóc, khai thác tối đa và quản lý tốt khách hàng hiện có, tìm kiếm khách hàng mới tiềm năng. Tham mưu cho Giám đốc về những biến động thị trường, những phương án kinh doanh có triển vọng nhất.

Phòng nhân sự: Bộ phận này có trách nhiệm đi tìm kiếm để tìm được nhân sự giỏi, phù hợp cho doanh nghiệp. Nhiệm vụ chính của bộ phận này sẽ lên kế hoạch, đăng tin tuyển dụng. Để tìm kiếm được nhân tài phù hợp, bộ phận nhân sự cần phải

phối hợp với các phòng ban khác để tìm hiểm nhu cầu tuyển dụng của từng phòng, đưa ra các tiêu chí để lựa chọn ứng viên phù hợp.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán

2.1.4.1. Sơ đồ bộ máy kế toán

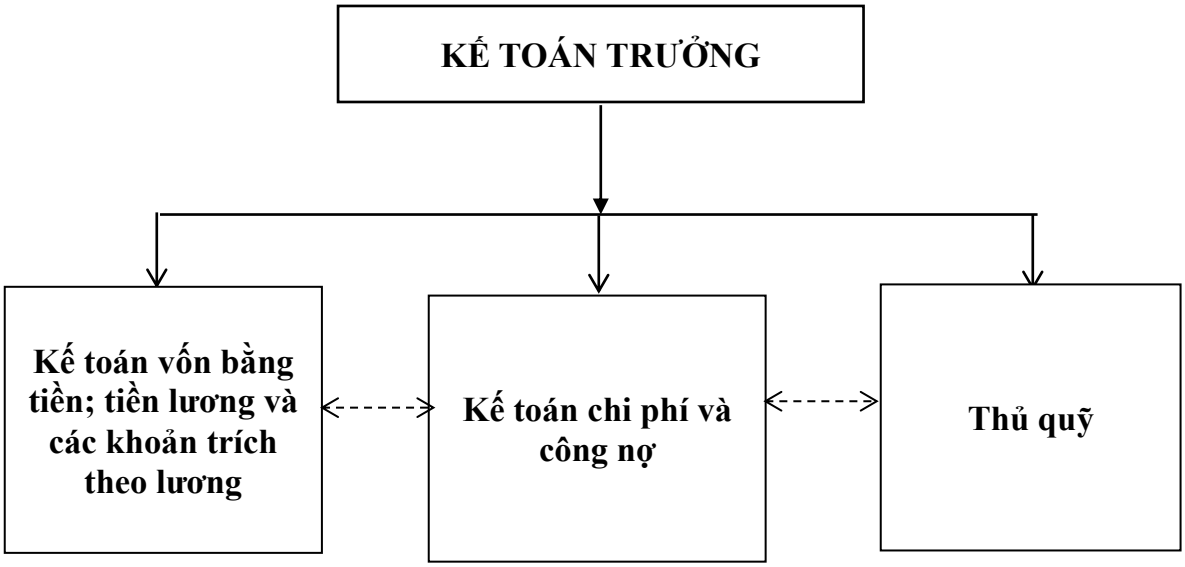

Ghi chú:

→ Quan hệ hỗ trợ

<--------> Quan hệ trực tiếp

Sơ đồ 2.2 Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

2.1.4.2. Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận

Kế toán trưởng: Là người chịu trách nhiệm cho toàn bộ công tác kế toán tại công ty: tham mưu cho Giám đốc về hoạt động tài chính của công ty; thực hiện kiểm tra, giám sát toàn bộ hoạt động của phòng Kế toán; ký duyệt các hồ sơ kế toán của công ty; xây dựng chỉ đạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho các thành viên trong phòng Kế toán tại công ty; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo tình hình tài chính cho Ban giám đốc và các cơ quan nhà nước có liên quan đến công tác kế toán.

Kế toán vốn bằng tiền, tiền lương và các khoản trích theo lương: Có nhiệm vụ theo dõi, ghi chép, phản ánh đầy đủ các khoản thu chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng hằng ngày; theo dõi việc thanh toán tiền lương và các khoản trích theo lương.

Kế toán chi phí và công nợ: Theo dõi tình hình thanh toán của từng khách hàng; phản ánh và cung cấp thông tin về hạn mực tín dụng của từng khách hàng để phối hợp với Phòng kinh doanh một cách hiệu quả nhất; theo dõi và báo cáo từng khoản nợ, tình hình thu hồi nợ cũng như đưa ra kế hoạch để thanh toán các khoản nợ đúng thời hạn theo Hợp đồng.

Thủ quỹ: theo dõi tình hình thu, chi nhằm đảm bảo sự công khai minh bạch trong các hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

2.1.4.3. Chế độ và chính sách kế toán áp dụng

- Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán Việt Nam theo thông tư 133/2016/TT – BTC ban hành ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính.
- Phương pháp tính thuế GTGT: Công ty áp dụng phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Phương pháp khấu hao: Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng.
- Đơn vị tiền tệ: Việt Nam Đồng (VNĐ).

2.1.4.4. Hình thức ghi sổ kế toán

Tại đơn vị, kế toán áp dụng hình thức ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung, công ty đã sử dụng phần mềm kế toán FAST trong công tác kế toán. Nhờ những tính năng ưu việt của phần mềm này: giao diện thân thiện dễ sử dụng, ít xảy ra sai sót bất thường nên kế toán yên tâm hơn. Công việc của kế toán cũng được giảm nhẹ hơn rất nhiều so với hình thức kế toán thủ công.

Trước tiên, khi mới sử dụng phần mềm thì kế toán sẽ thiết đặt kỳ kế toán, phương pháp hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và một số thông tin chung cho doanh nghiệp. Hằng ngày, khi có nghiệp vụ phát sinh, dựa trên các chứng từ đã được phê duyệt và kiểm tra, kế toán viên sẽ nhập số liệu vào phần mềm. Phần mềm sẽ tự động xử lý và tập hợp vào các sổ thẻ liên quan. Vào cuối năm tài chính, kế toán in các loại sổ cần thiết cho việc báo cáo.

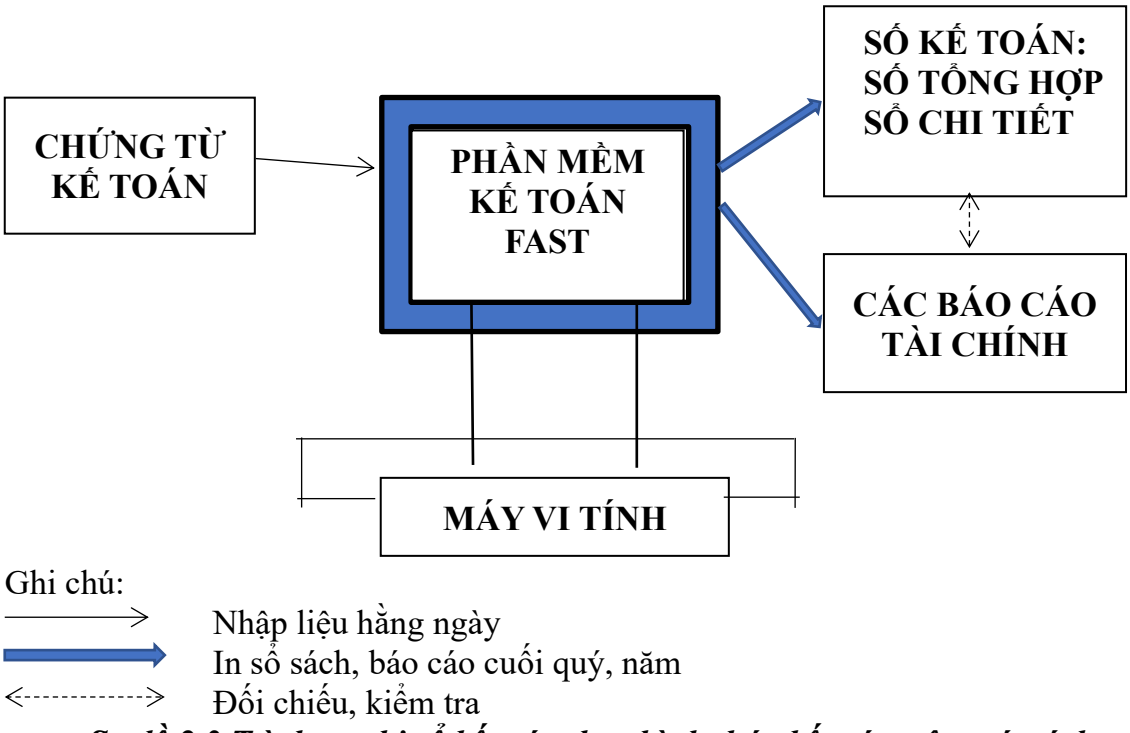

Sơ đồ 2.3 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính

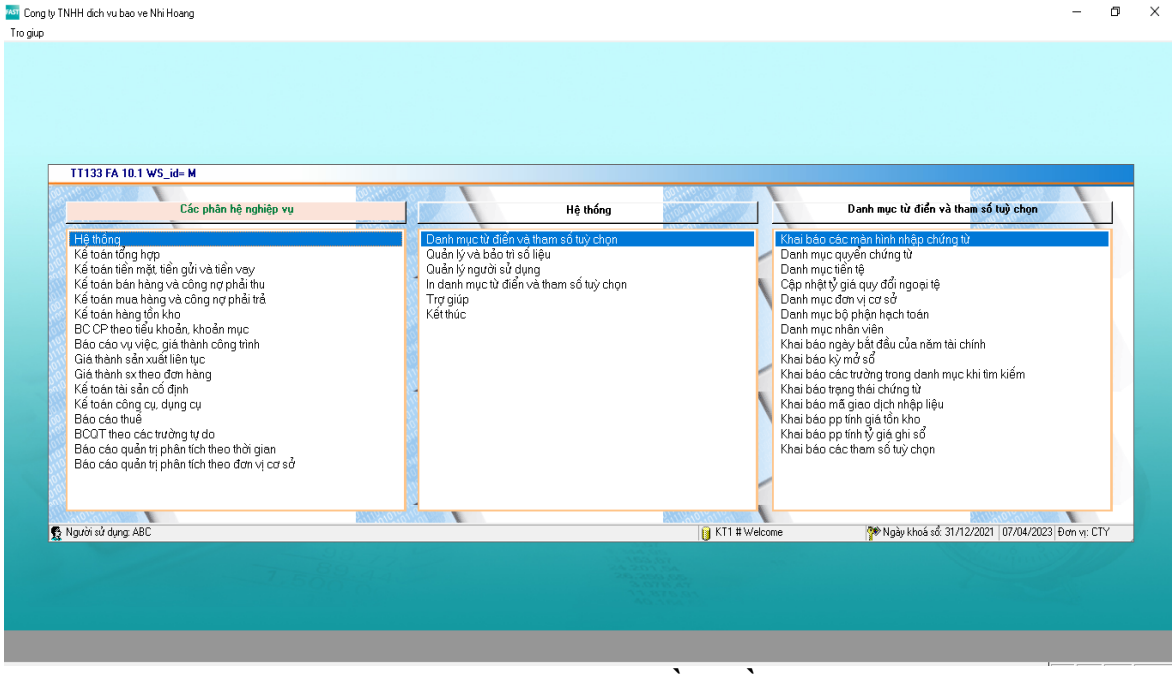

Hình 2.1. Giao diện phần mềm máy tính

Trình tự luân chuyển chứng từ kế toán tại Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Nhi Hoàng được tổ chức theo một quy trình chặt chẽ, đảm bảo các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi nhận đầy đủ, chính xác và kịp thời, đồng thời đáp ứng yêu cầu kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp. Quy trình luân chuyển chứng từ được thực hiện theo các bước cụ thể sau:

Trước hết, khi nghiệp vụ kinh tế phát sinh, các bộ phận có liên quan tiến hành lập chứng từ kế toán ban đầu theo đúng mẫu và quy định hiện hành. Chứng từ phải thể hiện rõ nội dung nghiệp vụ, số lượng, giá trị và có đầy đủ chữ ký của người lập, người có thẩm quyền phê duyệt.

Sau khi được lập, chứng từ kế toán được chuyển về bộ phận kế toán để tiến hành kiểm tra. Kế toán thực hiện kiểm tra chứng từ trên ba khía cạnh: tính hợp pháp, tính hợp lệ và tính hợp lý của nghiệp vụ. Những chứng từ chưa đảm bảo yêu cầu sẽ được trả lại cho bộ phận lập để điều chỉnh, bổ sung.

Tiếp theo, các chứng từ đã được kiểm tra và phê duyệt được phân loại theo nội dung kinh tế và theo từng đối tượng kế toán như tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, doanh thu, chi phí, tiền lương, công nợ phải thu và phải trả. Việc phân loại này nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình ghi sổ kế toán và tổng hợp số liệu.

2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Nhi Hoàng

2.2.1. Đặc điểm dịch vụ bảo vệ tại Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Nhi Hoàng

Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Nhi Hoàng có nhiệm vụ cung cấp các nhân viên bảo vệ theo yêu cầu của khách hàng sử dụng vào các mục đích bảo vệ tài sản và bảo vệ an ninh hay đơn giản là thuê người bảo vệ về để bảo vệ tài sản cho doanh nghiệp hoặc bảo vệ cho hỗ trợ an ninh trật tự, bảo vệ tính mạng, tài sản của cá nhân hay một pháp nhân khác (pháp nhân sử dụng dịch vụ bảo vệ) góp phần giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội.

Các loại hình dịch vụ bảo vệ của công ty bao gồm công trình trọng điểm, bảo vệ nhà máy, bảo vệ tòa nhà, bảo vệ ngân hàng, bảo vệ khách VIP, bảo vệ yếu nhân, bảo vệ nhà hàng, bảo vệ siêu thị, villa, resort.

Về đơn giá dịch vụ bảo vệ phụ thuộc vào từng loại hình bảo vệ và phụ thuộc vào từng yêu cầu của khách hàng, do thuộc phạm vi thông tin nội bộ và chính sách bảo mật của doanh nghiệp, em không có điều kiện tiếp cận số liệu về đơn giá cụ thể theo từng loại hình dịch vụ. Tuy nhiên, dựa trên cơ sở các loại hình dịch vụ mà công ty đang cung cấp, có thể thấy rằng đơn giá dịch vụ được xây dựng dựa trên đặc điểm riêng của từng loại hình bảo vệ.

Cụ thể, đối với các dịch vụ bảo vệ công trình, nhà máy hoặc kho bãi, đơn giá thường được xác định dựa trên quy mô khu vực cần bảo vệ, số lượng vị trí chốt trực và yêu cầu kiểm soát an ninh. Đối với dịch vụ bảo vệ tòa nhà, ngân hàng, siêu thị hay trung tâm thương mại, mức giá không chỉ phụ thuộc vào số lượng nhân sự mà còn gắn với yêu cầu về tác phong, kỹ năng giao tiếp và tiêu chuẩn nghiệp vụ của nhân viên bảo vệ.

Đối với các loại hình đặc thù như bảo vệ VIP, yếu nhân hoặc các sự kiện quan trọng, đơn giá dịch vụ thường cao hơn do yêu cầu khắt khe về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, khả năng xử lý tình huống và mức độ rủi ro. Ngoài ra, các dịch vụ bảo vệ tại nhà hàng, villa, resort cũng có sự điều chỉnh về giá nhằm phù hợp với tính chất dịch vụ, môi trường làm việc và yêu cầu về hình ảnh, thái độ phục vụ.

Như vậy, đơn giá dịch vụ bảo vệ tại công ty được xây dựng một cách linh hoạt, gắn liền với từng loại hình dịch vụ cụ thể và được xác định thông qua quá trình thỏa thuận với khách hàng, nhằm đảm bảo cân đối giữa chất lượng dịch vụ cung cấp và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường.

2.2.2. Kế toán doanh thu

2.2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a) Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu Thu
- Giấy báo Có
- Hợp đồng dịch vụ
- Các chứng từ có liên quan

b) Tài khoản sử dụng

TK 511 – Doanh thu BH & CCDV

- TK 51111 – Doanh thu bán hàng hóa

c) Sổ sách sử dụng

- Sổ chi tiết TK 51111
- Sổ NKC
- Sổ cái TK 511

d) Quy trình luân chuyển chứng từ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán doanh thu dịch vụ tại Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Nhi Hoàng được thực hiện theo trình tự nghiệp vụ chặt chẽ, bắt đầu từ nhu cầu sử dụng dịch vụ bảo vệ, khách hàng liên hệ với phòng Kinh doanh để được tư vấn, thỏa thuận các điều khoản dịch vụ và tiến hành ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ.

Sau khi hợp đồng được lập, phòng Kinh doanh chuyển hợp đồng dịch vụ lên Giám đốc để xem xét, phê duyệt. Việc phê duyệt của Giám đốc là căn cứ pháp lý quan trọng nhằm đảm bảo hợp đồng phù hợp với định hướng kinh doanh và quy định nội bộ của công ty. Hợp đồng sau khi được phê duyệt được chuyển đến phòng Kế toán để làm căn cứ ghi nhận doanh thu.

Căn cứ vào hợp đồng đã được phê duyệt, phòng Kế toán tiến hành lập hóa đơn GTGT theo quy định. Đồng thời, kế toán thực hiện hạch toán doanh thu và theo dõi việc thu tiền từ các khách hàng thông qua phiếu thu hoặc giấy báo Có của ngân hàng. Các chứng từ kế toán sau khi được lập được kiểm tra, lưu trữ và sử dụng làm căn cứ ghi sổ kế toán cũng như lập báo cáo tài chính theo quy định hiện hành.

e) Trình tự ghi sổ

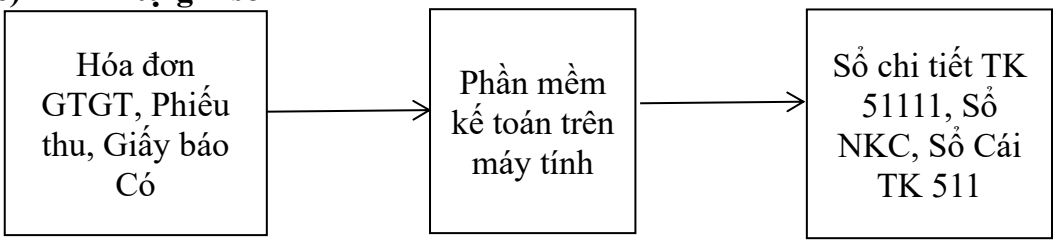

Khi nghiệp vụ kinh tế phát sinh, căn cứ vào Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa công ty và khách hàng. Kế toán bán hàng lập hóa đơn GTGT và phiếu thu (đối với trường hợp khách hàng thanh toán bằng tiền mặt). Lập Hóa đơn GTGT thao tác bằng điện tử phần mềm Visnam (Theo TT78)

Hằng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc (Hóa đơn GTGT) làm căn cứ ghi sổ, kế toán sẽ nhập hóa đơn lên phần mềm Fast. Từ dữ liệu đã nhập, phần mềm sẽ tự động lên sổ chi tiết doanh thu bán hàng hóa. Đồng thời, các nghiệp vụ phát sinh được ghi nhận vào sổ NKC và sổ Cái TK 511.

f) Nghiệp vụ minh họa

<u>Nghiệp vụ 1:</u>

Ngày 28/04/2025, công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Nhi Hoàng cung cấp nhân viên bảo vệ cho Doanh Nghiệp Tư Nhân Trần Gia với số lượng 816 giờ tương đương với đơn giá 16.500 đồng/giờ. Thuế suất thuế GTGT là 8%. Doanh nghiệp Tư Nhân Trần Gia thanh toán bằng tiền mặt.

Mã cơ quan thuế: 00EFD244842407469E8D89CD4646B79F79

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (date) 28 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial No): **1C25TNH**

Số (No.): **142**

Đơn vị bán hàng *(Seller):* **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG**

Mã số thuế *(Tax code)* : **0401992249**

Địa chỉ *(Address)* : *48/21 Ngô Sĩ Liên, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam*

Điện thoại *(Tel)* :

Số tài khoản *(A/C No)* :

Họ tên người mua hàng *(Buyer's fullname):*

Tên đơn vị *(Company's name): DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TRẦN GIA*

Địa chỉ *(Address): 225 Nguyễn Chí Thanh, Phường Hải Châu, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam*

Mã số thuế *(Tax code): 0400126293*

Hình thức thanh toán *(Payment method): Tiền mặt/Chuyển khoản*

Số tài khoản *(A/C No):*

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**Đơn vị tính** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6) = (4) x (5)*
1	*Phí dịch vụ bảo vệ tháng 04/2025 theo phụ lục hợp đồng số 01/06/HĐKT/2024*	*Giờ*	*816*	*16.500*	*13.464.000*
				Cộng tiền hàng (Total amount):	*13.464.000*
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 8%				*Tiền thuế GTGT (VAT amount):*	*1.077.120*
				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment):*	**14.541.120**

Số tiền viết bằng chữ *(In words): Mười bốn triệu năm trăm bốn mươi mốt nghìn một trăm hai mươi đồng*

Người mua hàng *(Buyer)*	**Người bán hàng** *(Seller)*
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*
(Sign & Fullname)	*(Sign & Fullname)*

Signature valid
Được ký bởi: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG
Ngày ký: 28 / 04 / 2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: http://tracuu.vin-hoadon.com Mã số tra cứu: 274L5LQ0T33W
Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VISNAM, MST: 0401486901

Hình 2.2. Hóa đơn GTGT số 142

Hóa đơn được thanh toán bằng tiền mặt và được thể hiện qua Phiếu thu như sau:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG
H02/09, K171 Thái Thị Bôi, P.Chính Gián, Q. Thanh Khê, Đà Nẵng

Mẫu số 01-TT
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU THU

Ngày 28 tháng 04 năm 2025

Liên số: 1
Quyển số: PT
Số: PT/364
Nợ: 1111 14 541 120
Có: 1311 14 541 120

Họ, tên người nộp tiền: Doanh nghiệp tư nhân Trần Gia
Đơn vị: TRANGIA - Doanh nghiệp tư nhân Trần Gia
Địa chỉ: 225 Nguyễn Chí Thanh. P. Hải Châu I, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Lý do nộp: Thanh toán tiền dịch vụ bảo vệ HĐ 142
Số tiền: 14 541 120 VND
Bằng chữ: Mười bốn triệu, năm trăm bốn mươi mốt nghìn, một trăm hai mươi đồng chẵn

Kèm theo: 0 chứng từ gốc:

Ngày. . . . tháng. . . . .năm . . . . .

GIÁM ĐỐC	KẾ TOÁN TRƯỞNG	NGƯỜI NỘP TIỀN	NGƯỜI LẬP PHIẾU	THỦ QUỸ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Hình 2.3. Phiếu Thu

<u>Nghiệp vụ 2:</u>

Ngày 02/05/2025, công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Nhi Hoàng cung cấp nhân viên bảo vệ cho Công ty Cổ Phần Đầu Tư Bất Động Sản Du Lịch An Điền 1 tháng tương đương với đơn giá 43.636.365 đồng/tháng. Thuế suất thuế GTGT là 8%. Công ty Cổ Phần Đầu Tư Bất Động Sản Du Lịch An Điền thanh toán bằng chuyển khoản.

Mã cơ quan thuế: 00971F39A2C04C4A199291CFCA88A08433

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (date) 02 tháng (month) 05 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial No): **1C25TNH**

Số (No.): **171**

Đơn vị bán hàng *(Seller):* **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG**

Mã số thuế *(Tax code)* : **0401992249**

Địa chỉ *(Address)* : *48/21 Ngô Sĩ Liên, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam*

Điện thoại *(Tel)* :

Số tài khoản *(A/C No)* :

Họ tên người mua hàng *(Buyer's fullname):*

Tên đơn vị *(Company's name): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN DU LỊCH AN ĐIỀN*

Địa chỉ *(Address): Khối Thịnh Mỹ, Phường Cẩm An, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam*

Mã số thuế *(Tax code): 4300398188*

Hình thức thanh toán *(Payment method): Chuyển khoản*

Số tài khoản *(A/C No):*

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**Đơn vị tính** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6) = (4) x (5)*
1	*Phí dịch vụ Bảo vệ tháng 04/2025 từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/04/2025*	*Tháng*	*1*	*43.636.365*	*43.636.365*
				Cộng tiền hàng (Total amount):	*43.636.365*
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 8%				*Tiền thuế GTGT (VAT amount):*	*3.490.909*
				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment):*	**47.127.274**

Số tiền viết bằng chữ *(In words): Bốn mươi bảy triệu một trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm bảy mươi bốn đồng*

Người mua hàng *(Buyer)*
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & Fullname)

Người bán hàng *(Seller)*
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & Fullname)

Signature valid
Được ký bởi: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG
Ngày ký: 02 / 05 / 2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: http://tracuu.vin-hoadon.com Mã số tra cứu: 2QKH91NFQTUL
Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VISNAM, MST: 0401486901

Hình 2.4. Hóa đơn GTGT số 171

Hóa đơn được thanh toán bằng chuyển khoản và được thể hiện qua sao kê ngân hàng của Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam từ ngày 01/06/2025 đến ngày 30/06/2025 như sau:

Ngày giao dịch/ Trans date	Số giao dịch/ Transaction Number	Nội dung phát sinh/ Transaction Description	Phát sinh nợ/ Debits	Phát sinh có/ Credits	Số dư/ Balance
16/06/2025	FT25167WCD74	Home thanh toan cong no thang 5.sys tem-trace:447575	0	15.396.480	32.626.833
17/06/2025	FT25168BNK200039	CTY GHN TT 101670OPEXT2025060100002CT tu 0921000005555 CT CP DICH VUGIAO HANG NHANH toi 568526099999CONG TY TNHH DICH VU BAO VE NHI	0	86.400.000	119.026.833
17/06/2025	FT25168BNK200360	Vien Khoa hoc xa hoi Vung Trung Bova Tay NguyenThanh toan cho sochung tu: 250612 1072860 0168013	0	24.800.000	143.826.833
17/06/2025	FT25168M9SWQ	DANANG - OWAY THANH TOAN CHI PHI BA O VE THANG 05.2025 - HD 198.system-trace:450061	0	12.960.000	156.786.833
17/06/2025	CHG2516800346	THU PHÍ PHÁT HÀNH SÉC CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG SỐ LƯỢNG 3 QUYỂN, NGƯỜI NHẬN LÊ THỊ CẨM TÚ	Nợ 64225 Có 112 6.000	0	156.780.833
17/06/2025	CHG2516800346	THU PHÍ PHÁT HÀNH SÉC CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG SỐ LƯỢNG 3 QUYỂN, NGƯỜI NHẬN LÊ THỊ CẨM TÚ	( ) 60.000	0	156.720.833
18/06/2025	FT25169BNK200054	SPX Security SPXVN01 0420251C25TNH-182	0	768.794.901	925.515.734
18/06/2025	FT251697QGQY	Cty Thai Market TT CP bao ve thang 05/2025 cho NH 101PNT theo hoa don so 201 NCC Nhi Hoang.system-trace:8 50654	0	11.975.040	937.490.774
18/06/2025	TT2516902310	LÊ THỊ CẨM TÚ RÚT SÉC TỪ TK CÔNG TY	935.000.000	0	2.490.774
19/06/2025	FT25170BNK200849	CTY GHN TT 101672OPEXT2025060100007CT tu 0921000005555 CT CP DICH VUGIAO HANG NHANH toi 568526099999CONG TY TNHH DICH VU BAO VE NHI	0	17.280.000	19.770.774
20/06/2025	FT25171BNK200006	Security SRETAIL TT inv 180	0	47.990.880	67.761.654
20/06/2025	FT25171BNK200805	DHSPDN TT DICH VU BAO VE THANG 052025 45 HDDVBV 2025 DHSP NHIHOANG01 01 2025	0	39.588.480	107.350.134
20/06/2025	TT2517103594	LÊ THỊ CẨM TÚ RÚT SEC TỪ TÀI KHOẢN CÔNG TY	105.000.000	0	2.350.134
23/06/2025	FT25174ZYCSC	LONG GIAO TT TIEN BAO VE CONG TY NHI HOANG THANG 5-230625-11:50:13 639 377.system-trace:639377 Hồng phúc Bắc	0	7.698.240	10.048.374
24/06/2025	FT25175SVJF8	Monarque hotel ck hd Nhi Hoang.syst em-trace:078188 Nguyễn Quốc	0	9.513.000	19.561.374
25/06/2025	FT25176WPGSX	CTY CP DAU TU BDS DU LICH AN DIENTTHD GTGT SO 208 NGAY 31052025	0	47.127.274	66.696.597
26/06/2025	FT251772DMCQ	GOOD DAY TT TIEN BAO VE 05.2025 MCD GA NHA TRANG, MCD DA NANG 2.9 VA N GUYEN VAN LINH, INV 222 223 228.sys tem-trace:003807	0	63.552.600	130.249.197
26/06/2025	FT25177LGK2N	CUONG CHE THUE QD SO 3369/QD-TKH NGAY19/06/2025CUA CC THUE KV XII DOI THUE LIEN HUYEN TK-LC CT TNHH DICH VU BAO VE NHI HOANG MST:040199 2249,NOP THUE GTGT NDKT: 1701,DVQHNS 1054324,MA CHUONG:755-ST129.249.197	Nợ 333 Có 112 129.249.197	0	1.000.000
27/06/2025	FT25178MV3H5	CTY PCV THANH TOAN PHI DV BAO VE T5 -2025 CHO NHI HOANG-270625-14:47:15 073998.system-trace:073998 Phú cường việt	0	22.680.000	23.680.000
27/06/2025	FT25178C0Y53	Le Hien saffron tt bao ve nhi hoang shd 200.system-trace:005001	0	9.147.600	32.827.600
28/06/2025	FT25179BWQK2	CUONG CHE THUE LAN2 QD SO3369/QD-TK H NGAY19/06/2025 CUA CC THUE KV XII DOI THUE LIEN HUYEN TK-LC CT TNHH DICH VU BAO VE NHI HOANG MST: 040199 2249,NOP THUE GTGT NDKT: 1701,DVQHNS 1054324,MA CHUONG:755-ST 31.827.600	Nợ 333 Có 112 31.827.600	0	1.000.000
30/06/2025	FT25181C2CRJ	CN TP.HCM - Cong Ty CP TD Lien KetViet Nam TT tien DV bao ve VP DaNang thang 062025 theo HD so 252ngay 27062025 - Cong Ty TNHH DV Bao	0	14.774.400	15.774.400
Doanh số phát sinh trong kỳ/ Total Debits/ Credits			**1.869.142.797**	**1.883.127.441**	
Số dư cuối kỳ/ Ending Balance					**15.774.400**

Hình 2.5. Sao kê ngân hàng

Căn cứ vào hóa đơn GTGT, Sao kê ngân hàng kế toán kiểm tra, xác định TK ghi Nợ, TK ghi Có rồi nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm. Phần mềm sẽ tự động chuyển số vào sổ chi tiết bán hàng như sau:

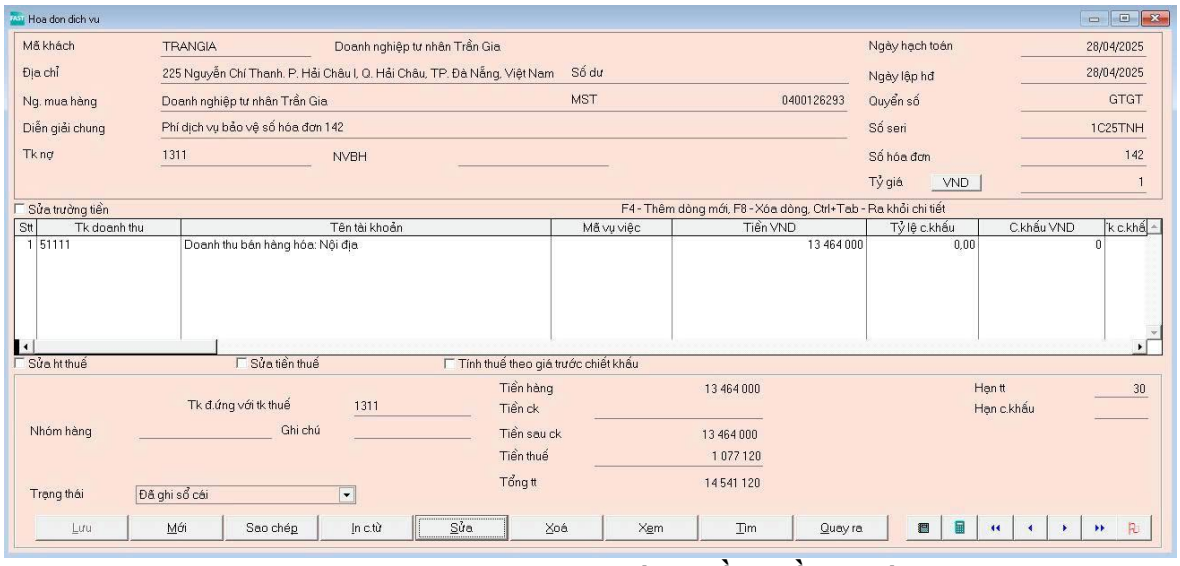

Hình 2.6. Giao diện phần mềm nhập HĐ 142

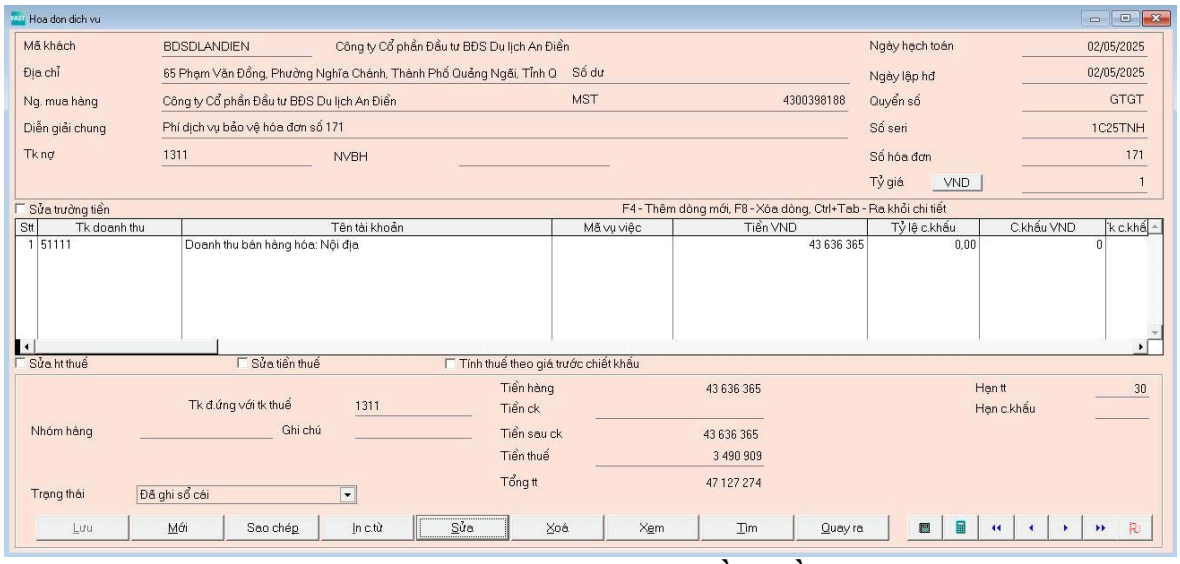

Hình 2.7. Giao diện phần mềm nhập HĐ 171

Từ phần mềm kế toán trên, số liệu được đưa vào sổ chi tiết doanh thu bán hàng hóa TK 51111:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG

Mẫu số S20-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Từ ngày: 01/01/2025 đến ngày: 31/12/2025

Tài khoản: 51111 - Doanh thu bán hàng hóa: Nội địa

Loại tiền: VND

Số dư đầu kỳ: -

Ngày,tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối	Số tiền		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
02/01/2025	1	02/01/2025	Phí dịch vụ bảo vệ theo hóa đơn số 1	1311		4.570.500		4.570.500
02/01/2025	2	02/01/2025	Phí dịch vụ bảo vệ theo hóa đơn số 2	1311		46.872.000		51.442.500
02/01/2025	3	02/01/2025	Phí dịch vụ bảo vệ theo hóa đơn số 3	1311		16.026.000		67.468.500
			.....					
28/04/2025	142	28/04/2025	Phí dịch vụ bảo vệ số hóa đơn 142	1311		13.464.000		1.156.985.485
29/04/2025	143	29/04/2025	Phí dịch vụ bảo vệ số hóa đơn 143	1311		36.064.000		1.193.049.485
29/04/2025	144	29/04/2025	Phí dịch vụ bảo vệ số hóa đơn 144	1311		5.202.000		1.198.251.485
			.....					
02/05/2025	170	02/05/2025	Phí dịch vụ bảo vệ hóa đơn số 170	1311		15.000.000		28.033.333
02/05/2025	171	02/05/2025	Phí dịch vụ bảo vệ hóa đơn số 171	1311		43.636.365		71.669.698
02/05/2025	172	02/05/2025	Phí dịch vụ bảo vệ hóa đơn số 172	1311		26.000.000		97.669.698
02/05/2025	173	02/05/2025	Phí dịch vụ bảo vệ hóa đơn số 173	1311		17.000.000		114.669.698
02/05/2025	174	02/05/2025	Phí dịch vụ bảo vệ hóa đơn số 174	1311		13.986.000		128.655.698
			.....					
31/12/2025	578	31/12/2025	Phí dịch vụ bảo vệ theo HĐ số 578	1311		3.870.968		2.275.399.628
31/12/2025	579	31/12/2025	Phí dịch vụ bảo vệ theo HĐ số 579	1311		13.548.387		2.288.948.015
31/12/2025	580	31/12/2025	Phí dịch vụ bảo vệ theo HĐ số 580	1311		12.180.000		2.301.128.015
31/12/2025		31/12/2025	Kết chuyển Doanh thu 51111->911	911	2.301.128.015			
							Tổng phát sinh nợ:	**21.724.226.440**
							Tổng phát sinh có:	**21.724.226.440**
							Số dư cuối kỳ:	-

Ngày.... tháng.... năm....

NGƯỜI GHI SỔ	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Bảng 2.1. Sổ Chi Tiết TK 51111

Song song với việc theo dõi chi tiết ở trên, số liệu cũng được phần mềm xử lý rồi đưa vào sổ NKC (Có TK 511) như sau:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày: 01/01/2025 đến ngày: 31/12/2025

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
02/01/2025	BC/1	THĐ thanh toán tiền bảo vệ (Công Ty TNHH MTV Tuấn Hoàng Đức)			
		THĐ thanh toán tiền bảo vệ	112102	7.000.000	
		THĐ thanh toán tiền bảo vệ	1311		7.000.000
02/01/2025	PC/2	Chi dịch vụ FTTH theo hóa đơn số 8293466 (Viettel Đà Nẵng - Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp-Viễn thông Quân Đội)			
		Chi dịch vụ FTTH theo hóa đơn số 8293466	13311	15.000	
		Chi dịch vụ FTTH theo hóa đơn số 8293466	64227	150.000	
		Chi dịch vụ FTTH theo hóa đơn số 8293466	1111		165.000
		Thanh toán tiền dịch vụ bảo vệ HĐ 142	1311		14.541.120
28/04/2025	HD 141	Phí dịch vụ bảo vệ số hóa đơn 141 (Công ty cổ phần tập đoàn liên kết Việt Nam-CN HCM)			
		Phí dịch vụ bảo vệ số hóa đơn 141	1311	16.744.320	
		Phí dịch vụ bảo vệ số hóa đơn 141	33311		1.240.320
		Phí dịch vụ bảo vệ số hóa đơn 141	51111		15.504.000
28/04/2025	HD 142	Phí dịch vụ bảo vệ số hóa đơn 142 (Doanh nghiệp tư nhân Trần Gia)			
		Phí dịch vụ bảo vệ số hóa đơn 142	1311	14.541.120	
		Phí dịch vụ bảo vệ số hóa đơn 142	33311		1.077.120
		Phí dịch vụ bảo vệ số hóa đơn 142	51111		13.464.000
29/04/2025	BC/141	Trường đại học sư phạm kỹ thuật thanh toán tiền dịch vụ bảo vệ (Trường đại học sư phạm kỹ thuật)			
		Trường đại học sư phạm kỹ thuật thanh toán tiền dịch vụ bảo vệ	112102	46.440.000	
		Trường đại học sư phạm kỹ thuật thanh toán tiền dịch vụ bảo vệ	1311		46.440.000
02/05/2025	HD 171	Phí dịch vụ bảo vệ hóa đơn số 171 (Công ty Cổ phần Đầu tư BĐS Du lịch An Điền)			
		Phí dịch vụ bảo vệ hóa đơn số 171	1311	47.127.274	
		Phí dịch vụ bảo vệ hóa đơn số 171	33311		3.490.909
		Phí dịch vụ bảo vệ hóa đơn số 171	51111		43.636.365
31/12/2025	PKT/341	Hạch toán giá vốn theo từng mục tiêu tháng 12 (Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Xây lắp Công nghiệp Phú Cường Việt)			
		Hạch toán giá vốn theo từng mục tiêu tháng 12	6321	12.941.263	
		Hạch toán giá vốn theo từng mục tiêu tháng 12	1542		12.940.000
		Hạch toán giá vốn theo từng mục tiêu tháng 12	1543		1.263
		Hạch toán giá vốn theo từng mục tiêu tháng 12	6321	778.271.124	
		Hạch toán giá vốn theo từng mục tiêu tháng 12	1542		778.224.000
		Hạch toán giá vốn theo từng mục tiêu tháng 12	1543		47.124
		Hạch toán giá vốn theo từng mục tiêu tháng 12	6321	7.584.850	
		Hạch toán giá vốn theo từng mục tiêu tháng 12	1542		7.584.000
		Hạch toán giá vốn theo từng mục tiêu tháng 12	1543		850
31/12/2025	PKT/348	Kết chuyển thuế GTGT Quý 4/2025			
		Kết chuyển thuế GTGT Quý 4/2025	33311	8.466.033	
		Kết chuyển thuế GTGT Quý 4/2025	13311		8.466.033
31/12/2025	PKT/360	Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 12/2025			
		Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 12/2025	64221	91.690.000	
		Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 12/2025	3342		91.690.000
		Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 12/2025	64221	8.170.000	
		Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 12/2025	3383		8.170.000
		Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 12/2025	3342	3.990.000	
		Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 12/2025	3383		3.990.000
31/12/2025	PKT/362	Hạch toán thuế TNDN 2025			
		Hạch toán thuế TNDN 2025	8211	216.502.517	
		Hạch toán thuế TNDN 2025	3334		216.502.517
31/12/2025	PKT	Kết chuyển lãi lỗ			
		Kết chuyển lãi lỗ	911	11.730.588	
		Kết chuyển lãi lỗ	4212		11.730.588
31/12/2025	PKT	Kết chuyển chi phí thuế TNDN			
		Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	216.502.517	
		Kết chuyển chi phí thuế TNDN	8211		216.502.517
			Tổng cộng:	**174.642.872.227**	**174.642.872.227**

		Ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI GHI SỔ	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**	**GIÁM ĐỐC**
Ký, họ tên	Ký, họ tên	Ký, họ tên, đóng dấu

Bảng 2.2. Sổ Nhật Ký Chung

Số liệu từ sổ NKC sẽ được phần mềm xử lý để lên sổ Cái TK 511 như sau:

							Mẫu số S03b-DNN	
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG							Ban hành theo quyết định số 133/2016/TT	
							BTC ngày 26/08/2019 của Bộ Tài Chính)	
			SỔ CÁI TÀI KHOẢN					
			TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ					
			Từ ngày: 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025					
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Tk đ.ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	Stt dòng		Nợ	Có
02/01/2025	HD 1	02/01/2025	Phí dịch vụ bảo vệ theo hóa đơn số 1	0	0	1311		4.570.500
02/01/2025	HD 2	02/01/2025	Phí dịch vụ bảo vệ theo hóa đơn số 2	0	0	1311		46.872.000
02/01/2025	HD 3	02/01/2025	Phí dịch vụ bảo vệ theo hóa đơn số 3	0	0	1311		16.026.000
			.....					
28/04/2025	HD 141	28/04/2025	Phí dịch vụ bảo vệ số hóa đơn 141	0	0	1311		15.504.000
28/04/2025	HD 142	28/04/2025	Phí dịch vụ bảo vệ số hóa đơn 142	0	0	1311		13.464.000
29/04/2025	HD 143	29/04/2025	Phí dịch vụ bảo vệ số hóa đơn 143	0	0	1311		36.064.000
29/04/2025	HD 144	29/04/2025	Phí dịch vụ bảo vệ số hóa đơn 144	0	0	1311		5.202.000
			.....					
02/05/2025	HD 169	02/05/2025	Phí dịch vụ bảo vệ hóa đơn số 169	0	0	1311		13.033.333
02/05/2025	HD 170	02/05/2025	Phí dịch vụ bảo vệ hóa đơn số 170	0	0	1311		15.000.000
02/05/2025	HD 171	02/05/2025	Phí dịch vụ bảo vệ hóa đơn số 171	0	0	1311		43.636.365
02/05/2025	HD 172	02/05/2025	Phí dịch vụ bảo vệ hóa đơn số 172	0	0	1311		26.000.000
02/05/2025	HD 173	02/05/2025	Phí dịch vụ bảo vệ hóa đơn số 173	0	0	1311		17.000.000
			.....					
31/12/2025	HD 0000579	31/12/2025	Phí dịch vụ bảo vệ theo HĐ số 579	0	0	1311		13.548.387
31/12/2025	HD 0000580	31/12/2025	Phí dịch vụ bảo vệ theo HĐ số 580	0	0	1311		12.180.000
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển Doanh thu 51111->911	0	0	911	2.301.128.015	
							Ngày...tháng...năm...	
Người ghi sổ			Kế toán trưởng				Giám đốc	
Ký, họ tên			Ký, họ tên				Ký, họ tên, đóng dấu	

Bảng 2.3. Sổ Cái TK 511

Sổ cái dùng để so sánh và đối chiếu với sổ tổng hợp chi tiết xem có khớp với nhau không.

2.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Trong năm, công ty không phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu.

2.2.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Trong năm, khoản doanh thu hoạt động tài chính của công ty chỉ phát sinh các giao dịch lãi tiền gửi của ngân hàng.

a) Chứng từ sử dụng

Chứng từ giao dịch ngân hàng

b) Tài khoản sử dụng

TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Trong đó: TK 5151 – Lãi tiền cho vay, tiền gửi

Tại doanh nghiệp, mọi doanh thu hoạt động tài chính đều được ttheo dõi trên TK 5151 (Lãi tiền cho vay, tiền gửi)

c) Sổ sách sử dụng

- Sổ chi tiết TK 5151
- Sổ NKC
- Sổ cái TK 515

d) Trình tự ghi sổ

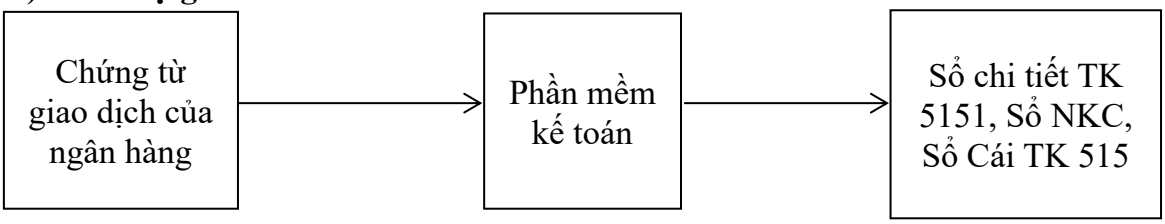

Hằng ngày, căn cứ vào chứng từ giao dịch nhận được từ ngân hàng, kế toán nhập chứng từ lên phần mềm, số liệu tự động cập nhật lên sổ chi tiết TK 5151. Đồng thời, số liệu được ghi vào sổ NKC và sổ cái TK 515.

e) Nghiệp vụ minh họa:

Nghiệp vụ: Ngày 24/07/2025, công ty nhận được thông báo tiền lãi của ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam về số tiền lãi là 30.460 đồng.

Ngày giao dịch/ Trans date	Số giao dịch/ Transaction Number	Nội dung phát sinh/ Transaction Description	Phát sinh nợ/ Debits	Phát sinh có/ Credits	Số dư/ Balance
14/07/2025	FT25195PG3PH	CTY GHN TT 1016PCPEXT2025062800010CT tu 0921000005555 CT CP DICH VUGIAO HANG NHANH toi 568526099999CONG TY TNHH DICH VU BAO VE NHI	0	86.400.000	721.713.904
14/07/2025	FT25195XSQNQ	CTY GHN TT 101671OPEXT2025063000002CT tu 0921000005555 CT CP DICH VUGIAO HANG NHANH toi 568526099999CONG TY TNHH DICH VU BAO VE NHI	0	34.560.000	756.273.904
14/07/2025	FT25195XWGRB	CONG TY CP XD VA TM CANG DN TT TIEN PHI BAO VE.system-trace:123601	0	5.034.960	761.308.864
14/07/2025	FT25195F66GM	Cty Thai Market TT CP bao ve thang 06.2025 NH 101PNT theo hoa don so 2 44 NCC Nhi Hoang.system-trace:87008 4	0	10.886.400	772.195.264
15/07/2025	FT251961GKYD	Cty.VietC tt cty Nhi Hoang HD 199.s ystem-trace:085788	0	15.396.480	787.591.744
15/07/2025	FT25196TM9NL	HOME THANH TOAN CN T6.system-trace: 086282	0	13.996.800	801.588.544
15/07/2025	FT25196VCP47	CTY MAYCHA TT HD276 PHI DICH VU BAO VE CH DIEN BIEN PHU, LE THANH NGHI DA NANG THANG 6.2025.system-trace: 155846	0	18.468.000	820.056.544
16/07/2025	FT25197S0XBZ	SPX Security SPXVN01 0520251C25TNH-232	0	779.248.234	1.599.304.778
16/07/2025	TT2519702501	LÊ THỊ CẨM TÚ RÚT TIỀN TỪ TK CTY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG	1.590.000.000	0	9.304.778
17/07/2025	FT251988CMY6	TALAD THAI TT CP bao ve T06.2025 -42NTD 138VPH 51HTK	0	29.030.400	38.335.178
21/07/2025	FT25202CN9ZB	LONG GIAO TT CHI PHI BAO VE THANG 6 -210725-11:30:00 697646.system-trace: 697646	0	6.998.400	45.333.578
21/07/2025	FT25202DLPB1	Thanh toan cho so chung tu:250718 1055693 0161009	0	46.440.000	91.773.578
21/07/2025	FT252027VQPH	LE HIEN QUANG NAM TT PHI DICH VUBAO VE HD SO 243 CTY NHI HOANG	0	7.840.800	99.614.378
21/07/2025	TT2520205164	LÊ THỊ CẨM TÚ RÚT TIỀN TỪ TK CTY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG	90.000.000	0	9.614.378
[illegible]	[illegible]	CTY CP TO ONG THANH TOAN TIEN BAO [illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]
24/07/2025	568526099999-20250724	Lãi nhập gốc	0	30.460	26.924.838
[illegible]	[illegible]	076784	0	14.945.807	41.870.645
28/07/2025	FT25209KS7CG	CTY PCV THANH TOAN PHI DV BAO VE T 6-2025 CHO NHI HOANG-280725-14:33:4 6 364031.system-trace:364031	0	22.680.000	64.550.645
28/07/2025	FT25209GZB8M	GOOD DAY TT TIEN BAO VE 06.2025 MCD GA NHA TRANG, MCD DA NANG 2.9 VA N GUYEN VAN LINH, INV 268 274 275.sys tem-trace:001012	0	56.926.800	121.477.445
29/07/2025	TT2521002069	LÊ THỊ CẨM TÚ RÚT SÉC TỪ TK CÔNG TY	120.000.000	0	1.477.445
31/07/2025	FT25212HVL2D	SECURITY SRETAIL TT -277 -279 CT tu1018176789 CONG TY TNHH S-RETAIL VNtoi 568526099999 CONG TY TNHH DICHVU BAO VE NHI HOANG NH TMCP Dai	0	341.159.314	342.636.759
31/07/2025	TT2521202178	LÊ THỊ CẨM TÚ RÚT TIỀN TỪ TK CTY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG	340.000.000	0	2.636.759
31/07/2025	FT25212DFZVL	CN TP.HCM - Cong Ty CP TD Lien KetViet Nam TT tien DV bao ve VP DaNang thang 072025 theo HD so 295ngay 31072025 - Cong Ty TNHH DV Bao	0	15.266.880	17.903.639
Doanh số phát sinh trong kỳ/ Total Debits/ Credits			**2.259.000.000**	**2.261.129.239**	
Số dư cuối kỳ/ Ending Balance					**17.903.639**

Ngày/ Date: 06 / 08 / 2025

Lập biểu/ Processed by

Võ Hoàng Quỳnh Thi

Kiểm soát/ Approved by

Nguyễn Thanh Trang

Trang 2/ 2

Hình 2.8. Sao kê ngân hàng

Căn cứ vào Sao kê ngân hàng, kế toán kiểm tra rồi tiến hành nhập liệu vào phần mềm. Số liệu được phần mềm xử lý, cập nhật số vào sổ chi tiết (Có TK 5151)

Sao kê ngân hàng ở trên được thể hiện trên phần mềm máy tính như sau:

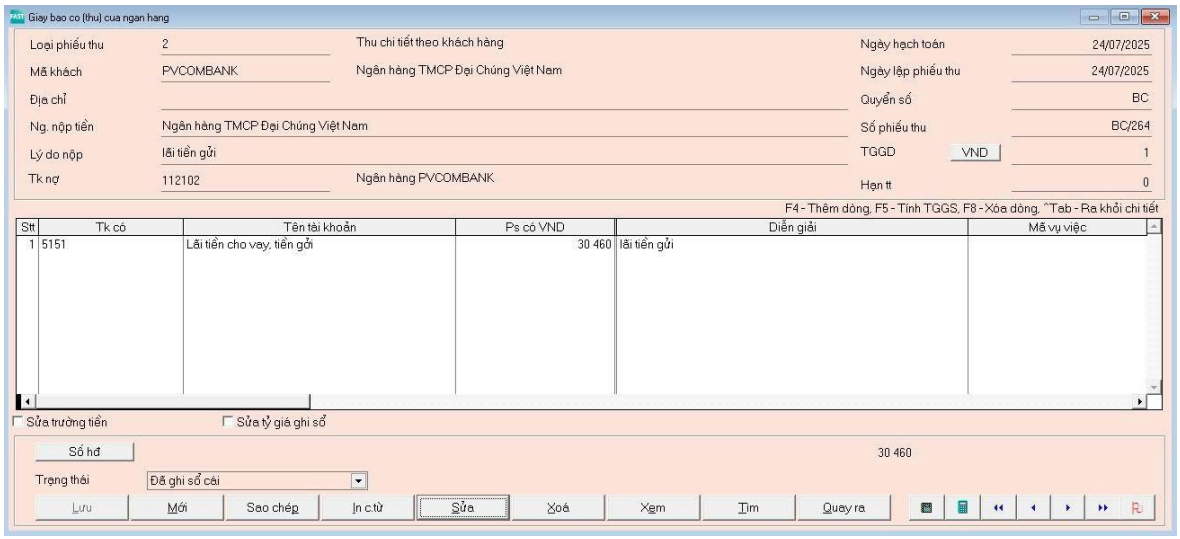

Hình 2.9. Giao diện phần mềm nhập lãi tiền

Số liệu được phần mềm xử lý, cập nhật vào sổ chi tiết (Có TK 5151) như sau:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG

Mẫu sổ S20-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN
Từ ngày: 01/01/2025 đến ngày: 31/12/2025
Tài khoản: 5151 - Lãi tiền cho vay, tiền gởi
Loại tiền: VND

Số dư đầu kỳ: -

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
24/01/2025	BC/34	24/01/2025	Lãi nhập gốc	112102		12.689		12.689
25/01/2025	BC/35	25/01/2025	Lãi tiền gửi	112101		23		12.712
31/01/2025		31/01/2025	Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính 5151->911	911	12.712			
			.....					
24/06/2025	BC/220	24/06/2025	Lãi tiền gửi	112102		7.949		7.949
30/06/2025	BC/228	30/06/2025	Lãi tiền gửi	112101		243		8.192
30/06/2025		30/06/2025	Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính 5151->911	911	8.192			
24/07/2025	BC/264	24/07/2025	lãi tiền gửi	112102		30.460		30.460
31/07/2025	BC/272	31/07/2025	Lãi tiền gửi	112101		248		30.708
31/07/2025		31/07/2025	Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính 5151->911	911	30.708			
24/08/2025	BC/304	24/08/2025	Lãi tiền gửi	112102		35.004		35.004
30/08/2025	BC/317	30/08/2025	Lãi tiền gửi	112101		241		35.245
31/08/2025		31/08/2025	Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính 5151->911	911	35.245			
			.....					
24/12/2025	BC/506	24/12/2025	Lãi tiền gửi	112102		26.915		26.915
31/12/2025	BC/518	31/12/2025	Lãi tiền gửi	112101		282		27.197
31/12/2025		31/12/2025	Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính 5151->911	911	27.197			
							Tổng phát sinh nợ:	**223.249**
							Tổng phát sinh có:	**223.249**
							Số dư cuối kỳ:	-

Ngày.... tháng.... năm....

NGƯỜI GHI SỔ	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Bảng 2.4. Sổ Chi Tiết TK 5151

Song song với việc theo dõi sổ chi tiết, số liệu cũng được phần mềm xử lý rồi cập nhật vào sổ NKC (TK 5151):

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày: 01/01/2025 đến ngày: 31/12/2025

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
02/01/2025	BC/1	THĐ thanh toán tiền bảo vệ (Công Ty TNHH MTV Tuấn Hoàng Đức)			
		THĐ thanh toán tiền bảo vệ	112102	7.000.000	
		THĐ thanh toán tiền bảo vệ	1311		7.000.000
02/01/2025	PC/2	Chi dịch vụ FTTH theo hóa đơn số 8293466 (Viettel Đà Nẵng - Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp-Viễn thông Quân ĐộI)			
		Chi dịch vụ FTTH theo hóa đơn số 8293466	13311	15.000	
		Chi dịch vụ FTTH theo hóa đơn số 8293466	64227	150.000	
		Chi dịch vụ FTTH theo hóa đơn số 8293466	1111		165.000
		.....			
21/07/2025	BC/262	Công ty Lê Hiền thanh toán tiền dịch vụ bảo vệ (CN Quảng Nam - CTY TNHH MTV Lê Hiền - Nhà hàng INDIA)			
		Công ty Lê Hiền thanh toán tiền dịch vụ bảo vệ	112102	7.840.800	
		Công ty Lê Hiền thanh toán tiền dịch vụ bảo vệ	1311		7.840.800
21/07/2025	BC/263	Công ty Tổ Ong thanh toán tiền dịch vụ bảo vệ (Công ty Cổ phần Tổ Ong)			
		Công ty Tổ Ong thanh toán tiền dịch vụ bảo vệ	112102	17.280.000	
		Công ty Tổ Ong thanh toán tiền dịch vụ bảo vệ	1311		17.280.000
21/07/2025	PT/309	Rút tiền gửi nhập quỹ (Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ Nhi Hoàng)			
		Rút tiền gửi nhập quỹ	1111	90.000.000	
		Rút tiền gửi nhập quỹ	112102		90.000.000
24/07/2025	BC/264	lãi tiền gửi (Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam)			
		lãi tiền gửi	112102	30.460	
		lãi tiền gửi	5151		30.460
24/07/2025	PC/81	Chi phí ăn uống theo hóa đơn số 681 (Quán Phương Hai)			
		Chi phí ăn uống theo hóa đơn số 681	64227	4.851.540	
		Chi phí ăn uống theo hóa đơn số 681	1111		4.851.540
25/07/2025	BC/265	Công ty SAIGONTEL thanh toán tiền dịch vụ bảo vệ (Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ cao SAIGONTEL)			
		Công ty SAIGONTEL thanh toán tiền dịch vụ bảo vệ	112102	14.945.807	
		Công ty SAIGONTEL thanh toán tiền dịch vụ bảo vệ	1311		14.945.807
		.....			
31/12/2025	PKT/342	Hạch toán giá vốn ntheo từng mục tiêu tháng 12			
		Hạch toán giá vốn ntheo từng mục tiêu tháng 12	6321	6.540.722	
		Hạch toán giá vốn ntheo từng mục tiêu tháng 12	1542		6.540.000
		Hạch toán giá vốn ntheo từng mục tiêu tháng 12	1543		722
		Hạch toán giá vốn ntheo từng mục tiêu tháng 12	6321	6.584.752	
		Hạch toán giá vốn ntheo từng mục tiêu tháng 12	1542		6.584.000
		Hạch toán giá vốn ntheo từng mục tiêu tháng 12	1543		752
31/12/2025	PKT/348	Kết chuyển thuế GTGT Quý 4/2025			
		Kết chuyển thuế GTGT Quý 4/2025	33311	8.466.033	
		Kết chuyển thuế GTGT Quý 4/2025	13311		8.466.033
31/12/2025	PKT/360	Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 12/2025			
		Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 12/2025	64221	91.690.000	
		Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 12/2025	3342		91.690.000
		Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 12/2025	64221	8.170.000	
		Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 12/2025	3383		8.170.000
		Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 12/2025	3342	3.990.000	
		Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 12/2025	3383		3.990.000
31/12/2025	PKT/362	Hạch toán thuế TNDN 2025			
		Hạch toán thuế TNDN 2025	8211	216.502.517	
		Hạch toán thuế TNDN 2025	3334		216.502.517
31/12/2025	PKT	Kết chuyển lãi lỗ			
		Kết chuyển lãi lỗ	911	11.730.588	
		Kết chuyển lãi lỗ	4212		11.730.588
31/12/2025	PKT	Kết chuyển chi phí thuế TNDN			
		Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	216.502.517	
		Kết chuyển chi phí thuế TNDN	8211		216.502.517
			Tổng cộng:	**174.642.872.227**	**174.642.872.227**

Ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI GHI SỔ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	GIÁM ĐỐC
Ký, họ tên	Ký, họ tên	Ký, họ tên, đóng dấu

Bảng 2.5. Sổ Nhật Ký Chung

Sau đó, từ số liệu trên sổ NKC sẽ được phần mềm chuyển lên sổ cái TK 515 như sau:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG	**Mẫu số S03b-DNN** **(Ban hành theo quyết định số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2019 của Bộ Tài Chính)**

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Tk đ.ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	Stt dòng		Nợ	Có
24/01/2025	BC/34	24/01/2025	Lãi nhập gốc	0	0	112102		12.689
25/01/2025	BC/35	25/01/2025	Lãi tiền gửi	0	0	112101		23
31/01/2025	PKT	31/01/2025	Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính 5151->911	0	0	911	12.712	
24/02/2025	BC/60	24/02/2025	Lãi nhập gốc	0	0	112102		3.595
27/02/2025	BC/62	27/02/2025	Lãi tiền gửi	0	0	112101		69
28/02/2025	PKT	28/02/2025	Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính 5151->911	0	0	911	3.664	
24/06/2025	BC/220	24/06/2025	Lãi tiền gửi	0	0	112102		7.949
30/06/2025	BC/228	30/06/2025	Lãi tiền gửi	0	0	112101		243
30/06/2025	PKT	30/06/2025	Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính 5151->911	0	0	911	8.192	
24/07/2025	BC/264	24/07/2025	lãi tiền gửi	0	0	112102		30.460
31/07/2025	BC/272	31/07/2025	Lãi tiền gửi	0	0	112101		248
31/07/2025	PKT	31/07/2025	Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính 5151->911	0	0	911	30.708	
24/12/2025	BC/506	24/12/2025	Lãi tiền gửi	0	0	112102		26.915
31/12/2025	BC/518	31/12/2025	Lãi tiền gửi	0	0	112101		282
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính 5151->911	0	0	911	27.197	

		Ngày...tháng...năm...
Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
Ký, họ tên	Ký, họ tên	Ký, họ tên, đóng dấu

Bảng 2.6. Sổ Cái TK 515

2.2.1.4. Kế toán thu nhập khác

Trong kỳ, công ty không phát sinh các khoản thu nhập khác.

2.2.2. Kế toán chi phí

2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

a) Các khoản chi phí cấu thành giá vốn dịch vụ

Hoạt động cung cấp dịch vụ bảo vệ tại Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Nhi Hoàng mang đặc điểm của loại hình dịch vụ phi vật chất, không hình thành sản phẩm tồn kho và được thực hiện liên tục theo thời hạn hợp đồng đã ký kết với khách hàng. Do đó, giá vốn của công ty chủ yếu được cấu thành từ các khoản chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình cung ứng dịch vụ.

Giá vốn dịch vụ bao gồm chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương (tiền lương cơ bản, phụ cấp...); chi phí công cụ, dụng cụ phục vụ công tác bảo vệ như đồng phục, bộ đàm và các phương tiện hỗ trợ khác.

b) Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu kế toán

c) Tài khoản sử dụng

- **TK 632 – Giá vốn hàng bán**

  Tại đơn vị thực tập, giá vốn hàng bán được ttheo dõi trênTK 6321

- **TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang**

  Tập hợp giá thành dịch vụ qua 2 tài khoản cấp 2:

TK 1542 – Chi phí nhân công trực tiếp: Từ bảng lương nhân viên, kế toán tính lương và phụ cấp cho nhân viên của từng mục tiêu.

TK 1543 – Chi phí phân bổ CCDC: Chi phí CCDC phục vụ cho công tác bảo vệ và phân bổ theo từng mục tiêu.

d) Quy trình luân chuyển chứng từ giá vốn dịch vụ

Sau khi hợp đồng dịch vụ được ký kết và phê duyệt, quá trình cung cấp dịch vụ được triển khai theo nội dung hợp đồng đã ký. Căn cứ vào kế hoạch thực hiện hợp đồng và các hồ sơ nội bộ liên quan, phòng Kế toán tiến hành tổng hợp bảng chấm công và lập bảng lương cho người lao động tham gia cung cấp dịch vụ trong kỳ.

Sau khi lập bảng lương cho nhân viên, kế toán tiếp tục lập bảng phân bổ CCDC. Kế toán thực hiện phân bổ giá trị CCDC sử dụng cho hoạt động cung cấp dịch vụ vào chi phí của từng kỳ. Do đặc điểm của CCDC là có giá trị sử dụng trong nhiều kỳ, nên chi phí không được ghi nhận một lần mà được phân bổ dần theo thời gian.

Bảng lương và bảng phân bổ CCDC là căn cứ quan trọng để kế toán tập hợp chi phí và xác định giá vốn dịch vụ theo doanh thu từng đối tượng trong kỳ.

Sau khi xác định giá vốn dịch vụ trong kỳ, kế toán lập phiếu kế toán tổng hợp để ghi nhận giá vốn vào sổ kế toán. Các chứng từ kế toán sau đó được kế toán trưởng kiểm tra, ký duyệt nhằm đảm bảo tính chính xác, hợp lý của số liệu trước khi sử dụng để ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính theo quy định hiện hành.

e) Sổ sách sử dụng

- Sổ chi tiết TK 6321
- Sổ NKC
- Sổ cái TK 632

d) Trình tự ghi sổ

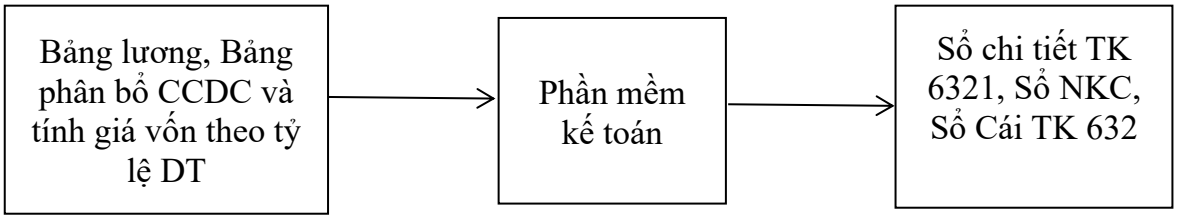

Căn cứ vào bảng phân bổ CCDC và tính giá vốn theo tỷ lệ DT, kế toán xác định số chi phí CCDC và giá vốn cần phân bổ trong kỳ. Từ bảng phân bổ này, kế toán tiến hành lập phiếu kế toán tổng hợp, xác định giá vốn từng mục tiêu sẽ nhập vào phần mềm kế toán. Từ đó, số liệu được cập nhật vào sổ chi tiết TK 6321 và sổ chi tiết TK 1542, 1543. Đồng thời, số liệu tự động được cập nhật lên sổ NKC và sổ cái TK 632.

f) Nghiệp vụ minh họa:

Từ nghiệp vụ bán hàng trên, ta có bảng phân bổ CCDC và tính giá vốn theo tỷ lệ doanh thu của tháng 4 và tháng 5 được trích dẫn ở Phụ lục 1.

Căn cứ vào bảng phân bổ CCDC và tính giá vốn theo tỷ lệ doanh thu, kế toán lập phiếu kế toán tổng hợp như sau:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG

PHIẾU KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Ngày 30 tháng 4 năm 2025 Số phiếu: PKT/324

Nội dung	Tài khoản	PS Nợ	PS Có
Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4	6321	121.606.263	
Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4	1542		121.512.000
Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4	1543		94.263
Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4	6321	3.180.864	
Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4	1542		3.178.000
Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4	1543		2.864

Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4	6321	11.221.915	
Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4	1542		11.212.000
Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4	1543		9.915

Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4	6321	195.568.873	
Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4	1542		195.418.000
Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4	1543		150.873
Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4	6321	677.888.666	
Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4	1542		677.384.000
Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4	1543		504.666
Cộng		**1.182.543.905**	**1.182.543.905**

Ngày...tháng...năm...

Kế toán trưởng **Người lập biểu**

(Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG

PHIẾU KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Ngày 31 tháng 5 năm 2025 Số phiếu: PKT/326

Nội dung	Tài khoản	PS Nợ	PS Có
Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 5	6321	10.275.477	
Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 5	1542		10.268.000
Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 5	1543		7.477

Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 5	6321	37.261.032	
Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 5	1542		37.236.000
Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 5	1543		25.032

Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 5	6321	115.605.428	
Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 5	1542		115.532.000
Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 5	1543		73.428
Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 5	6321	16.319.088	
Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 5	1542		16.308.000
Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 5	1543		11.088
Cộng		**1.381.322.802**	**1.381.322.802**

Ngày...tháng...năm...

Kế toán trưởng **Người lập biểu**

(Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Bảng 2.7. Phiếu kế toán tổng hợp

Từ phiếu kế toán trên phần mềm tự động chuyển số vào sổ chi tiết TK 6321, TK 1542, TK 1543:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG

Mẫu số S20-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN
Từ ngày: 01/01/2025 đến ngày: 31/12/2025
Tài khoản: 6321 - Giá vốn hàng bán: hàng hoá, thành phẩm
Loại tiền: VND

Số dư đầu kỳ: -

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
31/01/2025	PKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	1543	5.006		5.006	
31/01/2025	PKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	1542	3.406.000		3.411.006	
31/01/2025	PKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	1542	228.202.000		231.613.006	
31/01/2025	PKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	1543	260.206		231.873.212	
31/01/2025	PKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	1542	13.624.000		245.497.212	
31/01/2025	PKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	1543	17.554		245.514.766	
31/01/2025	PKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	1542	14.080.000		259.594.766	
31/01/2025	PKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	1543	25.966		259.620.732	
31/01/2025	PKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	1542	121.020.000		380.640.732	
31/01/2025	PKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	1543	140.202		380.780.934	
31/01/2025	PKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	1542	20.436.000		401.216.934	
31/01/2025	PKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	1543	25.156		401.242.090	
31/01/2025	PKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	1542	649.192.000		1.050.434.090	
31/01/2025	PKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	1543	717.598		1.051.151.688	
31/01/2025	PKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	1542	21.120.000		1.072.271.688	
31/01/2025	PKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	1543	24.681		1.072.296.369	
31/01/2025	PKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	1542	14.536.000		1.086.832.369	
31/01/2025	PKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	1543	20.477		1.086.852.846	
31/01/2025		31/01/2025	Kết chuyển Giá vốn hàng bán 6321->911	911		1.086.852.846		
			.....					
30/04/2025	PKT/324	30/04/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4	1542	121.512.000		121.512.000	
30/04/2025	PKT/324	30/04/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4	1543	94.263		121.606.263	
30/04/2025	PKT/324	30/04/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4	1542	3.178.000		124.784.263	
30/04/2025	PKT/324	30/04/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4	1543	2.864		124.787.127	
30/04/2025	PKT/324	30/04/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4	1542	13.034.000		137.821.127	
30/04/2025	PKT/324	30/04/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4	1543	11.418		137.832.545	
30/04/2025	PKT/324	30/04/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4	1542	11.212.000		149.044.545	
30/04/2025	PKT/324	30/04/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4	1543	9.915		149.054.460	
30/04/2025	PKT/324	30/04/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4	1542	30.780.000		179.834.460	
30/04/2025	PKT/324	30/04/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4	1543	26.558		179.861.018	
			.....					
31/05/2025	PKT/326	31/05/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 5	1542	5.512.000		1.146.388.093	
31/05/2025	PKT/326	31/05/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 5	1543	3.924		1.146.392.017	
31/05/2025	PKT/326	31/05/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 5	1542	37.236.000		1.183.628.017	
31/05/2025	PKT/326	31/05/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 5	1543	25.032		1.183.653.049	
31/05/2025	PKT/326	31/05/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 5	1542	22.004.000		1.205.657.049	
31/05/2025	PKT/326	31/05/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 5	1543	14.915		1.205.671.964	
31/12/2025	PKT/342	31/12/2025	Hạch toán giá vốn ntheo từng mục tiêu tháng 12	1542	11.344.000		1.887.347.651	
31/12/2025	PKT/342	31/12/2025	Hạch toán giá vốn ntheo từng mục tiêu tháng 12	1543	731		1.887.348.382	
31/12/2025		31/12/2025	Kết chuyển Giá vốn hàng bán 6321->911	911		1.887.348.382		
							Tổng phát sinh n	**19.375.862.360**
							Tổng phát sinh c	**19.375.862.360**
							Số dư cuối kỳ:	-

Ngày.... tháng.... năm....

NGƯỜI GHI SỔ	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Bảng 2.8. Sổ chi tiết TK 6321

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG

Mẫu số S20-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Từ ngày: 01/01/2025 đến ngày: 31/12/2025

Tài khoản: 1542 - Chi phí nhân công trực tiếp

Loại tiền: VND

Số dư đầu kỳ: -

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
31/01/2025	PKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	6321		3.406.000		3.406.000
31/01/2025	PKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	6321		228.202.000		231.608.000
31/01/2025	PKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	6321		13.624.000		245.232.000
31/01/2025	PKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	6321		14.080.000		259.312.000
31/01/2025	PKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	6321		121.020.000		380.332.000
31/01/2025	PKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	6321		20.436.000		400.768.000
31/01/2025	PKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	6321		649.192.000		1.049.960.000
31/01/2025	PKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	6321		21.120.000		1.071.080.000
31/01/2025	PKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	6321		14.536.000		1.085.616.000
31/01/2025	PKT/299	31/01/2025	Hạch toán tiền lương mục tiêu tháng 1	3341	1.085.616.000			
30/04/2025	PKT/302	30/04/2025	Hạch toán tiền lương mục tiêu tháng 4	3341	1.429.528.000		1.429.528.000	
30/04/2025	PKT/324	30/04/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng	6321		121.512.000	1.308.016.000	
30/04/2025	PKT/324	30/04/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng	6321		3.178.000	1.304.838.000	
30/04/2025	PKT/324	30/04/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng	6321		13.034.000	1.291.804.000	
30/04/2025	PKT/324	30/04/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng	6321		11.212.000	1.280.592.000	
30/04/2025	PKT/324	30/04/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng	6321		30.780.000	1.249.812.000	
			.....					
31/05/2025	PKT/303	31/05/2025	Hạch toán tiền lương mục tiêu tháng 5	3341	1.795.800.500		1.795.800.500	
31/05/2025	PKT/326	31/05/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng	6321		10.268.000	1.785.532.500	
31/05/2025	PKT/326	31/05/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng	6321		3.000.000	1.782.532.500	
31/05/2025	PKT/326	31/05/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng	6321		5.512.000	650.108.500	
31/05/2025	PKT/326	31/05/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng	6321		37.236.000	612.872.500	
31/05/2025	PKT/326	31/05/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng	6321		22.004.000	590.868.500	
31/05/2025	PKT/326	31/05/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng	6321		14.024.000	576.844.500	
31/05/2025	PKT/326	31/05/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng	6321		11.826.500	565.018.000	
31/05/2025	PKT/326	31/05/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng	6321		17.846.000	547.172.000	
			.....					
31/12/2025	PKT/342	31/12/2025	Hạch toán giá vốn ntheo từng mục tiêu	6321		11.852.000	11.344.000	
31/12/2025	PKT/342	31/12/2025	Hạch toán giá vốn ntheo từng mục tiêu	6321		11.344.000		
							Tổng phát sinh nợ:	**19.366.830.500**
							Tổng phát sinh có:	**19.366.830.500**
							Số dư cuối kỳ:	-

Ngày.... tháng.... năm....

NGƯỜI GHI SỔ (Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG (Ký, họ tên)

Bảng 2.9. Sổ chi tiết TK 1542

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG

Mẫu số S20-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Từ ngày: 01/01/2025 đến ngày: 31/12/2025

Tài khoản: 1543 - Chi phí sản xuất chung

Loại tiền: VND

Số dư đầu kỳ: -

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
31/01/2025	PKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	6321		5.006		5.006
31/01/2025	PKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	6321		260.206		265.212
31/01/2025	PKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	6321		17.554		282.766
31/01/2025	PKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	6321		25.966		308.732
31/01/2025	PKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	6321		140.202		448.934
31/01/2025	PKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	6321		25.156		474.090
31/01/2025	PKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	6321		717.598		1.191.688
31/01/2025	PKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	6321		24.681		1.216.369
31/01/2025	PKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	6321		20.477		1.236.846
31/01/2025	PKTCC0	31/01/2025	Bút toán PB CCDC của kỳ 1	2421	1.236.846			
			.....					
30/04/2025	PKT/324	30/04/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4	6321		94.263		94.263
30/04/2025	PKT/324	30/04/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4	6321		2.864		97.127
30/04/2025	PKT/324	30/04/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4	6321		11.418		108.545
30/04/2025	PKT/324	30/04/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4	6321		9.915		118.460
30/04/2025	PKT/324	30/04/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4	6321		26.558		145.018
30/04/2025	PKT/324	30/04/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4	6321		3.831		148.849
31/05/2025	PKT/327	31/05/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 5	6321		7.939		908.226
31/05/2025	PKT/327	31/05/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 5	6321		8.605		916.831
31/05/2025	PKT/327	31/05/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 5	6321		25.032		941.863
31/05/2025	PKT/327	31/05/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 5	6321		14.915		956.778
31/05/2025	PKT/327	31/05/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 5	6321		9.752		966.530
			.....					
31/12/2025	PKT/342	31/12/2025	Hạch toán giá vốn theo từng mục tiêu tháng 12	6321		815		137.651
31/12/2025	PKT/342	31/12/2025	Hạch toán giá vốn theo từng mục tiêu tháng 12	6321		731		138.382
31/12/2025	PKTCC1	31/12/2025	Bút toán PB CCDC của kỳ 12	2421	138.382			
							Tổng phát sinh nợ:	**9.031.860**
							Tổng phát sinh có:	**9.031.860**
							Số dư cuối kỳ:	-

Ngày.... tháng.... năm....

NGƯỜI GHI SỔ	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Bảng 2.10. Sổ chi tiết TK 1543

Song song với việc theo dõi chi tiết, số liệu cũng được phần mềm xử lý rồi cập nhật vào sổ NKC (Nợ TK 6321):

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày: 01/01/2025 đến ngày: 31/12/2025

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
02/01/2025	BC/1	THĐ thanh toán tiền bảo vệ (Công Ty TNHH MTV Tuấn Hoàng Đức)			
		THĐ thanh toán tiền bảo vệ	112102	7.000.000	
		THĐ thanh toán tiền bảo vệ	1311		7.000.000
02/01/2025	PC/2	Chi dịch vụ FTTH theo hóa đơn số 8293466 (Viettel Đà Nẵng - Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp-Viễn thông Quân Đội			
		Chi dịch vụ FTTH theo hóa đơn số 8293466	13311	15.000	
		Chi dịch vụ FTTH theo hóa đơn số 8293466	64227	150.000	
		Chi dịch vụ FTTH theo hóa đơn số 8293466	1111		165.000
30/04/2025	PKT/324	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4			
		Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4	6321	121.606.263	
		Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4	1542		121.512.000
		Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4	1543		94.263
		Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4	6321	11.221.915	
		Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4	1542		11.212.000
		Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4	1543		9.915
		Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4	6321	30.806.558	
		Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4	1542		30.780.000
		Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4	1543		26.558
31/05/2025	PKT/303	Hạch toán tiền lương mục tiêu tháng 5			
		Hạch toán tiền lương mục tiêu tháng 5	1542	1.795.800.500	
		Hạch toán tiền lương mục tiêu tháng 5	3341		1.795.800.500
31/05/2025	PKT/327	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 5			
		Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 5	6321	10.319.049	
		Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 5	1542		10.312.000
		Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 5	1543		7.049
		Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 5	6321	12.588.605	
		Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 5	1542		12.580.000
		Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 5	1543		8.605
		Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 5	6321	37.897.032	
		Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 5	1542		37.872.000
		Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 5	1543		25.032
31/12/2025	PKT/362	Hạch toán thuế TNDN 2025			
		Hạch toán thuế TNDN 2025	8211	216.502.517	
		Hạch toán thuế TNDN 2025	3334		216.502.517
31/12/2025	PKT	Kết chuyển Doanh thu			
		Kết chuyển Doanh thu	51111	2.301.128.015	
		Kết chuyển Doanh thu	911		2.301.128.015
31/12/2025	PKT	Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính			
		Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính	5151	27.197	
		Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính	911		27.197
31/12/2025	PKT	Kết chuyển Giá vốn hàng bán			
		Kết chuyển Giá vốn hàng bán	911	1.887.348.382	
		Kết chuyển Giá vốn hàng bán	6321		1.887.348.382
31/12/2025	PKT	Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp			
		Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp	911	184.255.799	
		Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp	64221		114.449.900
		Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp	64223		555.099
		Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp	64225		22.000
		Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp	64227		69.228.800
31/12/2025	PKT	Kết chuyển chi phí khác			
		Kết chuyển chi phí khác	911	1.317.926	
		Kết chuyển chi phí khác	8111		1.317.926
31/12/2025	PKT	Kết chuyển lãi lỗ			
		Kết chuyển lãi lỗ	911	11.730.588	
		Kết chuyển lãi lỗ	4212		11.730.588
31/12/2025	PKT	Kết chuyển chi phí thuế TNDN			
		Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	216.502.517	
		Kết chuyển chi phí thuế TNDN	8211		216.502.517
			Tổng cộng:	**174.642.872.227**	**174.642.872.227**

Ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI GHI SỔ	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**	**GIÁM ĐỐC**
Ký, họ tên	Ký, họ tên	Ký, họ tên, đóng dấu

Bảng 2.11. Sổ Nhật Ký Chung

Căn cứ vào sổ NKC được thiết kế sẵn trên phần mềm. Phần mềm sẽ tự động chuyển số vào sổ Cái 632 như sau:

							Mẫu số S03b-DNN	
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG							(Ban hành theo quyết định số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2019 của Bộ Tài Chính)	
			SỔ CÁI TÀI KHOẢN					
			Tài khoản: 632 - Giá vốn hàng bán					
			Từ ngày: 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025					
Ngày, tháng	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Tk đ.ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	Stt dòng		Nợ	Có
31/01/2025	PKTPKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	0	0	1543	5.006	
31/01/2025	PKTPKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	0	0	1542	3.406.000	
31/01/2025	PKTPKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	0	0	1542	228.202.000	
31/01/2025	PKTPKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	0	0	1543	260.206	
31/01/2025	PKTPKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	0	0	1542	13.624.000	
31/01/2025	PKTPKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	0	0	1543	17.554	
31/01/2025	PKTPKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	0	0	1542	14.080.000	
31/01/2025	PKTPKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	0	0	1543	25.966	
31/01/2025	PKTPKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	0	0	1542	121.020.000	
31/01/2025	PKTPKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	0	0	1543	140.202	
31/01/2025	PKTPKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	0	0	1542	20.436.000	
31/01/2025	PKTPKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	0	0	1543	25.156	
31/01/2025	PKTPKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	0	0	1542	649.192.000	
31/01/2025	PKTPKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	0	0	1543	717.598	
31/01/2025	PKTPKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	0	0	1542	21.120.000	
31/01/2025	PKTPKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	0	0	1543	24.681	
31/01/2025	PKTPKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	0	0	1542	14.536.000	
31/01/2025	PKTPKT/286	31/01/2025	Hạch toán giá vốn mục tiêu T1/2025	0	0	1543	20.477	
31/01/2025	PKT	31/01/2025	Kết chuyển Giá vốn hàng bán 6321->911	0	0	911		1.086.852.846
30/04/2025	PKTPKT/324	30/04/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4	0	0	1542	13.034.000	
30/04/2025	PKTPKT/324	30/04/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4	0	0	1543	11.418	
30/04/2025	PKTPKT/324	30/04/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4	0	0	1542	11.212.000	
30/04/2025	PKTPKT/324	30/04/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4	0	0	1543	9.915	
30/04/2025	PKTPKT/324	30/04/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4	0	0	1542	30.780.000	
30/04/2025	PKTPKT/324	30/04/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4	0	0	1543	26.558	
31/05/2025	PKTPKT/326	31/05/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 5	0	0	1542	5.512.000	
31/05/2025	PKTPKT/326	31/05/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 5	0	0	1543	3.924	
31/05/2025	PKTPKT/326	31/05/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 5	0	0	1542	37.236.000	
31/05/2025	PKTPKT/326	31/05/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 5	0	0	1543	25.032	
31/05/2025	PKTPKT/326	31/05/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 5	0	0	1542	22.004.000	
31/05/2025	PKTPKT/326	31/05/2025	Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 5	0	0	1543	14.915	
31/12/2025	PKTPKT/342	31/12/2025	Hạch toán giá vốn theo từng mục tiêu tháng 1	0	0	1542	11.344.000	
31/12/2025	PKTPKT/342	31/12/2025	Hạch toán giá vốn theo từng mục tiêu tháng 1	0	0	1543	731	
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển Giá vốn hàng bán 6321->911	0	0	911		1.887.348.382
							Ngày...tháng...năm...	
Người ghi sổ			Kế toán trưởng				Giám đốc	
Ký, họ tên			Ký, họ tên				Ký, họ tên, đóng dấu	

Bảng 2.12. Sổ Cái TK 632

2.2.2.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

2.2.2.2.1. Kế toán chi phí bán hàng

Trong kỳ, công ty không theo dõi các khoản chi phí bán hàng.

2.2.2.2.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý
- Chi phí đồ dùng văn phòng
- Thuế, phí, lệ phí
- Chi phí dịch vụ mua ngoài

a) Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Giấy báo Nợ
- Bảng thanh toán lương

b) Tài khoản sử dụng

TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

TK 6422 có 4 tài khoản cấp 3:

- TK 64221 – Chi phí nhân viên quản lý
- TK 64223 – Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 64225 – Thuế, phí, lệ phí
- TK 64227 – Chi phí dịch vụ mua ngoài

c) Sổ sách sử dụng

- Sổ chi tiết TK 64221, 64223, 64225,64227
- Sổ NKC
- Sổ cái TK 642

d) Trình tự ghi sổ

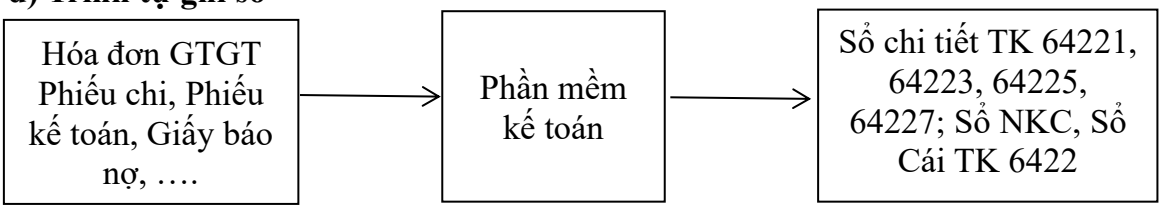

Hằng ngày, căn cứ vào các chứng từ: Hóa đơn GTGT, phiếu chi, giấy báo Nợ, bảng phân bổ khấu hao TSCĐ, bảng phân bổ CCDC, bảng thanh toán lương…kế toán nhập dữ liệu vào phần mềm máy vi tính vào phiếu kế toán. Sau đó, phần mềm sẽ tự động chuyển số vào sổ chi tiết TK 64221, 64223, 64225, 64227. Song song với việc theo dõi chi tiết, số liệu cũng được phần mềm xử lý rồi cập nhật vào sổ NKC, sổ cái TK 6422.

e) Nghiệp vụ minh họa:

<u>Nghiệp vụ 1:</u> Ngày 31/07/2025, Công ty phát sinh nghiệp vụ chi tiền trả lương cho nhân viên theo bảng thanh toán lương với số tiền 53.910.000 đồng, các khoản trích theo lương tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp là 4.945.000 đồng, tính vào lương công nhân viên là 2.415.000 đồng.

Đối với việc chi trả thanh toán tiền lương cho công nhân viên thì vào cuối mỗi tháng dựa vào bảng thanh toán lương kế toán lập thì cán bộ thủ quỹ của công ty dựa vào đó để thanh toán tiền lương cho cán bộ công nhân viên của công ty. Khi đó kế toán sẽ lập phiếu chi trên phần mềm kế toán Fast. Các nghiệp vụ chi tiền thanh toán lương này sẽ được kế toán thực hiện vào mỗi cuối tháng.

Bảo hiểm xã hội: Tại công ty, quỹ BHXH được hình thành bằng cách trích lập theo tỷ lệ quy định trên tổng quỹ lương cơ bản của người lao động, tỷ lệ trích nộp BHXH là 32%, trong đó:

+ 21,5% là do công ty sử dụng lao động, được tính vào chi phí quản lý kinh doanh.

+ 10,5 % là do đóng góp của công nhân viên để được hưởng các chế độ xã hội.

CÔNG TY : Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Nhi Hoàng
Đ/c: 48/21 Ngô Sỹ Liên, Phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng

BẢNG CHẤM CÔNG
THÁNG 7 NĂM 2025

STT	Họ và tên	Ngày trong tháng																														Số ngày công	Tổng cộng
		01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	
		T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5		
1	Nguyễn Hoàng Sơn	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	27	27
2	Lê Thị Cẩm Tú	x	x	x	x	x		x	x	x	x				x	x	x	x		x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	24	24
3	Huỳnh Thị Tuyết Nhung	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x		x	x	x			x	x	x	x	x		x	x	x	x	25	25
4	Trương Anh Nghĩa	x	x		x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x		x	x		x		x	x	24	24
5	Nguyễn Quốc Cường	x	x	x	x	x		x		x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x		x	x	x	x		x		x	x	24	24

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 7 năm 2025

Người lập **Giám Đốc**

CÔNG TY: Công ty TNHH MTV DV BV Nhi Hoàng
Đ/c: 48/21 Ngô Sỹ Liên, Phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG
THÁNG 07/2025

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương cơ bản	Ngày công thực tế	Lương theo ngày công	Lương tháng		Các khoản hỗ trợ				Tổng thu nhập	Các khoản trích trừ vào lương của NV (10,5%)	Các khoản trích vào chi phí của DN (21,5%)	Thực nhận	Ký tên
						Lương KPI	Tổng lương	Ăn trưa	Điện thoại	Xăng xe	Trang phục					
1	Nguyễn Hoàng Sơn	Giám đốc	5.000.000	27,0			5.000.000					5.000.000	525.000	1.075.000	4.475.000	
2	Lê Thị Cẩm Tú	Kế toán	4.500.000	24,0	200.000	4.800.000	9.300.000	720.000	1.000.000	750.000	400.000	12.170.000	472.500	967.500	11.697.500	
3	Huỳnh Thị Tuyết Nhung	Kế toán	4.500.000	25,0	200.000	5.000.000	9.500.000	750.000	1.000.000	750.000	400.000	12.400.000	472.500	967.500	11.927.500	
4	Trương Anh Nghĩa	NV Nghiệp vụ	4.500.000	24,0	200.000	4.800.000	9.300.000	720.000	1.000.000	750.000	400.000	12.170.000	472.500	967.500	11.697.500	
5	Nguyễn Quốc Cường	NV Nghiệp vụ	4.500.000	24,0	200.000	4.800.000	9.300.000	720.000	1.000.000	750.000	400.000	12.170.000	472.500	967.500	11.697.500	
	Tổng cộng		**23.000.000**	**124**	**800.000**	**19.400.000**	**42.400.000**	**2.910.000**	**4.000.000**	**3.000.000**	**1.600.000**	**53.910.000**	**2.415.000**	**4.945.000**	**51.495.000**	-

Người lập **Giám đốc**

LÊ THỊ CẨM TÚ **NGUYỄN HOÀNG SƠN**

Bảng 2.13. Bảng chấm công và bảng thanh toán tiền lương tháng 7/2025

Căn cứ vào bảng chấm công, bảng tính lương, kế toán tiến hành hạch toán nghiệp vụ trên phần mềm vào phiếu kế toán, phiếu chi tiền mặt. Sau khi nhập số liệu đầy đủ thì phần mềm sẽ hiển thị như dưới.

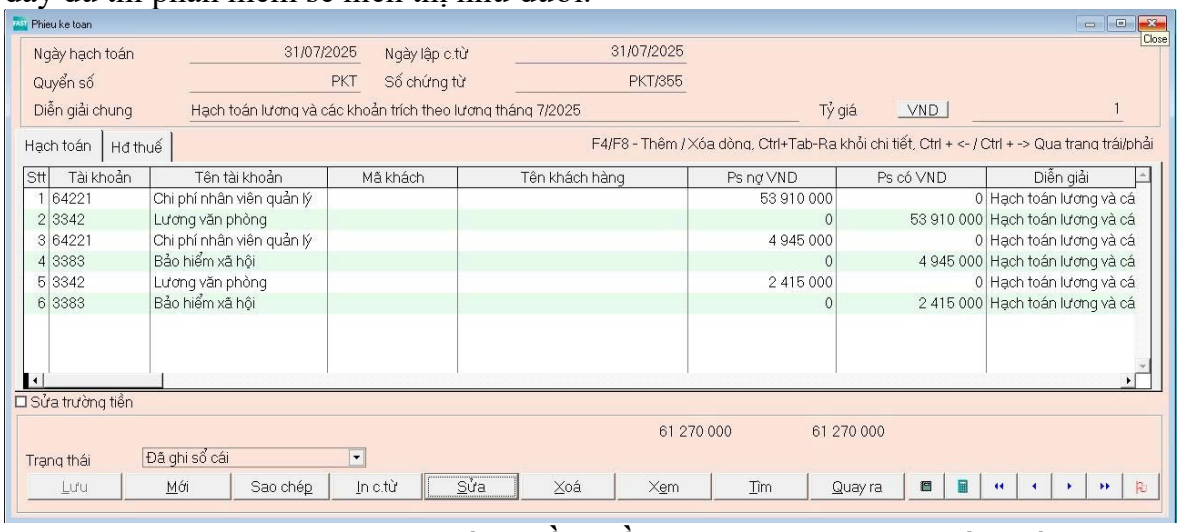

Hình 2.10. Giao diện phần mềm hạch toán lương nhân viên

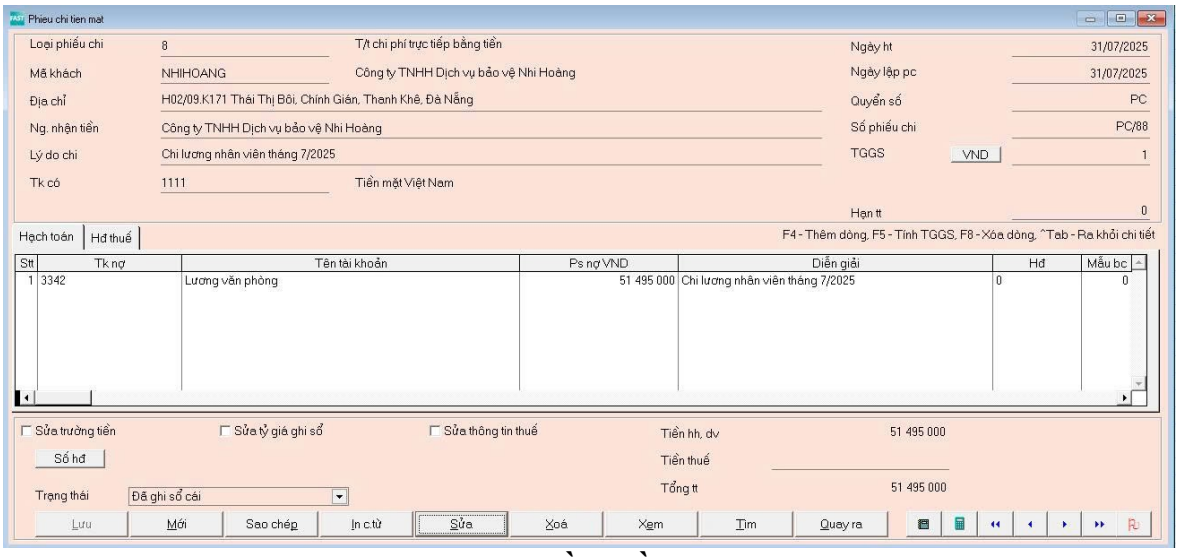

Hình 2.11. Giao diện phần mềm nhập chi lương nhân viên

Sau khi nhập số liệu vào phần mềm thì phần mềm tự động cập nhật lên sổ chi tiết TK 64221.

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG

Mẫu số S20-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN
Từ ngày: 01/01/2025 đến ngày: 31/12/2025
Tài khoản: 64221 - Chi phí nhân viên quản lý
Loại tiền: VND

Số dư đầu kỳ: -

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
31/01/2025	PKT/349	31/01/2025	Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 1/2025	3342	62.510.000		62.510.000	
31/01/2025	PKT/349	31/01/2025	Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 1/2025	3383	5.912.500		68.422.500	
31/01/2025		31/01/2025	Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp 64221->911	911		68.422.500		
28/02/2025	PKT/350	28/02/2025	Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 2/2025	3342	40.590.000		40.590.000	
28/02/2025	PKT/350	28/02/2025	Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 2/2025	3383	3.977.500		44.567.500	
28/02/2025		28/02/2025	Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp 64221->911	911		44.567.500		
			.....					
31/07/2025	PKT/355	31/07/2025	Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 7/2025	3342	53.910.000		53.910.000	
31/07/2025	PKT/355	31/07/2025	Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 7/2025	3383	4.945.000		58.855.000	
31/07/2025		31/07/2025	Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp 64221->911	911		58.855.000		
			.....					
31/12/2025	PKT/360	31/12/2025	Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 12/2025	3342	91.690.000		91.690.000	
31/12/2025	PKT/360	31/12/2025	Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 12/2025	3383	8.170.000		99.860.000	
31/12/2025	PKT/360	31/12/2025	Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 12/2025	3383	14.589.900		114.449.900	
31/12/2025		31/12/2025	Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp 64221->911	911		114.449.900		
							Tổng phát sinh nợ:	**705.044.900**
							Tổng phát sinh có:	**705.044.900**
							Số dư cuối kỳ:	-

Ngày.... tháng.... năm....

NGƯỜI GHI SỔ (Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG (Ký, họ tên)

Bảng 2.14. Sổ Chi Tiết TK 64221

<u>Nghiệp vụ 2:</u> Ngày 02/01/2025, công ty nộp thuế môn bài vào kho bạc nhà nước với số tiền là 2.000.000 đồng, phí chuyển tiền là 100.000 đồng, thuế GTGT 10%.

Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam
Vietnam Technological and Commercial Join-Stock Bank
Chi nhánh/ *Branch:* HCB- TECHCOMBANK 29/3
Mã số thuế/ *Tax code:* 0100230800

TECHCOMBANK

SỔ PHỤ KIÊM PHIẾU BÁO NỢ/CÓ
Bank statement/ Debit-Credit advice
Từ ngày/ *From:* **01/01/2025** **Đến ngày/** *To:* **31/01/2025**

Tên khách hàng/ *Customer name:* NHI HOANG SECURITY SERVICES CO.LTD
Số ID Khách hàng/ *Customer ID:* 34662414
Địa chỉ/ *Address:* 48/21 NGO SI LIEN, P. HOA KHANH BAC, Q.LIEN CHIEU, TP.DA NANG
Mã số thuế/ *Tax ID:* 0401992249

Tên tài khoản/ *Account name:* VND-TGTT-CTY TNHH DV BV NHI HOANG
Số tài khoản/ *Account number:* 19134662414015
Loại tiền/ *Currency:* VND
Loại tài khoản/ *Type of account:* Tài khoản thanh toán

Số dư đầu kỳ *Opening balance* (1)	Tổng phát sinh có *Total credits* (2)	Tổng phát sinh nợ *Total debits* (3)	Tổng phí *Total fees* (4)	Tổng thuế GTGT *Total VAT* (5)	Số dư cuối kỳ *Ending balance* (6)=(1)+(2)-(3)-(4)-(5)
38,269	3,000,023	- 2,000,000	100,000	10,000	928,292

Chúng tôi xin thông báo đã ghi nợ/ghi có vào tài khoản của Quý khách số tiền chi tiết ở trang kế
We would like to inform you of your updated debits and credits on the following pages

Giao dịch được thực hiện vào ngày nghỉ, ngày lễ sẽ và sau giờ giao dịch sẽ có hiệu lực vào ngày làm việc tiếp theo/ *Transactions performed on a non-business day/holiday or after cut off time are posted on the next business day.*

Phiếu này được in từ hệ thống ngân hàng điện tử của TECHCOMBANK/ *This automated debit Advice is printed by electronic banking by TECHCOMBANK* | Ngày giờ in/ *Printed on:* 02/02/2025 08:21 1/2

Hình 2.12. Sao kê ngân hàng

Căn cứ vào giấy báo Nợ ngân hàng, xác định TK ghi Nợ, TK ghi Có, kế toán viên nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng đã được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

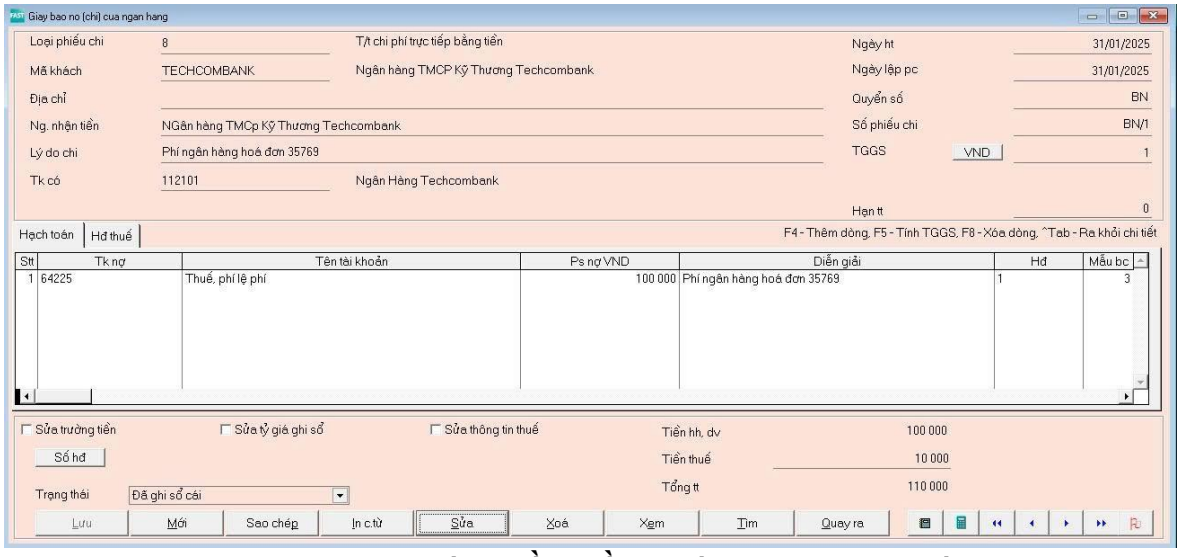

Hình 2.13. Giao diện phần mềm nhập chi trả phí ngân hàng

Sau đó phần mềm sẽ tự động cập nhật vào sổ chi tiết TK 64225 như sau:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG

Mẫu số S20-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Từ ngày: 01/01/2025 đến ngày: 31/12/2025

Tài khoản: 64225 - Thuế, phí lệ phí

Loại tiền: VND

Số dư đầu kỳ: -

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
02/01/2025	PKT/285	02/01/2025	Hạch toán thuế môn bài	33382	2.000.000		2.000.000	
31/01/2025	BN/1	31/01/2025	Phí ngân hàng hoá đơn 35769	112101	100.000		2.100.000	
31/01/2025		31/01/2025	Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp 64225->91	911		2.100.000		
15/02/2025	BN/2	15/02/2025	Phí phát hành 3 quyển sec hóa đơn 368	112102	60.000		60.000	
28/02/2025	BN/5	28/02/2025	Phí ngân hàng hoá đơn 57865	112101	100.000		160.000	
28/02/2025		28/02/2025	Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp 64225->91	911		160.000		
31/03/2025	BN/8	31/03/2025	Phí ngân hàng hóa đơn 93907	112101	100.000		100.000	
31/03/2025		31/03/2025	Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp 64225->91	911		100.000		
			.....					
25/11/2025	BN/26	25/11/2025	Phí ngân hàng HĐ số 23208	112102	60.000		60.000	
29/11/2025	BN/28	29/11/2025	Phí ngân hàng theo HĐ số 1046682	112101	100.000		160.000	
30/11/2025		30/11/2025	Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp 64225->91	911		160.000		
11/12/2025	BN/32	11/12/2025	Phí chuyển tiền	112102	22.000		22.000	
31/12/2025		31/12/2025	Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp 64225->91	911		22.000		
							Tổng phát sinh nợ:	**3.302.000**
							Tổng phát sinh có:	**3.302.000**
							Số dư cuối kỳ:	-

Ngày.... tháng.... năm....

NGƯỜI GHI SỔ (Ký, họ tên) — **KẾ TOÁN TRƯỞNG** (Ký, họ tên)

Bảng 2.15. Sổ Chi Tiết TK 64225

<u>Nghiệp vụ 3:</u> Ngày 13/01/2025, công ty đã thanh toán tiền mua xăng cho Công ty Xăng Dầu Khu Vực V – TNHH Một Thành Viên với số tiền là 1.000.000 đồng (bao gồm cả thuế GTGT 10%).

CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC V
TNHH MỘT THÀNH VIÊN

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Ngày 13 tháng 01 năm 2025 06:35

Ký hiệu: 1K25TTC
Số: 31302

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC V - TNHH MỘT THÀNH VIÊN — Mã số thuế: 0400101683
Địa chỉ: Số 122 Đường 2/9, P. Bình Thuận, Q. Hải Châu, TP Đà Nẵng, Việt Nam
Cửa hàng số: PETROLIMEX-Cửa hàng 06
Người mua hàng:
Đơn vị mua hàng: Công Ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Nhi Hoàng — Biển số xe: 47A-489.97
Địa chỉ: 48/21 Ngô Sĩ Liên, P .Hòa Khánh Bắc, Q .Liên Chiểu, TP Đà Nẵng — Mã số thuế: 0401992249
Phương thức thanh toán: TM/CK/Thẻ

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Xăng RON95-III	Lít	47,596	19.100	909.091
			Cộng tiền hàng:		909.091
			Tiền thuế GTGT (10%)		90.909
			Tiền phí khác:		
			Tổng số tiền thanh toán:		1.000.000

Tổng số tiền thanh toán bằng chữ: Một triệu đồng

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC V - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Ký ngày: 13/01/2025

Mã tra cứu: UD3ZJKIDE*
Website tra cứu: https://hoadon.petrolimex.com.vn

Giải pháp hóa đơn điện tử được cung cấp bởi Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông (VNPT-Vinaphone)
MST: 0106869738 - Tel: 18001260

Hình 2.14. Hóa đơn GTGT số 31302

Phiếu chi tiền mặt được thể hiện trên máy tính như sau:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG
H02/09, K171 Thái Thị Bôi, P.Chính Gián, Q. Thanh Khê, Đà Nẵng

Mẫu số 02-TT
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU CHI

Ngày 13 tháng 01 năm 2025

Liên số: 1
Quyển số: PC
Số: PC/5
Nợ: 64227 909 091
13311 90 909
Có: 1111 1 000 000

Họ, tên người nhận tiền: Công Ty Xăng Dầu Khu Vực V
Đơn vị: XANGDAUV - Công Ty Xăng Dầu Khu Vực V
Địa chỉ: Số 122 Đường 2/9, P. Bình Thuận, Q. Hải Châu, TP Đà Nẵng,
Lý do chi: Chi tiền mua xăng dầu theo hóa đơn số 31302
Số tiền: 1 000 000 VND
Bằng chữ: Một triệu đồng chẵn

Kèm theo: 0 chứng từ gốc:

Ngày. . . . tháng. . . . .năm . . . . .

GIÁM ĐỐC	KẾ TOÁN TRƯỞNG	THỦ QUỸ	NGƯỜI LẬP PHIẾU	NGƯỜI NHẬN TIỀN
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): . . . . . .

Hình 2.15. Phiếu chi tiền xăng dầu

Căn cứ vào hóa đơn GTGT, xác định TK ghi Nợ, TK ghi Có, kế toán viên nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng đã được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

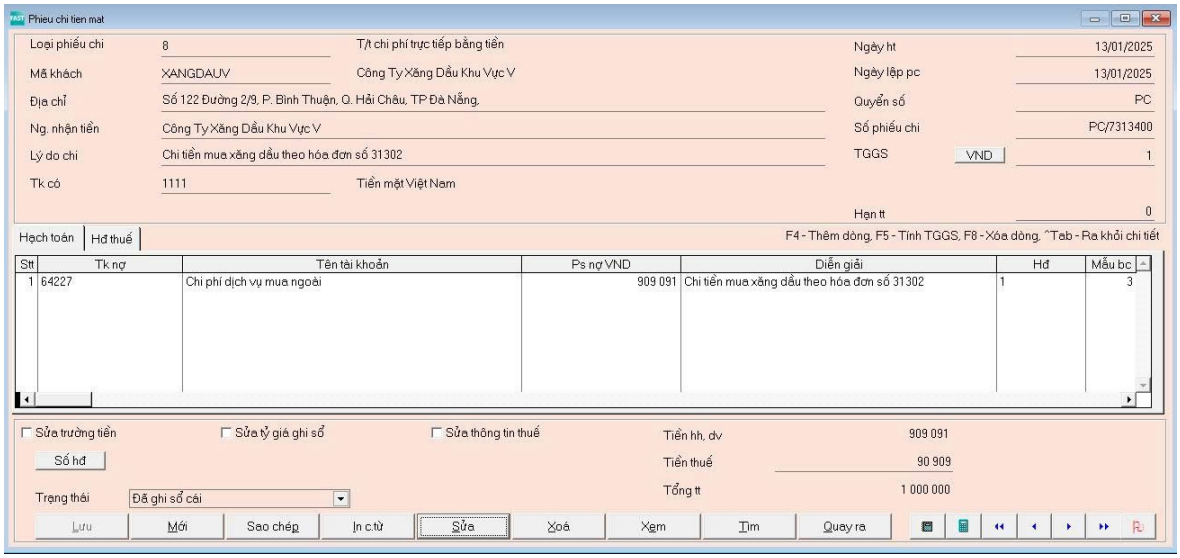

Hình 2.16. Giao diện phần mềm nhập chi tiền mua xăng

Phần mềm sẽ tự động chuyển số vào sổ chi tiết TK 64227 như sau:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG

Mẫu số S20-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN
Từ ngày: 01/01/2025 đến ngày: 31/12/2025
Tài khoản: 64227 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
Loại tiền: VND

Số dư đầu kỳ: -

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
02/01/2025	PC/2	02/01/2025	Chi dịch vụ FTTH theo hóa đơn số 8293466	1111	150.000		150.000	
13/01/2025	PC/5	13/01/2025	Chi tiền mua xăng dầu theo hóa đơn số 31302	1111	909.091		1.059.091	
15/01/2025	PC/6	15/01/2025	Chi tiền vé máy bay theo Hóa đơn số 2902	1111	2.787.889		3.846.980	
15/01/2025	PC/6	15/01/2025	Phí thu hộ HD2902	1111	238.000		4.084.980	
15/01/2025	PC/7	15/01/2025	Chi tiền vé máy bay theo Hóa đơn số 2909	1111	6.603.333		10.688.313	
			.....					
27/12/2025	BN/35	27/12/2025	Phí ngân hàng theo HĐ số 1285410	112101	100.000		47.260.592	
29/12/2025	PC/172	29/12/2025	Chi tiền ăn uống theo HĐ số 1477	1111	4.604.208		51.864.800	
29/12/2025	PC/173	29/12/2025	Phí dịch vụ tư vấn tài chính Q4 theo HĐ số 27	1111	6.000.000		57.864.800	
31/12/2025	PC/174	31/12/2025	Chi tiền ăn uống theo HĐ số 24404	1111	4.124.000		61.988.800	
31/12/2025	PC/174	31/12/2025	Chi tiền ăn uống theo HĐ số 24404	1111	240.000		62.228.800	
31/12/2025	PC/177	31/12/2025	Chi tiền thuê nhà ở tháng 12/2025	1111	7.000.000		69.228.800	
31/12/2025		31/12/2025	Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp 64227->911	911		69.228.800		
							Tổng phát sinh nợ:	**432.386.817**
							Tổng phát sinh có:	**432.386.817**
							Số dư cuối kỳ:	-

Ngày.... tháng.... năm....

NGƯỜI GHI SỔ	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Bảng 2.16. Sổ Chi Tiết TK 64227

Song song với việc theo dõi sổ chi tiết, số liệu cũng được phần mềm xử lý rồi cập nhật vào sổ NCK:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày: 01/01/2025 đến ngày: 31/12/2025

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
02/01/2025	BC/1	THĐ thanh toán tiền bảo vệ (Công Ty TNHH MTV Tuấn Hoàng Đức)			
		THĐ thanh toán tiền bảo vệ	112102	7.000.000	
		THĐ thanh toán tiền bảo vệ	1311		7.000.000
02/01/2025	PC/2	Chi dịch vụ FTTH theo hóa đơn số 8293466 (Viettel Đà Nẵng - Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp-Viễn thông Quân Đội			
		Chi dịch vụ FTTH theo hóa đơn số 8293466	13311	15.000	
		Chi dịch vụ FTTH theo hóa đơn số 8293466	64227	150.000	
		Chi dịch vụ FTTH theo hóa đơn số 8293466	1111		165.000
		.....			
11/01/2025	HD 8	Phí dịch vụ bảo vệ theo hóa đơn số 8 (CÔNG TY TNHH SPX EXPRESS)			
		Phí dịch vụ bảo vệ theo hóa đơn số 8	1311	707.556.774	
		Phí dịch vụ bảo vệ theo hóa đơn số 8	33311		52.411.613
		Phí dịch vụ bảo vệ theo hóa đơn số 8	51111		655.145.161
13/01/2025	PC/5	Chi tiền mua xăng dầu theo hóa đơn số 31302 (Công Ty Xăng Dầu Khu Vực V)			
		Chi tiền mua xăng dầu theo hóa đơn số 31302	13311	90.909	
		Chi tiền mua xăng dầu theo hóa đơn số 31302	64227	909.091	
		Chi tiền mua xăng dầu theo hóa đơn số 31302	1111		1.000.000
14/01/2025	BC/12	ĐH sư phạm thanh toán tiền bảo vệ (Trường đại học sư phạm - Đại học Đà Nẵng)			
		ĐH sư phạm thanh toán tiền bảo vệ	112102	44.228.160	
		ĐH sư phạm thanh toán tiền bảo vệ	1311		44.228.160
		.....			
31/01/2025	PC/14	Chi tiền thuê nhà ở tháng 1/2025 (Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ Nhi Hoàng)			
		Chi tiền thuê nhà ở tháng 1/2025	64227	7.000.000	
		Chi tiền thuê nhà ở tháng 1/2025	1111		7.000.000
31/01/2025	BN/1	Phí ngân hàng hoá đơn 35769 (Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Techcombank)			
		Phí ngân hàng hoá đơn 35769	13311	10.000	
		Phí ngân hàng hoá đơn 35769	64225	100.000	
		Phí ngân hàng hoá đơn 35769	112101		110.000
31/01/2025	PKTCC0	Bút toán PB CCDC của kỳ 1			
		Bút toán PB CCDC của kỳ 1	1543	1.236.846	
		Bút toán PB CCDC của kỳ 1	64223	593.232	
		Bút toán PB CCDC của kỳ 1	2421		1.830.078
		.....			
31/07/2025	PT/311	Rút tiền gửi nhập quỹ (Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ Nhi Hoàng)			
		Rút tiền gửi nhập quỹ	1111	340.000.000	
		Rút tiền gửi nhập quỹ	112102		340.000.000
31/07/2025	PC/87	Chi phí ăn uống theo hóa đơn số 920 (Công ty TNHH BH Hoàng Kim Ngọc)			
		Chi phí ăn uống theo hóa đơn số 920	13311	274.000	
		Chi phí ăn uống theo hóa đơn số 920	64227	3.225.000	
		Chi phí ăn uống theo hóa đơn số 920	1111		3.499.000
31/07/2025	PC/88	Chi lương nhân viên tháng 7/2025 (Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ Nhi Hoàng)			
		Chi lương nhân viên tháng 7/2025	3342	51.495.000	
		Chi lương nhân viên tháng 7/2025	1111		51.495.000
		.....			
31/12/2025	PKT/362	Hạch toán thuế TNDN 2025			
		Hạch toán thuế TNDN 2025	8211	216.502.517	
		Hạch toán thuế TNDN 2025	3334		216.502.517
31/12/2025	PKT	Kết chuyển Doanh thu			
		Kết chuyển Doanh thu	51111	2.301.128.015	
		Kết chuyển Doanh thu	911		2.301.128.015
31/12/2025	PKT	Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính			
		Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính	5151	27.197	
		Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính	911		27.197
31/12/2025	PKT	Kết chuyển Giá vốn hàng bán			
		Kết chuyển Giá vốn hàng bán	911	1.887.348.382	
		Kết chuyển Giá vốn hàng bán	6321		1.887.348.382
31/12/2025	PKT	Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp			
		Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp	911	184.255.799	
		Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp	64221		114.449.900
		Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp	64223		555.099
		Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp	64225		22.000
		Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp	64227		69.228.800
31/12/2025	PKT	Kết chuyển chi phí khác			
		Kết chuyển chi phí khác	911	1.317.926	
		Kết chuyển chi phí khác	8111		1.317.926
31/12/2025	PKT	Kết chuyển lãi lỗ			
		Kết chuyển lãi lỗ	911	11.730.588	
		Kết chuyển lãi lỗ	4212		11.730.588
31/12/2025	PKT	Kết chuyển chi phí thuế TNDN			
		Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	216.502.517	
		Kết chuyển chi phí thuế TNDN	8211		216.502.517
			Tổng cộng	**174.642.872.227**	**174.642.872.227**

NGƯỜI GHI SỔ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	Ngày..... tháng..... năm..... GIÁM ĐỐC
Ký, họ tên	Ký, họ tên	Ký, họ tên, đóng dấu

Bảng 2.17. Sổ Nhật Ký Chung

Sau đó, từ số liệu trên sổ NKC sẽ được phần mềm chuyển lên sổ cái TK 6422 như sau:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG						Mẫu số S03b-DNN (Ban hành theo quyết định số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2019 của Bộ Tài Chính)		
SỔ CÁI TÀI KHOẢN								
Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp								
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025								
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Tk đ.ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	Stt dòng		Nợ	Có
02/01/2025	PC/2	02/01/2025	Chi dịch vụ FTTH theo hóa đơn số 8293466	0	0	1111	150.000	
02/01/2025	PKT/285	02/01/2025	Hạch toán thuế môn bài	0	0	33382	2.000.000	
13/01/2025	PC/5	13/01/2025	Chi tiền mua xăng dầu theo hóa đơn số 31302	0	0	1111	909.091	
15/01/2025	PC/6	15/01/2025	Chi tiền vé máy bay theo Hóa đơn số 2902	0	0	1111	2.787.889	
15/01/2025	PC/6	15/01/2025	Phí thu hộ HĐ2902	0	0	1111	238.000	
15/01/2025	PC/7	15/01/2025	Chi tiền vé máy bay theo Hóa đơn số 2909	0	0	1111	6.603.333	
15/01/2025	PC/7	15/01/2025	Phí thu hộ HĐ2909	0	0	1111	357.000	
21/01/2025	PC/9	21/01/2025	Chi tiền mua xăng dầu theo hóa đơn số 54499	0	0	1111	863.674	
31/01/2025	PC/14	31/01/2025	Chi tiền thuê nhà ở tháng 1/2025	0	0	1111	7.000.000	
31/01/2025	BN/1	31/01/2025	Phí ngân hàng hoá đơn 35769	0	0	112101	100.000	
31/01/2025	PKTCC01	31/01/2025	Bút toán PB CCDC của kỳ 1	0	0	2421	593.232	
			.....					
31/07/2025	PC/87	31/07/2025	Chi phí ăn uống theo hóa đơn số 920	0	0	1111	2.425.000	
31/07/2025	PC/87	31/07/2025	Chi phí ăn uống theo hóa đơn số 920	0	0	1111	800.000	
31/07/2025	PC/90	31/07/2025	Chi tiền thuê nhà ở tháng 7/2025	0	0	1111	7.000.000	
31/07/2025	PKTCC07	31/07/2025	Bút toán PB CCDC của kỳ 7	0	0	2421	649.482	
31/07/2025	PKT/355	31/07/2025	Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 7/2025	0	0	3342	53.910.000	
31/07/2025	PKT/355	31/07/2025	Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 7/2025	0	0	3383	4.945.000	
			.....					
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp 64221->911	0	0	911		114.449.900
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp 64223->911	0	0	911		555.099
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp 64225->911	0	0	911		22.000
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp 64227->911	0	0	911		69.228.800
							Ngày...tháng...năm...	
Người ghi sổ			Kế toán trưởng				Giám đốc	
Ký, họ tên			Ký, họ tên				Ký, họ tên, đóng dấu	

Bảng 2.18. Sổ Cái TK 6422

2.2.2.3. Kế toán chi phí tài chính

Trong kỳ, công ty không phát sinh các khoản chi phí tài chính.

2.2.2.4. Kế toán chi phí khác

Chi phí khác của công ty được xác định là các khoản chi phí phát sinh ngoài hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp. Trong đó bao gồm các khoản chi phí chậm nộp tiền theo quy định và các chi phí bất thường phát sinh trong năm. Chi phí bất thường là những khoản chi không phát sinh thường xuyên, không nằm trong kế hoạch hoạt động kinh doanh của công ty, thường phát sinh do các sự kiện ngoài dự kiến như tiền phạt vi phạm hành chính, chi phí bồi thường hợp đồng, tổn thất tài sản, chi phí thanh lý tài sản cố định hoặc các khoản thiệt hại phát sinh khác.

a) Chứng từ sử dụng

- Giấy nộp tiền
- Phiếu chi

b) Tài khoản sử dụng

TK 8111 – Chi phí khác

Trong đó: TK 8111 – Chi phí khác:bồi thường, bị phạt và chi phí khác.

Tại doanh nghiệp, mọi chi phí đều đưa hết vào TK 8111

c) Sổ sách sử dụng

- Sổ chi tiết 8111
- Sổ NKC
- Sổ cái TK 811

d) Trình tự ghi sổ

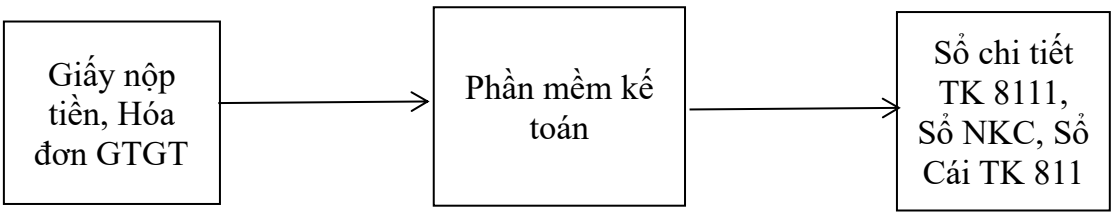

Hằng ngày, căn cứ vào giấy nộp tiền của cơ quan thuế, kế toán nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng đã được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Sau đó, phần mềm sẽ tự động chuyển số vào sổ chi tiết TK 8111. Song song với việc theo dõi chi tiết, số liệu cũng được phần mềm xử lý rồi cập nhật vào sổ NKC, sổ cái TK 811.

e) Nghiệp vụ minh họa:

Nghiệp vụ 1: Ngày 23/12/2025, công ty phát sinh khoản nộp chậm tiền thuế là 1.317.926 đồng, khi nhận được các chứng từ của ngân hàng như giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước thì kế toán tiến hành nhập số liệu lên phần mềm.

Thông báo giấy nộp tiền từ cơ quan thuế gửi về cho công ty được trích dẫn ở Phụ lục 2.

Không ghi vào khu vực này

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒

Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:.....

Mẫu số C1- 02/NS
(Ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Mã hiệu: .....
Số: 1931386

Số tham chiếu: 11220250354110496

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG — Mã số thuế: 0401992249
Địa chỉ: 48/21 Ngô Sỹ Liên, Phường Liên Chiểu
Quận/Huyện: — Tỉnh, TP: Thành phố Đà Nẵng
Người nộp thay:
Địa chỉ:
Quận/Huyện: — Tỉnh, TP:
Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam — trích TK số: 19134662414015
hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:
TK thu NSNN ☒ TK tạm thu ☐ TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐
Vào tài Khoản KBNN: KBNN Khu vực XIII - PGD số 2 — Tỉnh, TP: Thành phố Đà Nẵng
Mở tại NH ủy nhiệm thu: VCB Đà Nẵng
Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:
Kiểm toán nhà nước ☐ Thanh tra tài chính ☐
Thanh tra Chính phủ ☐ Cơ quan có thẩm quyền khác ☐
Cơ quan quản lý thu: Phường Liên Chiểu - Thuế cơ sở 4 thành phố Đà Nẵng

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã NDKT
1	01	09/12/2025	Tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí).		236,476	855	4918
2	01	09/12/2025	Tiền chậm nộp thuế giá trị gia tăng từ hàng hóa sản xuất kinh doanh trong nước khác còn lại.		1,081,450	855	4931
				Tổng tiền	1,317,926		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: MỘT TRIỆU BA TRĂM MƯỜI BẢY NGHÌN CHÍN TRĂM HAI MƯƠI SÁU ĐỒNG

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN		
	Mã CQ thu:.....	Nợ TK:.....
	Mã ĐBHC:.....	Có TK:.....
	Mã nguồn NSNN:.....	

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN — Ngày.....Tháng.....Năm.....

Người nộp tiền — Kế toán trưởng

NGÂN HÀNG (KBNN) — Ngày.....Tháng.....Năm.....

Thủ trưởng — Kế toán — Kế toán trưởng

Người ký : CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG
Ngày ký : 23/12/2025 11:07:44

Người ký : CỤC THUẾ
Ngày ký : 23/12/2025 11:07:45

Người ký : VIETNAM TECHNOLOGICAL AND COMMERCIAL JOINT STOCK BANK
Ngày ký : 23/12/2025 11:13:28

Hình 2.17. Giấy nộp tiền vào NSNN

Giấy nộp tiền được thể hiện trên phần mềm máy tính như sau:

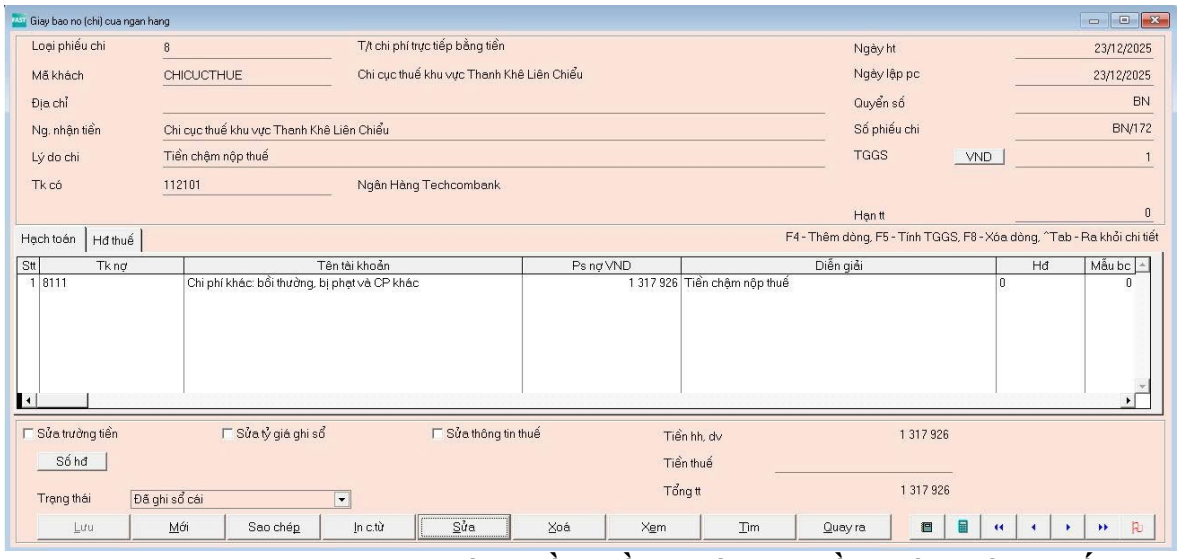

Hình 2.18. Giao diện phần mềm nhập chi tiền chậm nộp thuế

<u>Nghiệp vụ 2:</u> Ngày 18/07/2025, công ty phát sinh khoản ăn uống với tổng số tiền là 1.082.160 đồng, thuế GTGT 8%. Công ty đã thanh toán bằng tiền mặt.

Vì đây là khoản ăn uống của gia đình giám đốc, họ không biết nên lấy hóa đơn ăn uống về công ty. Khoản chi phí này không phục vụ cho hoạt động quản lý kinh doanh nên được xác định là chi phí không hợp lý.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

(Electronic invoice display)

Ký hiệu *(Serial No)*: **1C25MYN**

Số *(No.)*: 905

Ngày *(date)* 18 tháng *(month)* 07 năm *(year)* 2025

Mã của cơ quan thuế: M1-25-GMB4W-00000000905

Đơn vị bán hàng *(Seller)*: CÔNG TY TNHH YEN

Mã số thuế *(Tax code)*: **0402144756**

Địa chỉ *(Address)*: 38 Trần Quốc Toản, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại *(Tel)*: 0909231991 Email: ketoanyen123@gmail.com

Số tài khoản *(A/C No)*:

Họ tên người mua hàng *(Buyer's fullname)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG

Địa chỉ *(Address)*: 48/21 Ngô Sỹ Liên, Phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế *(Tax code)*: 0401992249

Căn cước công dân *(Identity Card)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Số tài khoản *(A/C No)*: Tại *(At)*:

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền chưa thuế *(Amount before VAT)*	Thuế suất *(VAT rate)*	Tiền thuế *(VAT amount)*	Thành tiền sau thuế *(VAT amount)*
1	Suất Buffet 299K	Suất	3	299.000	897.000	8%	71.760	968.760
2	Nước suối	Chai	2	25.000	50.000	8%	4.000	54.000
3	Pepsi	Lon	2	25.000	50.000	8%	4.000	54.000
4	Khăn lạnh	Cái	1	5.000	5.000	8%	400	5.400

Tổng hợp *(Summary)*	Thuế suất *(VAT rate)*	Tổng tiền chưa thuế *(Amount before VAT)*	Tổng tiền thuế *(VAT amount)*	Giá trị thanh toán *(Total amount)*
Tổng tiền chịu thuế suất *(Total amount)*:	8%	1.002.000	80.160	1.082.160
Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:		**1.002.000**	**80.160**	**1.082.160**

Tổng số tiền viết bằng chữ : Một triệu không trăm tám mươi hai nghìn một trăm sáu mươi đồng

Người mua hàng *(Buyer)*
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign, Fullname)

Người bán hàng *(Seller)*
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign, Fullname)

Signature valid
Được ký bởi: CÔNG TY TNHH YEN
Ngày ký: 18/07/2025 02:13 PM

Hình 2.19. Hóa đơn GTGT số 905

Hóa đơn GTGT được thể hiện trên phần mềm máy tính như sau:

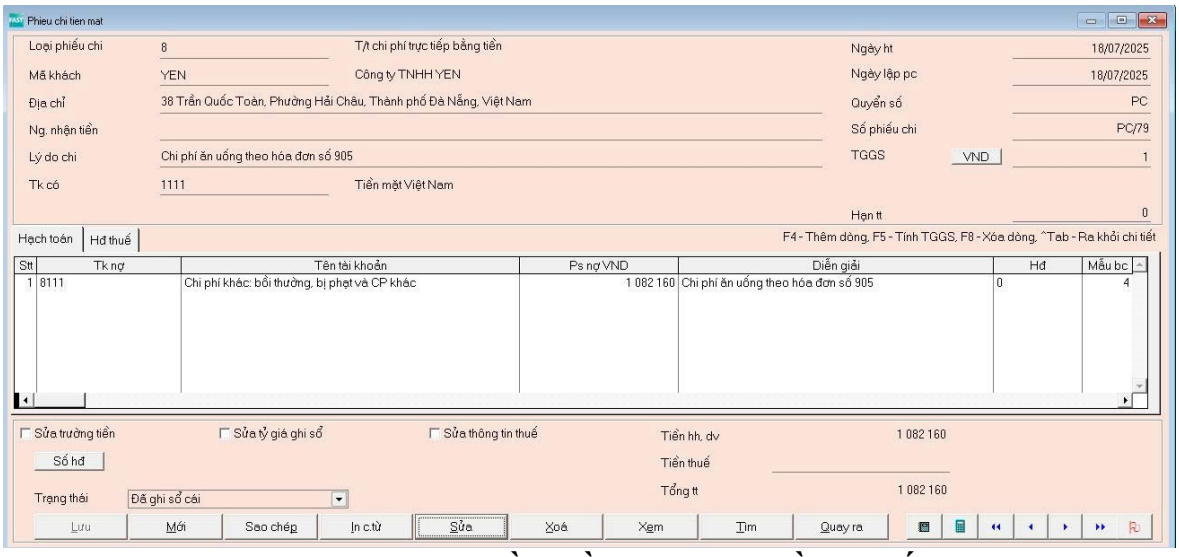

Hình 2.20. Giao diện phần mềm nhập chi tiền ăn uống HĐ 905

<u>Nghiệp vụ 3:</u> Ngày 17/02/2025, công ty phát sinh chi phí thuê phòng nghỉ tại Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Phố Xanh với tổng số tiền thanh toán là 1.900.000 đồng, bao gồm thuế GTGT 8%, đã thanh toán bằng tiền mặt.

Khoản chi phí thuê phòng nghỉ này không có mục đích phục vụ hoạt động kinh doanh, không có lệnh điều động công tác. Vì vậy, doanh nghiệp không ghi nhận chi phí này vào chi phí quản lý doanh nghiệp mà đưa vào chi phí khác.

Mẫu số 1
Ký hiệu: C25TPX
Số: 163

811

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 17 tháng 02 năm 2025

MCCQT: 004DCEC70645E94B42B585AFDF23971B9F

Tên người bán: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH PHỐ XANH
Mã số thuế: 4401075754
Địa chỉ: Số 145A đường Hùng Vương, Phường 4, TP Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam
Điện thoại: 0257 6 252 777
Số tài khoản: 5900823536 Ngân hàng: BIDV Phú Yên

Tên người mua: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG
Họ tên người mua:
Mã số thuế: 0401992249
Địa chỉ: 48/21 Ngô Sỹ Liên, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Số tài khoản:
Hình thức thanh toán: TM/CK
Đơn vị tiền tệ: VND
Số bảng kê: Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ	Tiền Phòng	Đêm	1	481.482	0	8%	481.482
2	Hàng hóa, dịch vụ	Tiền phòng	Đêm	1	555.556	0	8%	555.556
3	Hàng hóa, dịch vụ	Tiền phòng	Đêm	1	722.222	0	8%	722.222
4	Ghi chú, diễn giải	(Ngày đến 15/02/2025 ngày đi 16/02/2025)		0	0	0		0

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế
8%	1.759.260	140.740

Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	1.759.260
Tổng giảm trừ không chịu thuế	
Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	140.740
Tổng tiền phí	
Tổng tiền chiết khấu thương mại	0
Tổng giảm trừ khác	
Tổng tiền thanh toán bằng số	1.900.000
Tổng tiền thanh toán bằng chữ	Một triệu chín trăm nghìn đồng chẵn.

NGƯỜI MUA HÀNG
(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid
Ký bởi Công Ty TNHH Dịch Vụ Và Du Lịch Phố Xanh
Ký ngày: 2025-02-17 10:27:17

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)

Hình 2.21. Hóa đơn thuê phòng nghỉ số 163

Hóa đơn GTGT được hạch toán trên phần mềm như sau:

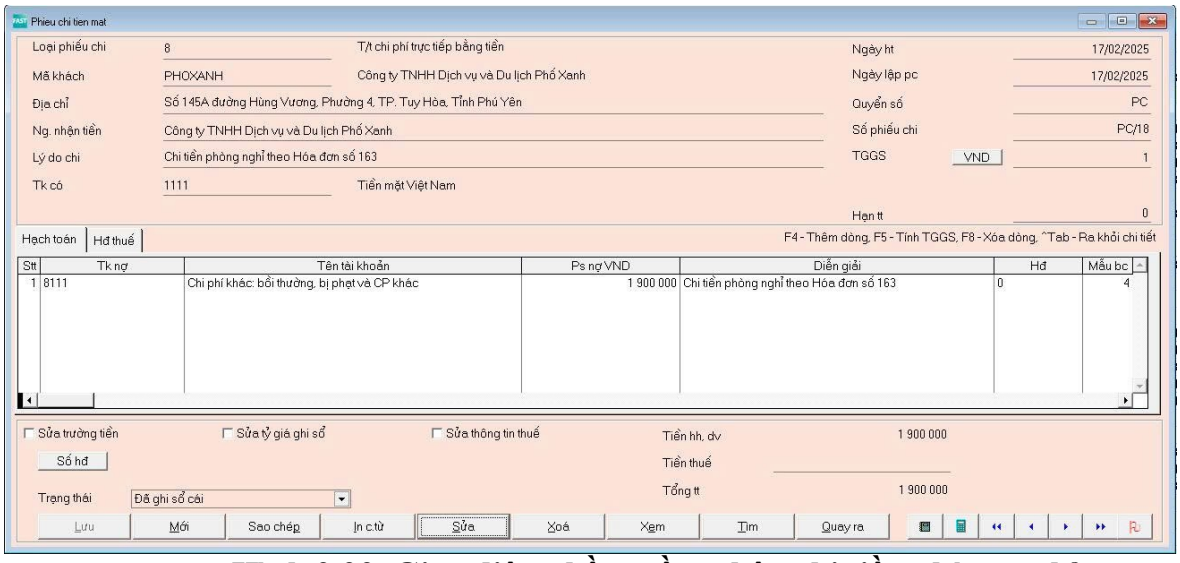

Hình 2.22. Giao diện phần mềm nhập chi tiền phòng nghỉ

Số liệu được phần mềm xử lý, cập nhật số vào sổ chi tiết 8111:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG

Mẫu số S20-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN
Từ ngày: 01/01/2025 đến ngày: 31/12/2025
Tài khoản: 8111 - Chi phí khác: bồi thường, bị phạt và CP khác
Loại tiền: VND

Số dư đầu kỳ: -

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
17/01/2025	PC/8	17/01/2025	Mua hàng theo Hóa đơn số 59951	1111	5.289.696		5.289.696	
31/01/2025		31/01/2025	Kết chuyển chi phí khác 8111->911	911		5.289.696		
17/02/2025	PC/18	17/02/2025	Chi tiền phòng nghi theo Hóa đơn số 163	1111	1.900.000		1.900.000	
27/02/2025	BN/4	27/02/2025	Nộp chậm thuế GTGT	112101	1.000.000		2.900.000	
27/02/2025	PC/23	27/02/2025	Phí Bảo hiểm theo Hóa đơn số 875	1111	7.500.000		10.400.000	
28/02/2025		28/02/2025	Kết chuyển chi phí khác 8111->911	911		10.400.000		
27/03/2025	BN/7	27/03/2025	Tiền nộp chậm giá trị gia tăng	112101	7.532.974		7.532.974	
31/03/2025		31/03/2025	Kết chuyển chi phí khác 8111->911	911		7.532.974		
30/06/2025	PC/66	30/06/2025	Chậm nộp BHXH	1111	225.849		225.849	
30/06/2025		30/06/2025	Kết chuyển chi phí khác 8111->911	911		225.849		
18/07/2025	PC/79	18/07/2025	Chi phí ăn uống theo hóa đơn số 905	1111	1.082.160		1.082.160	
28/07/2025	PC/84	28/07/2025	Chi phí ăn uống theo hóa đơn số 57	1111	1.100.520		2.182.680	
31/07/2025		31/07/2025	Kết chuyển chi phí khác 8111->911	911		2.182.680		
06/08/2025	PC/93	06/08/2025	Chi tiền ăn uống theo HĐ số 2305	1111	1.103.760		1.103.760	
11/08/2025	PC/97	11/08/2025	Dịch vụ khác	1111	1.391.040		2.494.800	
14/08/2025	PC/98	14/08/2025	Dịch vụ khác	1111	829.440		3.324.240	
20/08/2025	BN/17	20/08/2025	Tiền chậm nộp thuế GTGT	112101	14.209.802		17.534.042	
20/08/2025	BN/18	20/08/2025	Tiền chậm nộp thuế TNDN	112101	524.494		18.058.536	
31/08/2025		31/08/2025	Kết chuyển chi phí khác 8111->911	911		18.058.536		
22/09/2025	BN/20	22/09/2025	Nộp tiền chậm nộp thuế	112101	50.000		50.000	
22/09/2025	BN/22	22/09/2025	Tiền chậm nộp thuế GTGT	112101	50.000		100.000	
27/09/2025	PC/118	27/09/2025	Chi phí ăn uống theo HĐ số 3108975	1111	1.117.800		1.217.800	
30/09/2025	PC/122	30/09/2025	Tiền chậm nộp BHXH	1111	5.133.310		6.351.110	
30/09/2025		30/09/2025	Kết chuyển chi phí khác 8111->911	911		6.351.110		
23/12/2025	BN/34	23/12/2025	Tiền chậm nộp thuế	112101	1.317.926		1.317.926	
31/12/2025		31/12/2025	Kết chuyển chi phí khác 8111->911	911		1.317.926		

Tổng phát sinh nợ: **51.358.771**
Tổng phát sinh có: **51.358.771**
Số dư cuối kỳ: -

Ngày.... tháng.... năm....

NGƯỜI GHI SỔ	KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Bảng 2.19. Sổ Chi Tiết TK 8111

Song song với việc theo dõi sổ chi tiết, số liệu cũng được phần mềm xử lý rồi cập nhật vào sổ NKC (TK 811):

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày: 01/01/2025 đến ngày: 31/12/2025

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
02/01/2025	PC/2	Chi dịch vụ FTTH theo hóa đơn số 8293466 (Viettel Đà Nẵng - Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp-Viễn thông Quân Đội)			
		Chi dịch vụ FTTH theo hóa đơn số 8293466	13311	15.000	
		Chi dịch vụ FTTH theo hóa đơn số 8293466	64227	150.000	
		Chi dịch vụ FTTH theo hóa đơn số 8293466	1111		165.000
		.....			
17/02/2025	BC/50	Eurowindow thanh toán tiền bảo vệ (Công ty cổ phần EUROWINDOW)			
		Eurowindow thanh toán tiền bảo vệ	112102	12.960.000	
		Eurowindow thanh toán tiền bảo vệ	1311		12.960.000
17/02/2025	BC/51	Lê Hiền thanh toán tiền bảo vệ (CN Quảng Nam - CTY TNHH MTV Lê Hiền - Nhà hàng INDIA)			
		Lê Hiền thanh toán tiền bảo vệ	112102	10.715.760	
		Lê Hiền thanh toán tiền bảo vệ	1311		10.715.760
17/02/2025	PC/18	Chi tiền phòng nghỉ theo Hóa đơn số 163 (Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Phố Xanh)			
		Chi tiền phòng nghỉ theo Hóa đơn số 163	8111	1.900.000	
		Chi tiền phòng nghỉ theo Hóa đơn số 163	1111		1.900.000
18/02/2025	BC/52	Cảng ĐN thanh toán tiền bảo vệ (Công ty Cổ Phần Xây Dựng Và Thương Mại Cảng Đà Nẵng)			
		Cảng ĐN thanh toán tiền bảo vệ	112102	6.774.840	
		Cảng ĐN thanh toán tiền bảo vệ	1311		6.774.840
		.....			
17/07/2025	PC/78	Chi phí ăn uống theo hóa đơn số 8480 (Công ty TNHH dịch vụ ăn uống Hoa Đỏ)			
		Chi phí ăn uống theo hóa đơn số 8480	13311	332.444	
		Chi phí ăn uống theo hóa đơn số 8480	64227	4.155.556	
		Chi phí ăn uống theo hóa đơn số 8480	1111		4.488.000
18/07/2025	PC/79	Chi phí ăn uống theo hóa đơn số 905 (Công ty TNHH YEN)			
		Chi phí ăn uống theo hóa đơn số 905	8111	1.082.160	
		Chi phí ăn uống theo hóa đơn số 905	1111		1.082.160
18/07/2025	PC/80	Chi phí xăng dầu theo hóa đơn số 548063 (Công Ty Xăng Dầu Khu Vực V)			
		Chi phí xăng dầu theo hóa đơn số 548063	13311	96.298	
		Chi phí xăng dầu theo hóa đơn số 548063	64227	1.203.719	
		Chi phí xăng dầu theo hóa đơn số 548063	1111		1.300.017
		.....			
23/12/2025	PC/168	Nộp tiền vào tài khoản (NGUYỄN HOÀNG SƠN)			
		Nộp tiền vào tài khoản	112101	77.000.000	
		Nộp tiền vào tài khoản	1111		77.000.000
23/12/2025	BN/33	Nộp thuế GTGT (Chi cục thuế khu vực Thanh Khê Liên Chiểu)			
		Nộp thuế GTGT	33311	75.383.046	
		Nộp thuế GTGT	112101		75.383.046
23/12/2025	BN/34	Tiền chậm nộp thuế (Chi cục thuế khu vực Thanh Khê Liên Chiểu)			
		Tiền chậm nộp thuế	8111	1.317.926	
		Tiền chậm nộp thuế	112101		1.317.926
24/12/2025	BC/505	Công ty Dream House thanh toán phí dịch vụ bảo vệ (Công ty cổ phần thiết kế kiến trúc xây dựng Dream House)			
		Công ty Dream House thanh toán phí dịch vụ bảo vệ	112102	10.800.000	
		Công ty Dream House thanh toán phí dịch vụ bảo vệ	1311		10.800.000
24/12/2025	BC/506	Lãi tiền gửi (Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam)			
		Lãi tiền gửi	112102	26.915	
		Lãi tiền gửi	5151		26.915
		.....			
31/12/2025	PKT/348	Kết chuyển thuế GTGT Quý 4/2025			
		Kết chuyển thuế GTGT Quý 4/2025	33311	8.466.033	
		Kết chuyển thuế GTGT Quý 4/2025	13311		8.466.033
31/12/2025	PKT/360	Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 12/2025			
		Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 12/2025	64221	91.690.000	
		Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 12/2025	3342		91.690.000
		Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 12/2025	64221	8.170.000	
		Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 12/2025	3383		8.170.000
		Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 12/2025	3342	3.990.000	
		Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 12/2025	3383		3.990.000
31/12/2025	PKT/362	Hạch toán thuế TNDN 2025			
		Hạch toán thuế TNDN 2025	8211	216.502.517	
		Hạch toán thuế TNDN 2025	3334		216.502.517
31/12/2025	PKT	Kết chuyển Doanh thu			
		Kết chuyển Doanh thu	51111	2.301.128.015	
		Kết chuyển Doanh thu	911		2.301.128.015
31/12/2025	PKT	Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính			
		Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính	5151	27.197	
		Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính	911		27.197
31/12/2025	PKT	Kết chuyển Giá vốn hàng bán			
		Kết chuyển Giá vốn hàng bán	911	1.887.348.382	
		Kết chuyển Giá vốn hàng bán	6321		1.887.348.382
31/12/2025	PKT	Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp			
		Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp	911	184.255.799	
		Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp	64221		114.449.900
		Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp	64223		555.099
		Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp	64225		22.000
		Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp	64227		69.228.800
31/12/2025	PKT	Kết chuyển chi phí khác			
		Kết chuyển chi phí khác	911	1.317.926	
		Kết chuyển chi phí khác	8111		1.317.926
31/12/2025	PKT	Kết chuyển lãi lỗ			
		Kết chuyển lãi lỗ	911	11.730.588	
		Kết chuyển lãi lỗ	4212		11.730.588
31/12/2025	PKT	Kết chuyển chi phí thuế TNDN			
		Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	216.502.517	
		Kết chuyển chi phí thuế TNDN	8211		216.502.517
			Tổng cộng:	**174.642.872.227**	**174.642.872.227**

Ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI GHI SỔ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	GIÁM ĐỐC
Ký, họ tên	Ký, họ tên	Ký, họ tên, đóng dấu

Bảng 2.20. Sổ Nhật Ký Chung

Sau đó, từ số liệu trên sổ NKC sẽ được phần mềm chuyển lên sổ cái TK 811 như sau:

								Mẫu số 03b-DNN
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG								(Ban hành theo quyết định số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2019 của Bộ Tài Chính)
			SỔ CÁI TÀI KHOẢN					
			Tài khoản 811 - Chi phí khác					
			Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025					
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Tk đ.ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	Stt dòng		Nợ	Có
17/01/2025	PC/8	17/01/2025	Mua hàng theo Hóa đơn số 59951	0	0	1111	5.289.696	
31/01/2025	PKT	31/01/2025	Kết chuyển chi phí khác 8111->911	0	0	911		5.289.696
17/02/2025	PC/18	17/02/2025	Chi tiền phòng nghỉ theo Hóa đơn số 163	0	0	1111	1.900.000	
27/02/2025	PC/23	27/02/2025	Phí Bảo hiểm theo Hóa đơn số 875	0	0	1111	7.500.000	
27/02/2025	UNCBN/4	27/02/2025	Nộp chậm thuế GTGT	0	0	112101	1.000.000	
28/02/2025	PKT	28/02/2025	Kết chuyển chi phí khác 8111->911	0	0	911		10.400.000
27/03/2025	UNCBN/7	27/03/2025	Tiền nộp chậm giá trị gia tăng	0	0	112101	7.532.974	
31/03/2025	PKT	31/03/2025	Kết chuyển chi phí khác 8111->911	0	0	911		7.532.974
30/06/2025	PC/66	30/06/2025	Chậm nộp BHXH	0	0	1111	225.849	
30/06/2025	PKT	30/06/2025	Kết chuyển chi phí khác 8111->911	0	0	911		225.849
18/07/2025	PC/79	18/07/2025	Chi phí ăn uống theo hóa đơn số 905	0	0	1111	1.082.160	
28/07/2025	PC/84	28/07/2025	Chi phí ăn uống theo hóa đơn số 57	0	0	1111	1.100.520	
31/07/2025	PKT	31/07/2025	Kết chuyển chi phí khác 8111->911	0	0	911		2.182.680
06/08/2025	PC/93	06/08/2025	Chi tiền ăn uống theo HĐ số 2305	0	0	1111	1.103.760	
11/08/2025	PC/97	11/08/2025	Dịch vụ khác	0	0	1111	1.391.040	
14/08/2025	PC/98	14/08/2025	Dịch vụ khác	0	0	1111	829.440	
20/08/2025	UNCBN/17	20/08/2025	Tiền chậm nộp thuế GTGT	0	0	112101	14.209.802	
20/08/2025	UNCBN/18	20/08/2025	Tiền chậm nộp thuế TNDN	0	0	112101	524.494	
31/08/2025	PKT	31/08/2025	Kết chuyển chi phí khác 8111->911	0	0	911		18.058.536
22/09/2025	UNCBN/20	22/09/2025	Nộp tiền chậm nộp thuế	0	0	112101	50.000	
22/09/2025	UNCBN/22	22/09/2025	Tiền chậm nộp thuế GTGT	0	0	112101	50.000	
27/09/2025	PC/118	27/09/2025	Chi phí ăn uống theo HĐ số 3108975	0	0	1111	1.117.800	
30/09/2025	PC/122	30/09/2025	Tiền chậm nộp BHXH	0	0	1111	5.133.310	
30/09/2025	PKT	30/09/2025	Kết chuyển chi phí khác 8111->911	0	0	911		6.351.110
23/12/2025	UNCBN/34	23/12/2025	Tiền chậm nộp thuế	0	0	112101	1.317.926	
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển chi phí khác 8111->911	0	0	911		1.317.926
							Ngày...tháng...năm...	
Người ghi sổ			Kế toán trưởng				Giám đốc	
Ký, họ tên			Ký, họ tên				Ký, họ tên, đóng dấu	

Bảng 2.21. Sổ Cái TK 811

2.2.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Vào cuối năm, công ty căn cứ vào số liệu doanh thu và chi phí đã phát sinh để xác định lợi nhuận chịu thuế. Từ đó, công ty tính toán số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và ghi nhận khoản này vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ.

a) Chứng từ sử dụng

- Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp

b) Tài khoản sử dụng

TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tại doanh nghiệp, khoản chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp dược theo dõi qua TK 8211 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

c) Sổ sách sử dụng

- Sổ chi tiết TK 8211
- Sổ NKC

- Sổ Cái TK 821

d) Trình tự ghi sổ

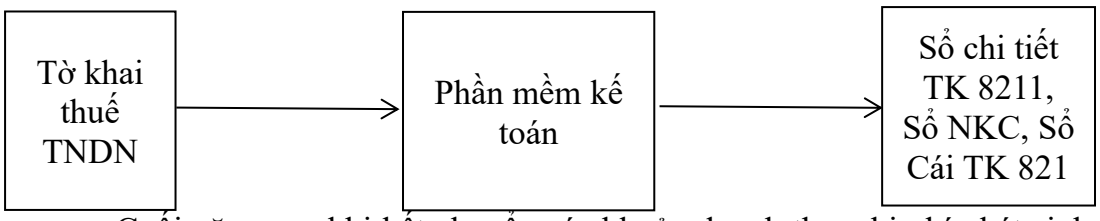

Cuối năm, sau khi kết chuyển các khoản doanh thu, chi phí phát sinh trong năm, kế toán sẽ lấy số liệu trên phần mềm để làm tờ khai thuế TNDN. Sau khi xác định được lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm lãi/lỗ, nếu lãi công ty sẽ tính toán phần thuế TNDN trong năm mà công ty phải nộp cho Nhà nước. Sau đó nhập số liệu lên phiếu kế toán trên phần mềm. Phần mềm tự động chuyển số qua sổ chi tiết TK 8211 để theo dõi. Đồng thời, số liệu cũng được phần mềm xử lý qua sổ NKC và sổ Cái TK 821.

e) Nghiệp vụ minh họa

Trong kỳ, công ty phát sinh số thuế TNDN phải nộp là 216.502.517 đồng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **03/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)
(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)
[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025 Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)
[02] Lần đầu: [X] **[03]** Bổ sung lần thứ: [ ]

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: T96 - Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân
[05] Tỷ lệ (%): 100,00 %
[06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG
[07] Mã số thuế: 0401992249

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):
[09] Mã số thuế:
[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*
A	**Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính**	**A**	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	1.149.285.448
B	**Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp**	**B**	
1	**Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)**	**B1**	**124.258.771**
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	124.258.771
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	**Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)**	**B8**	**0**
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	**Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)**	**B13**	**1.273.544.219**
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	1.273.544.219
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	**Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh**		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	1.273.544.219
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
			0
	Loại thu nhập miễn thuế		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	*+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ*	*C3a*	*0*
3.2	*+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD*	*C3b*	*0*

4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3)	C4	1.273.544.219
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8)	C6	1.273.544.219
	Trong đó:		
6.1	*+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 17%*	*C7*	*1.273.544.219*
6.2	*+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác*	*C8*	*0*
6.3	*+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)*	*C8a*	*0*
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi(C9 =(C7 x 17%) + (C8 x C8a))	C9	216.502.517
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN(C10 = C11 + C12 + C13)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	*+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi*	*C11*	*0*
8.2	*+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ*	*C12*	*0*
8.3	*+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ*	*C13*	*0*
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh(C17=C9-C10-C14-C15-C16)	C17	216.502.517
D	**Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS**	**D**	
1	Thu nhập chịu thuế (D1 = B15)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ	D2	**0**
3	Thu nhập tính thuế (D3=D1-D2)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (D5=D3-D4)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này (D8=D6-D7)	D8	0
E	**Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (E=E1+E2+E5)**	**E**	**216.502.517**
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	216.502.517
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (E2=E3+E4)	E2	0
2.1	*Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản*	*E3*	*0*
2.2	*Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ*	*E4*	*0*
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	*Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ*	*E6*	*0*
G	**Số thuế TNDN đã tạm nộp (G=G1+G2+G3+G4+G5)**	**G**	**0**
1	***Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh***		***0***
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	***Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS***		***0***
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0

H	**Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp**	**H**	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh (H1=E1+E5-G2)	H1	216.502.517
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS (H2=E3-G4)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ (H3=E4-G5)	H3	0
I	**Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế (I=E-G=I1+I2)**	**I**	**216.502.517**
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	I1=E1+E5-G1-G2	216.502.517
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	I2=E2-G3-G4-G5	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 20 tháng 03 năm 2026

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

NGUYỄN HOÀNG SƠN

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp; BĐS: Bất động sản;
2. Chỉ tiêu G1, G3: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này
3. Chỉ tiêu D11, G2, G4, G5: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp vào NSNN tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán. Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp cho kỳ tính thuế năm 2021 tính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/3/2022.
4. Trường hợp NNT là doanh nghiệp xổ số có hoạt động sản xuất kinh doanh khác hoạt động kinh doanh xổ số thì NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh xổ số vào chỉ tiêu E1, số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh khác vào chỉ tiêu E2, E3.
5. Các chỉ tiêu E, G: NNT không kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tỉnh đã kê khai riêng.
6. Chỉ tiêu E4, G5, H3: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà được bàn giao kỳ này và có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ (bao gồm số tiền đã thu của các kỳ trước và kỳ này).
7. Hạch toán số tiền 216.502.517 vào tiểu mục 1052: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)
8. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1056: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp thu theo hiệp định, hợp đồng thăm dò, khai thác dầu khí)
9. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1057: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động xổ số kiến thiết
10. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1053: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng bất động sản

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG*
Ngày ký: 27/03/2026 08:23:23.

Hình 2.23. Tời khai quyết toán thuế TNDN

Chỉ tiêu B4 – Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế được xác định như sau:

- Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ (TK 811) là: 51.358.771 đồng
- Lương và các khoản trích theo lương của giám đốc (do công ty thuộc loại hình công ty TNHH một thành viên nên được loại bỏ chi phí tính thuế): 72.900.000 đồng.

  Bảng lương và bảng tổng hợp lương năm 2025 được trích dẫn ở Phụ lục 3.

Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất tại công ty là 17% vì căn cứ vào Điều 10 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025 thuế suất 17% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm từ 3 tỷ đồng đến không quá 50 tỷ đồng mà tổng doanh thu trong năm của công ty là 21.724.226.440 đồng nên được áp dụng thuế suất 17%.

Căn cứ vào tờ khai quyết toán thuế TNDN, kế toán xác định số thuế phải nộp trong năm và hạch toán lên phần mềm như sau:

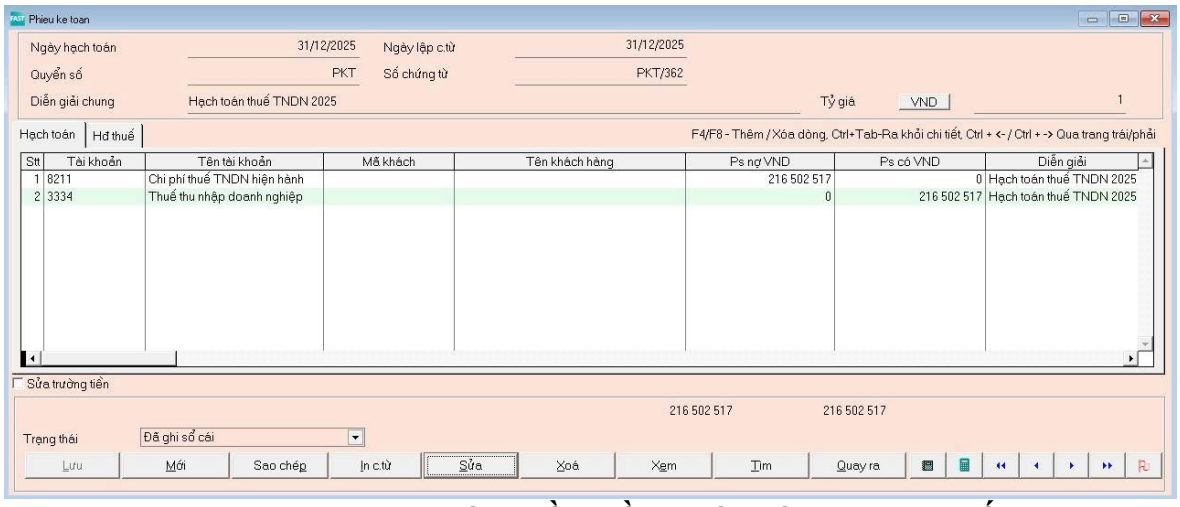

Hình 2.24. Giao diện phần mềm nhập liệu chi phí thuế TNDN

Số liệu được phần mềm cập nhật lên sổ chi tiết TK 8211.

Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ Nhi Hoàng

Mẫu số S20-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

Sổ chi tiết các tài khoản
Từ ngày: 01/01/2025 đến ngày: 31/12/2025
Tài khoản: 8211 - Chi phí thuế TNDN hiện hành
Loại tiền: VND

Số dư đầu kỳ: -

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
31/12/2025	PKT/362	31/12/2025	Hạch toán thuế TNDN 2025	3334	216.502.517		216.502.517	
31/12/2025		31/12/2025	Kết chuyển chi phí thuế TNDN 8211->	911		216.502.517		
							Tổng phát sinh	**216.502.517**
							Tổng phát sinh	**216.502.517**
							Số dư cuối kỳ:	-

Ngày.... tháng.... năm....

Người ghi sổ (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng (Ký, họ tên)

Bảng 2.22. Sổ Chi Tiết TK 8211

Song song với việc theo dõi sổ chi tiết, số liệu cũng được phần mềm xử lý rồi cập nhật vào sổ NKC:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày: 01/01/2025 đến ngày: 31/12/2025

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
02/01/2025	BC/1	THĐ thanh toán tiền bảo vệ (Công Ty TNHH MTV Tuấn Hoàng Đức)			
		THĐ thanh toán tiền bảo vệ	112102	7.000.000	
		THĐ thanh toán tiền bảo vệ	1311		7.000.000
02/01/2025	PC/2	Chi dịch vụ FTTH theo hóa đơn số 8293466 (Viettel Đà Nẵng - Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp-Viễn thông Quân ĐộI)			
		Chi dịch vụ FTTH theo hóa đơn số 8293466	13311	15.000	
		Chi dịch vụ FTTH theo hóa đơn số 8293466	64227	150.000	
		Chi dịch vụ FTTH theo hóa đơn số 8293466	1111		165.000
02/01/2025	PC/3	Tất toán công nợ (Công Ty TNHH MTV Tuấn Hoàng Đức)			
		Tất toán công nợ	1311	1.055	
		Tất toán công nợ	1111		1.055
02/01/2025	PC/4	Công nợ (CÔNG TY TNHH SPX EXPRESS)			
		Công nợ	1311	4	
		Công nợ	1111		4
02/01/2025	HD 1	Phí dịch vụ bảo vệ theo hóa đơn số 1 (Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Pizza 4PS - Nhà Hàng Pizza 4PS Hoàng Văn Thụ)			
		Phí dịch vụ bảo vệ theo hóa đơn số 1	1311	4.936.140	
		Phí dịch vụ bảo vệ theo hóa đơn số 1	33311		365.640
		Phí dịch vụ bảo vệ theo hóa đơn số 1	51111		4.570.500
02/01/2025	HD 2	Phí dịch vụ bảo vệ theo hóa đơn số 2 (Công ty TNHH S-RETAIL VN)			
		Phí dịch vụ bảo vệ theo hóa đơn số 2	1311	50.621.760	
		Phí dịch vụ bảo vệ theo hóa đơn số 2	33311		3.749.760
		Phí dịch vụ bảo vệ theo hóa đơn số 2	51111		46.872.000
02/01/2025	HD 3	Phí dịch vụ bảo vệ theo hóa đơn số 3 (Công ty cổ phần Maycha)			
		Phí dịch vụ bảo vệ theo hóa đơn số 3	1311	17.308.080	
		Phí dịch vụ bảo vệ theo hóa đơn số 3	33311		1.282.080
		Phí dịch vụ bảo vệ theo hóa đơn số 3	51111		16.026.000
02/01/2025	PKT/28	Hạch toán thuế môn bài (Chi cục thuế khu vực Thanh Khê Liên Chiểu)			
		Hạch toán thuế môn bài	64225	2.000.000	
		Hạch toán thuế môn bài	33382		2.000.000
03/01/2025	HD 4	Phí dịch vụ bảo vệ theo hóa đơn số 4 (Chi nhánh công ty cổ phần GOOD DAYHOSPITALITY)			
		Phí dịch vụ bảo vệ theo hóa đơn số 4	1311	25.602.480	
		Phí dịch vụ bảo vệ theo hóa đơn số 4	33311		1.896.480
		Phí dịch vụ bảo vệ theo hóa đơn số 4	51111		23.706.000
03/01/2025	HD 5	Phí dịch vụ bảo vệ theo hóa đơn số 5 (Công ty Cổ phần dịch vụ Giao hàng nhanh)			
		Phí dịch vụ bảo vệ theo hóa đơn số 5	1311	138.240.000	
		Phí dịch vụ bảo vệ theo hóa đơn số 5	33311		10.240.000
		Phí dịch vụ bảo vệ theo hóa đơn số 5	51111		128.000.000
31/12/2025	PKT/34	Kết chuyển thuế GTGT Quý 4/2025			
		Kết chuyển thuế GTGT Quý 4/2025	33311	8.466.033	
		Kết chuyển thuế GTGT Quý 4/2025	13311		8.466.033
31/12/2025	PKT/36	Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 12/2025			
		Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 12/20	64221	91.690.000	
		Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 12/20	3342		91.690.000
		Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 12/20	64221	8.170.000	
		Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 12/20	3383		8.170.000
		Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 12/20	3342	3.990.000	
		Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 12/20	3383		3.990.000
31/12/2025	PKT/36	Hạch toán thuế TNDN 2025			
		Hạch toán thuế TNDN 2025	8211	216.502.517	
		Hạch toán thuế TNDN 2025	3334		216.502.517
31/12/2025	PKT	Kết chuyển Doanh thu			
		Kết chuyển Doanh thu	51111	2.301.128.015	
		Kết chuyển Doanh thu	911		2.301.128.015
31/12/2025	PKT	Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính			
		Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính	5151	27.197	
		Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính	911		27.197
31/12/2025	PKT	Kết chuyển Giá vốn hàng bán			
		Kết chuyển Giá vốn hàng bán	911	1.887.348.382	
		Kết chuyển Giá vốn hàng bán	6321		1.887.348.382
31/12/2025	PKT	Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp			
		Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp	911	184.255.799	
		Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp	64221		114.449.900
		Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp	64223		555.099
		Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp	64225		22.000
		Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp	64227		69.228.800
31/12/2025	PKT	Kết chuyển chi phí khác			
		Kết chuyển chi phí khác	911	1.317.926	
		Kết chuyển chi phí khác	8111		1.317.926
31/12/2025	PKT	Kết chuyển lãi lỗ			
		Kết chuyển lãi lỗ	911	11.730.588	
		Kết chuyển lãi lỗ	4212		11.730.588
31/12/2025	PKT	Kết chuyển chi phí thuế TNDN			
		Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	216.502.517	
		Kết chuyển chi phí thuế TNDN	8211		216.502.517
			Tổng cộng	**174.642.872.227**	**174.642.872.227**

Ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI GHI SỔ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	GIÁM ĐỐC
Ký, họ tên	Ký, họ tên	Ký, họ tên, đóng dấu

Bảng 2.23. Sổ Nhật Ký Chung

Sau đó, từ số liệu trên sổ NKC sẽ được phần mềm chuyển lên sổ cái TK 821 như sau:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG						**Mẫu số S03b-DNN**		
						(Ban hành theo quyết định số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2019 của Bộ Tài Chính)	
SỔ CÁI TÀI KHOẢN								
Tài khoản 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp								
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025								
Ngày tháng ghi sổ	**Chứng từ**		**Diễn giải**	**Nhật ký chung**		**Tk đ.ứng**	**Số tiền**	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	Stt dòng		Nợ	Có
31/12/2025	PKT/362	31/12/2025	Hạch toán thuế TNDN 2025	0	0	3334	216.502.517	
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển chi phí thuế TNDN 8211->911	0	0	911		216.502.517
							Ngày...tháng...năm...	
Người ghi sổ			**Kế toán trưởng**				**Giám đốc**	
Ký, họ tên			Ký, họ tên				Ký, họ tên, đóng dấu	

Bảng 2.24. Sổ Cái TK 821

2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

a) Chứng từ sử dụng

- Phiếu kết chuyển chi phí và doanh thu

b) Tài khoản sử dụng

TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

c) Sổ sách sử dụng

- Sổ chi tiết TK 911
- Sổ NKC
- Sổ cái TK 911

d) Nghiệp vụ minh họa

Cuối kỳ, kế toán sẽ vào phân hệ kế toán tổng hợp, thực hiện bút toán kết chuyển tự động doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh. Phần mềm sẽ căn cứ vào bút toán kết chuyển đó để lên sổ NKC như sau:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày: 01/01/2025 đến ngày: 31/12/2025

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
02/01/2025	PC/2	Chi dịch vụ FTTH theo hóa đơn số 8293466 (Viettel Đà Nẵng - Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp-Viễn thông Quân ĐộI)			
		Chi dịch vụ FTTH theo hóa đơn số 8293466	13311	15.000	
		Chi dịch vụ FTTH theo hóa đơn số 8293466	64227	150.000	
		Chi dịch vụ FTTH theo hóa đơn số 8293466	1111		165.000
		.....			
17/02/2025	BC/50	Eurowindow thanh toán tiền bảo vệ (Công ty cổ phần EUROWINDOW)			
		Eurowindow thanh toán tiền bảo vệ	112102	12.960.000	
		Eurowindow thanh toán tiền bảo vệ	1311		12.960.000
17/02/2025	BC/51	Lê Hiền thanh toán tiền bảo vệ (CN Quảng Nam - CTY TNHH MTV Lê Hiền - Nhà hàng INDIA)			
		Lê Hiền thanh toán tiền bảo vệ	112102	10.715.760	
		Lê Hiền thanh toán tiền bảo vệ	1311		10.715.760
17/02/2025	PC/18	Chi tiền phòng nghỉ theo Hóa đơn số 163 (Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Phố Xanh)			
		Chi tiền phòng nghỉ theo Hóa đơn số 163	8111	1.900.000	
		Chi tiền phòng nghỉ theo Hóa đơn số 163	1111		1.900.000
18/02/2025	BC/52	Cảng ĐN thanh toán tiền bảo vệ (Công ty Cổ Phần Xây Dựng Và Thương Mại Cảng Đà Nẵng)			
		Cảng ĐN thanh toán tiền bảo vệ	112102	6.774.840	
		Cảng ĐN thanh toán tiền bảo vệ	1311		6.774.840
		.....			
17/07/2025	PC/78	Chi phí ăn uống theo hóa đơn số 8480 (Công ty TNHH dịch vụ ăn uống Hoa Đỏ)			
		Chi phí ăn uống theo hóa đơn số 8480	13311	332.444	
		Chi phí ăn uống theo hóa đơn số 8480	64227	4.155.556	
		Chi phí ăn uống theo hóa đơn số 8480	1111		4.488.000
18/07/2025	PC/79	Chi phí ăn uống theo hóa đơn số 905 (Công ty TNHH YEN)			
		Chi phí ăn uống theo hóa đơn số 905	8111	1.082.160	
		Chi phí ăn uống theo hóa đơn số 905	1111		1.082.160
18/07/2025	PC/80	Chi phí xăng dầu theo hóa đơn số 548063 (Công Ty Xăng Dầu Khu Vực V)			
		Chi phí xăng dầu theo hóa đơn số 548063	13311	96.298	
		Chi phí xăng dầu theo hóa đơn số 548063	64227	1.203.719	
		Chi phí xăng dầu theo hóa đơn số 548063	1111		1.300.017
		.....			
23/12/2025	PC/168	Nộp tiền vào tài khoản (NGUYỄN HOàNG SƠN)			
		Nộp tiền vào tài khoản	112101	77.000.000	
		Nộp tiền vào tài khoản	1111		77.000.000
23/12/2025	BN/33	Nộp thuế GTGT (Chi cục thuế khu vực Thanh Khê Liên Chiểu)			
		Nộp thuế GTGT	33311	75.383.046	
		Nộp thuế GTGT	112101		75.383.046
23/12/2025	BN/34	Tiền chậm nộp thuế (Chi cục thuế khu vực Thanh Khê Liên Chiểu)			
		Tiền chậm nộp thuế	8111	1.317.926	
		Tiền chậm nộp thuế	112101		1.317.926
24/12/2025	BC/505	Công ty Dream House thanh toán phí dịch vụ bảo vệ (Công ty cổ phần thiết kế kiến trúc xây dựng Dream House)			
		Công ty Dream House thanh toán phí dịch vụ bảo vệ	112102	10.800.000	
		Công ty Dream House thanh toán phí dịch vụ bảo vệ	1311		10.800.000
24/12/2025	BC/506	Lãi tiền gửi (Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam)			
		Lãi tiền gửi	112102	26.915	
		Lãi tiền gửi	5151		26.915
		.....			
31/12/2025	PKT/348	Kết chuyển thuế GTGT Quý 4/2025			
		Kết chuyển thuế GTGT Quý 4/2025	33311	8.466.033	
		Kết chuyển thuế GTGT Quý 4/2025	13311		8.466.033
31/12/2025	PKT/360	Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 12/2025			
		Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 12/2025	64221	91.690.000	
		Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 12/2025	3342		91.690.000
		Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 12/2025	64221	8.170.000	
		Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 12/2025	3383		8.170.000
		Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 12/2025	3342	3.990.000	
		Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 12/2025	3383		3.990.000
31/12/2025	PKT/362	Hạch toán thuế TNDN 2025			
		Hạch toán thuế TNDN 2025	8211	216.502.517	
		Hạch toán thuế TNDN 2025	3334		216.502.517
31/12/2025	PKT	Kết chuyển Doanh thu			
		Kết chuyển Doanh thu	51111	2.301.128.015	
		Kết chuyển Doanh thu	911		2.301.128.015
31/12/2025	PKT	Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính			
		Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính	5151	27.197	
		Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính	911		27.197
31/12/2025	PKT	Kết chuyển Giá vốn hàng bán			
		Kết chuyển Giá vốn hàng bán	911	1.887.348.382	
		Kết chuyển Giá vốn hàng bán	6321		1.887.348.382
31/12/2025	PKT	Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp			
		Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp	911	184.255.799	
		Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp	64221		114.449.900
		Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp	64223		555.099
		Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp	64225		22.000
		Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp	64227		69.228.800
31/12/2025	PKT	Kết chuyển chi phí khác			
		Kết chuyển chi phí khác	911	1.317.926	
		Kết chuyển chi phí khác	8111		1.317.926
31/12/2025	PKT	Kết chuyển lãi lỗ			
		Kết chuyển lãi lỗ	911	11.730.588	
		Kết chuyển lãi lỗ	4212		11.730.588
31/12/2025	PKT	Kết chuyển chi phí thuế TNDN			
		Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	216.502.517	
		Kết chuyển chi phí thuế TNDN	8211		216.502.517
			Tổng cộng:	**174.642.872.227**	**174.642.872.227**

Ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI GHI SỔ	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**	**GIÁM ĐỐC**
Ký, họ tên	Ký, họ tên	Ký, họ tên, đóng dấu

Bảng 2.25. Sổ Nhật Ký Chung

Từ đó, sổ NKC sẽ kết chuyển qua sổ cái TK 911 như sau:

Mẫu số S03-DNN

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Từ ngày: 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Tk đ.ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	Stt dòng		Nợ	Có
			.....					
30/04/2025	PKT	30/04/2025	Kết chuyển Doanh thu 51111->911	0	0	51111	0	1.539.529.448
30/04/2025	PKT	30/04/2025	Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính 5151->911	0	0	5151	0	21.357
30/04/2025	PKT	30/04/2025	Kết chuyển Giá vốn hàng bán 6321->911	0	0	6321	1.430.661.750	0
30/04/2025	PKT	30/04/2025	Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp 64221->911	0	0	64221	45.487.500	0
30/04/2025	PKT	30/04/2025	Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp 64223->911	0	0	64223	593.232	0
30/04/2025	PKT	30/04/2025	Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp 64225->911	0	0	64225	100.000	0
30/04/2025	PKT	30/04/2025	Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp 64227->911	0	0	64227	31.877.315	0
30/04/2025	PKT	30/04/2025	Kết chuyển lãi lỗ 911->4212	0	0	4212	30.831.008	0
31/05/2025	PKT	31/05/2025	Kết chuyển Doanh thu 51111->911	0	0	51111	0	1.987.665.214
31/05/2025	PKT	31/05/2025	Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính 5151->911	0	0	5151	0	19.514
31/05/2025	PKT	31/05/2025	Kết chuyển Giá vốn hàng bán 6321->911	0	0	6321	1.796.934.250	0
31/05/2025	PKT	31/05/2025	Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp 64221->911	0	0	64221	45.947.500	0
31/05/2025	PKT	31/05/2025	Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp 64223->911	0	0	64223	593.232	0
31/05/2025	PKT	31/05/2025	Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp 64225->911	0	0	64225	100.000	0
31/05/2025	PKT	31/05/2025	Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp 64227->911	0	0	64227	21.632.089	0
31/05/2025	PKT	31/05/2025	Kết chuyển lãi lỗ 911->4212	0	0	4212	122.477.657	0
			.....					
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển Doanh thu 51111->911	0	0	51111	0	2.301.128.015
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính 5151->911	0	0	5151	0	27.197
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển Giá vốn hàng bán 6321->911	0	0	6321	1.887.348.382	0
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp 64221->911	0	0	64221	114.449.900	0
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp 64223->911	0	0	64223	555.099	0
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp 64225->911	0	0	64225	22.000	0
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp 64227->911	0	0	64227	69.228.800	0
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển chi phí khác 8111->911	0	0	8111	1.317.926	0
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển chi phí thuế TNDN 8211->911	0	0	8211	216.502.517	0
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ 911->4212	0	0	4212	11.730.588	0

Ngày...tháng...năm...

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Bảng 2.26. Sổ Cái TK 911

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc phòng)
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Mẫu số: **03-1A/TNDN**
(*Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG
[03] Mã số thuế: 0401992249

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**[04]**	21.724.226.440
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0
2	**Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])**	**[06]**	0
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	0
3	**Doanh thu hoạt động tài chính**	**[10]**	223.249
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	[11]	0
4	**Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])**	**[12]**	20.523.805.470
a	Giá vốn hàng bán	[13]	19.375.862.360
b	Chi phí bán hàng	[14]	0
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	1.147.943.110
5	**Chi phí tài chính**	**[16]**	0
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	0
6	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])**	**[18]**	1.200.644.219
7	**Thu nhập khác**	**[19]**	0
8	**Chi phí khác**	**[20]**	51.358.771
9	**Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])**	**[21]**	(51.358.771)
10	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])**	**[22]**	1.149.285.448

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 20 tháng 03 năm 2026

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

NGUYỄN HOÀNG SƠN

Ghi chú: *Số liệu chỉ tiêu [22] được tổng hợp vào chỉ tiêu A1 của Tờ khai 03/TNDN*

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG*
Ngày ký: 27/03/2026 08:23:23.

Hình 2.25. Phụ lục kết quả hoạt động kinh doanh

CHƯƠNG 3: NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ GÓP PHẦN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG

3.1. Nhận xét về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Nhi Hoàng

3.1.1. Nhận xét chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Nhi Hoàng

Trong quá trình thực tập tại công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Nhi Hoàng, em đã tìm hiểu về công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Cùng với sự hiểu biết và vận dụng những kiến thức đã được học, em xin đưa ra một số ý kiến nhận xét về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Nhi Hoàng như sau:

Về chứng từ, sổ sách kế toán sử dụng và quá trình lưu chuyển chứng từ:

Công ty sử dụng hệ thống chứng từ kế toán tương đối đầy đủ theo đúng quy định hiện hành, bao gồm hóa đơn GTGT, phiếu thu, phiếu chi, giấy báo Nợ, giấy báo Có và các chứng từ liên quan khác. Các chứng từ phát sinh đều được lập tương đối đầy đủ các nội dung cần thiết như ngày tháng, số chứng từ, nội dung nghiệp vụ và chữ ký của các bên liên quan. Ví dụ như hệ thống chứng từ dùng cho từng nghiệp vụ bán hàng tại công ty được tổ chức hoàn thiện với đầy đủ chứng từ cần thiết (Hóa đơn GTGT, Phiếu xuất, Biên bản giao nhận, Hợp đồng kinh tế).

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ là Nhật ký chung phù hợp với quy mô và đặc điểm hoạt động của đơn vị. Hệ thống sổ sách kế toán được mở đầy đủ theo quy định, bao gồm sổ Nhật ký chung, sổ Cái và các sổ chi tiết liên quan. Các sổ kế toán được ghi chép rõ ràng, phản ánh đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ. Việc cập nhật số liệu vào sổ sách được thực hiện thường xuyên, giúp kế toán dễ dàng theo dõi tình hình doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty. Quá trình luân chuyển chứng từ chặt chẽ, hợp lý, đúng nguyên tắc. Cách tổ chức việc lưu trữ các chứng từ gốc theo quy định một cách khoa học theo từng ngày, từng tháng trong năm, không vi phạm pháp luật.

Về phương pháp hạch toán:

Công ty áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư 133/2016/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành. Kế toán luôn tuân thủ các quy định chuẩn mực kế toán, luôn cập nhật nhanh những chính sách và thay đổi mới về công tác kế toán theo quy định của Nhà nước. Bên cạnh đó kế toán đã mở các tài khoản cấp 2 và cấp 3 để thuận tiện cho việc ghi chép rõ ràng các chi phí, làm tăng tính thuyết phục của thông tin kế toán.

Về hình thức và phần mềm kế toán: Việc ứng dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán đã đem lại những thành công đáng kể cho doanh nghiệp. Mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được phản ánh trên các hóa đơn, chứng từ phù hợp về cả số lượng, nguyên tắc ghi chép cũng như yêu cầu của công tác quản lý chứng từ. Các nhân viên kế toán chỉ cần nhập số liệu vào phần mềm và chương trình sẽ tự động chuyển vào các sổ sách liên quan, giúp làm bớt khối lượng công việc cho kế toán. Điều này còn giúp quá trình vào sổ sách lập báo cáo được liên tục, đầy đủ, nhanh chóng và hạn chế sai sót.

3.1.2. Kế toán doanh thu

3.1.2.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a) Nhận xét:

Việc ghi nhận và hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại doanh nghiệp được thực hiện tương đối đầy đủ và đúng theo quy định hiện hành. Các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến doanh thu thu được ghi nhận kịp thời, có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ làm căn cứ hạch toán.

b) Tồn tại:

Về tên tài khoản sử dụng: Công ty đang sử dụng tài khoản 51111 – Doanh thu bán hàng. Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC không quy định về mở tài khoản chi tiết nhưng công ty đang sử dụng tên của tài khoản sai vì loại hình kinh doanh của công ty là cung cấp dịch vụ bảo vệ không phải bán hàng.

Về phiếu thu: Ở hóa đơn GTGT số 142 trang số 38, nghiệp vụ thu bằng tiền mặt, công ty đang thu tiền mặt với số lẻ. Theo Điều 4 tại Nghị định 174/2016/NĐ-CP, khi phát sinh khoản chi trả bằng tiền mặt thì phải làm tròn số từ hàng nghìn để dễ chi trả bằng tiền mặt.

Các nghiệp vụ đã được thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, khi nhập hóa đơn lên phần mềm, kế toán vẫn để hạch toán vào TK 131 – Phải thu khách hàng mà không hạch toán vào TK 111, 112 (Ví dụ ở nghiệp vụ bán hàng hóa đơn số 142 khách hàng đã thanh toán bằng tiền mặt nhưng khi hạch toán lên phần mềm thì kế toán vẫn hạch toán vào TK 1311).

3.1.2.2. Doanh thu hoạt động tài chính

Nhận xét: Việc ghi nhận và hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại doanh nghiệp được thực hiện tương đối đầy đủ và đúng quy định. Các khoản doanh thu tài chính phát sinh được ghi nhận kịp thời, có đầy đủ chứng từ làm căn cứ hạch toán.

3.1.3. Kế toán chi phí

3.1.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán

Nhận xét: Việc ghi nhận và hạch toán giá vốn hàng bán tại doanh nghiệp được thực hiện tương đối đầy đủ và đúng quy định. Giá vốn hàng bán được ghi nhận kịp thời, có đầy đủ chứng từ làm căn cứ hạch toán.

3.1.3.2. Chi phí quản lý kinh doanh

a) Nhận xét:

Việc ghi nhận và hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại doanh nghiệp được thực hiện tương đối đầy đủ và đúng quy định. Các khoản chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ được ghi nhận kịp thời, có đầy đủ chứng từ làm căn cứ hạch toán.

b) Tồn tại:

Tại bảng thanh toán lương tháng 7/2025 của công ty có phát sinh các khoản trích theo lương do NLĐ và NSDLĐ đóng, bao gồm: BHXH, BHYT, BHTN. Khi kế toán hạch toán lên phần mềm, các khoản đó được theo dõi trên TK 3383 – Bảo hiểm xã hội. Theo thông tư 133/2016/TT-BTC tại Điều 45, các khoản BHXH, BHYT, BHTN được tách riêng từng tài khoản cấp 2:

- TK 3383 – Bảo hiểm xã hội
- TK 3384 – Bảo hiểm y tế
- TK 3385 – Bảo hiểm thất nghiệp

Vì vậy các khoản bảo hiểm người lao động đóng và doanh nghiệp đóng được theo dõi trên TK 3383 là không đúng quy định.

Còn một tồn tại nữa tại công ty đó là phí chuyển tiền ngân hàng mà công ty đang sử dụng là khá cao so với các ngân hàng khác. (Phí giao dịch là 100.000 đồng chưa bao gồm thuế GTGT 10%)

3.1.3.3. Chi phí khác

a) Nhận xét:

Việc ghi nhận và hạch toán chi phí khác tại doanh nghiệp được thực hiện tương đối đầy đủ và đúng quy định. Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ được ghi nhận kịp thời, có đầy đủ chứng từ làm căn cứ để hạch toán.

b) Tồn tại:

Các khoản chi phí không phải của doanh nghiệp như khoản ăn uống, thuê phòng nghỉ của gia đình giám đốc (ở nghiệp vụ số 2 và số 3 trang 68), không phục vụ cho hoạt động kinh doanh nhưng được ghi nhận vào chi phí của doanh nghiệp. Điều đó dẫn tới làm tăng chi phí và làm giảm quỹ tiền mặt của công ty. Doanh nghiệp đang vi phạm nguyên tắc về thực thể kinh doanh.

Trên sổ sách tài khoản 811, em thấy công ty phát sinh các khoản nộp chậm tiền thuế, BHXH làm ảnh hưởng đến tính kịp thời trong việc thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước và người lao động. Việc chậm nộp này có thể dẫn đến phát sinh tiền lãi phạt chậm nộp làm tăng chi phí, đồng thời ảnh hưởng tới uy tín và tình hình tài chính của doanh nghiệp.

3.1.3.4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Nhận xét: Việc ghi nhận và hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại doanh nghiệp được thực hiện tương đối đầy đủ và đúng quy định. Chi phí phát sinh trong kỳ được ghi nhận kịp thời, có đầy đủ chứng từ làm căn cứ để hạch toán.

3.1.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Nhận xét: Việc ghi nhận và hạch toán bút toán kết chuyển tại doanh nghiệp được thực hiện đầy đủ và đúng quy định.

3.2. Một số kiến nghị góp phần hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Nhi Hoàng

3.2.1. Kế toán doanh thu

3.2.1.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Về tên tài khoản sử dụng: Công ty nên đổi tên "TK 51111 – Doanh thu bán hàng" thành Doanh thu cung cấp dịch vụ.

Về phiếu thu: Ở hóa đơn số 142 phát sinh khoản thu tiền mặt là 14.541.120 đồng thì công ty nên làm tròn số thành 14.542.000 đồng để khách hàng dễ thanh toán hơn.

Số tiền thừa là 880 đồng sẽ được xử lý vào chi phí khác như sau:

Nợ TK 811: 880

Có TK 1111: 880

Khi các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ mà khách hàng đã thanh toán bằng tiền mặt hay chuyển khoản thì công ty nên hạch toán vào TK 111, TK 112 như sau:

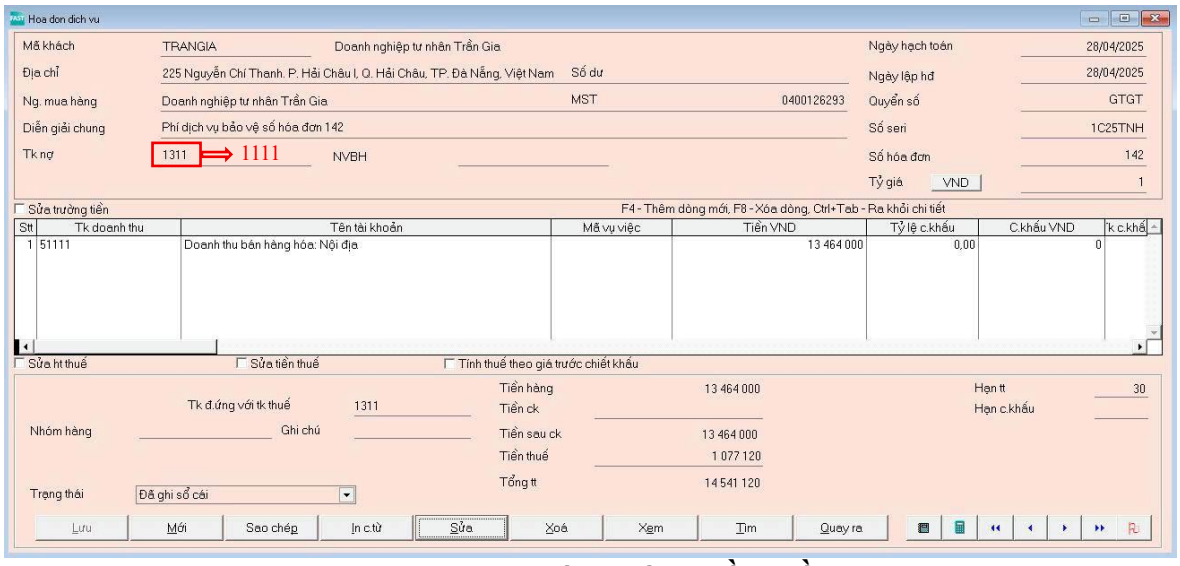

Hình 2.26. Giao diện nhập phần mềm

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG

Mẫu số S03b-DNN
Ban hành theo quyết định số 133/2016/TT BTC ngày 26/08/2019 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN
TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Từ ngày: 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Tk đ.ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	Stt dòng		Nợ	Có
			.....					
28/04/2025	HD 141	28/04/2025	Phí dịch vụ bảo vệ số hóa đơn 141	0	0	1311		15.504.000
28/04/2025	HD 142	28/04/2025	Phí dịch vụ bảo vệ số hóa đơn 142	0	0	1111		13.464.000
			.....					
02/05/2025	HD 171	02/05/2025	Phí dịch vụ bảo vệ hóa đơn số 171	0	0	1311		43.636.365
			.....					
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển Doanh thu 51111->911	0	0	911	2.301.128.015	

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Ngày...tháng...năm... Giám đốc
Ký, họ tên	Ký, họ tên	Ký, họ tên, đóng dấu

Bảng 2.27. Sổ Cái TK 511

3.2.2. Kế toán chi phí

3.2.2.1. Chi phí quản lý kinh doanh

Hiện tại công ty đang hạch toán các khoản trích theo lương vào TK 3383:

Nợ TK 64221: Chi phí nhân viên quản lý
Có TK 3383: Bảo hiểm xã hội
Nợ TK 3342: Lương văn phòng
Có TK 3383: Bảo hiểm xã hội

Em đề xuất hạch toán lại như sau:

Nợ TK 64221: Chi phí quản lý doanh nghiệp
Có TK 3383: Bảo hiểm xã hội
Có TK 3384: Bảo hiểm y tế
Có TK 3385: Bảo hiểm thất nghiệp
Nợ TK 3342: Lương văn phòng
Có TK 3383: Bảo hiểm xã hội
Có TK 3384: Bảo hiểm y tế
Có TK 3385: Bảo hiểm thất nghiệp

Sau khi điều chỉnh lại tài khoản sử dụng thì vào sổ chi tiết của TK 64221 sẽ được theo dõi cụ thể hơn như sau:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG

Mẫu số S20-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN
Từ ngày: 01/01/2025 đến ngày: 31/12/2025
Tài khoản: 64221 - Chi phí nhân viên quản lý
Loại tiền: VND

Số dư đầu kỳ: -

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			.....					
31/07/2025	PKT/355	31/07/2025	Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 7/2025	3342	53.910.000		53.910.000	
31/07/2025	PKT/355	31/07/2025	Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 7/2025	3383	4.025.000		57.935.000	
31/07/2025	PKT/355	31/07/2025	Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 7/2025	3384	690.000		58.625.000	
31/07/2025	PKT/355	31/07/2025	Hạch toán lương và các khoản trích theo lương tháng 7/2025	3385	230.000		58.855.000	
31/07/2025		31/07/2025	Kết chuyển Chi phí doanh nghiệp 64221->911	911		58.855.000		
			.....					

Tổng phát sinh nợ: **705.044.900**
Tổng phát sinh có: **705.044.900**
Số dư cuối kỳ: -

Ngày.... tháng.... năm....

NGƯỜI GHI SỔ	KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Bảng 2.28. Sổ Chi Tiết TK 64221

Công ty nên xem xét lựa chọn ngân hàng có mức phí giao dịch phù hợp nhằm tiết kiệm chi phí chuyển tiền phát sinh trong quá trình thanh toán. Công ty cần cân nhắc so sánh biểu phí giữa các ngân hàng để lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ thanh toán vừa đảm bảo an toàn, thuận tiện, vừa góp phần tối ưu chi phí hoạt động doanh nghiệp và ngân cao hiệu kinh doanh.

3.2.2.2. Chi phí khác

Công ty nên hướng dẫn cho người nhà về việc các khoản chi phí nào thì không nên lấy hóa đơn về cho công ty. Nên quy định rõ ràng về các chi phí phục vụ cho mục đích kinh doanh, tránh làm tăng các khoản chi phí không hợp lý, ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý chi phí của doanh nghiệp.

Công ty cần nộp thuế đúng hạn. Theo Điều 55 tại Luật quản lý thuế 2019 có quy định thời gian nộp thuế đối với đơn vị kê khai thuế theo tháng thì thời gian nộp thuế chậm nhất là ngày thứ 20 của tháng tiếp theo phát sinh nghĩa vụ thuế, đối với đơn vị kê khai thuế theo quý thì chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng đầu tiên thuộc quý tiếp theo phát sinh nghĩa vụ thuế.

KẾT LUẬN

Trong sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước, kế toán là một công cụ quan trọng phục vụ cho việc quản lý nền kinh tế. Công tác kế toán ngày càng trở nên hết sức quan trọng đối với mọi loại hình doanh nghiệp hiện nay. Việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh rất cần thiết đối với mỗi doanh nghiệp, nó cung cấp số liệu kịp thời cho việc phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, phản ánh một cách chính xác, đầy đủ kết quả cuối cùng của quá trình hoạt động kinh doanh. Từ đó cung cấp các thông tin cần thiết cho ban lãnh đạo để đưa ra những chiến lược kinh doanh mới.

Với đề tài "Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Nhi Hoàng" trong bài khóa luận tối nghiệp của mình, em đã hiểu rõ hơn những kiến thức được học tập trên giảng đường về tổ chức công tác kế toán, cách thức hạch toán, ghi chép sổ sách và hiểu hơn những vấn đề này được vận dụng trong thực tế như thế nào cho phù hợp và linh hoạt.

Em rất mong nhận được sự góp ý, bổ sung của các thầy cô cũng như các anh chị kế toán tại Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Nhi Hoàng. Em xin chân thành cảm ơn cô Đặng Thanh Nga, các thầy cô khoa Kinh Tế Trường Đại Học Kiến trúc Đà Nẵng đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp của mình.

TÀI LIỆU KHAM KHẢO

1. Thông tư 133/2016/TT-BTC Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa.
2. Các bài báo cáo Khóa luận tốt nghiệp của các khóa trước trên thư viện Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.
3. Chuẩn mực kế toán số 1 "Chuẩn mực chung".
4. Số liệu và sổ sách kế toán của Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Nhi Hoàng năm 2025.
5. Luật quản lý thuế 2019.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Bảng phân bổ CCDC và tính giá vốn theo tỷ lệ doanh thu

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG

Địa chỉ: 48/21 Ngô Sỹ Liên, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng

BẢNG PHÂN BỔ CÔNG CỤ DỤNG CỤ VÀ TÍNH GIÁ VỐN THEO TỶ LỆ DOANH THU

THÁNG 4/2025

STT	Tên mục tiêu	DT	CCDC	GTPB	Nhân công	Giá vốn	Lãi/ lỗ
1	Dịch vụ giao hàng nhanh	128.000.000	1.133.750	94.263	121.512.000	121.606.263	6.393.737
2	GOOD DAY HOPITALTILY	14.559.000	1.133.750	10.722	12.440.000	12.450.722	2.108.278
	.....						
10	Tuấn Hoàng Đức	3.888.889	1.133.750	2.864	3.178.000	3.180.864	708.025
11	Tập đoàn liên kết VN	15.504.000	1.133.750	11.418	13.034.000	13.045.418	2.458.582
12	Trần Gia	13.464.000	1.133.750	9.915	11.212.000	11.221.915	2.242.085
13	Đại học SP- ĐHĐN	36.064.000	1.133.750	26.558	30.780.000	30.806.558	5.257.442
14	Cảng Đà Nẵng	5.202.000	1.133.750	3.831	4.356.000	4.359.831	842.169
	.....						
36	GOOD DAY HOPITALTILY	5.130.000	1.133.750	3.778	4.312.000	4.315.778	814.222
37	VIETHOUSE	13.000.000	1.133.750	9.574	10.084.000	10.093.574	2.906.426
38	SAIGONTEL	14.733.333	1.133.750	10.850	10.212.000	10.222.850	4.510.483
	TỔNG CỘNG	**1.539.529.448**		**1.133.750**	**1.429.528.000**	**1.430.661.750**	**66.162.889**

Ngày 30 tháng 04 Năm 2025

Người lập biểu — **Giám đốc**

(Ký , họ tên) — (Ký , họ tên)

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG

Địa chỉ: 48/21 Ngô Sỹ Liên, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng

BẢNG PHÂN BỔ CÔNG CỤ DỤNG CỤ VÀ TÍNH GIÁ VỐN THEO TỶ LỆ DOANH THU

THÁNG 5/2025

STT	Tên mục tiêu	DT	CCDC	GTPB	Nhân công	Giá vốn	lãi/ lỗ
1	Quyên Hùng Phát	13.033.333	1.133.750	7.477	10.268.000	10.275.477	2.757.856
2	Tâm Nhất Nam	15.000.000	1.133.750	8.605	12.536.000	12.544.605	2.455.395
3	Du lịch An Điền	43.636.365	1.133.750	25.032	37.236.000	37.261.032	6.375.333
4	Đại học SPKT	26.000.000	1.133.750	14.915	22.004.000	22.018.915	3.981.085
5	Đại học SPKT	17.000.000	1.133.750	9.752	14.024.000	14.033.752	2.966.248
	.....						
47	Giao hàng nhanh	32.000.000	1.133.750	18.357	27.160.000	27.178.357	4.821.643
48	Giao hàng nhanh	16.000.000	1.133.750	9.179	13.680.000	13.689.179	2.310.821
49	Giao hàng nhanh	80.000.000	1.133.750	45.893	68.076.000	68.121.893	11.878.107
50	Viện Khoa Học XH	22.962.963	1.133.750	13.173	20.476.000	20.489.173	2.473.790
	TỔNG CỘNG	**1.976.346.666**		**1.133.750**	**1.795.800.500**	**1.796.934.250**	**119.649.755**

Ngày 31 tháng 05 năm 2025

Người lập biểu — **Giám đốc**

(Ký , họ tên) — (Ký , họ tên)

Từ bảng phân bổ CCDC và tính giá vốn theo tỷ lệ doanh thu ta có các công thức sau:

- CCDC: Vào phần mềm Fast nhập bút toán phân bổ CCDC tháng 4, 5. Sau khi phân bổ xong đưa vào bảng excel trên.
- $$\text{GTPB} = \frac{\text{CCDC}}{\text{Tổng Doanh thu}} \times \text{DT từng mục tiêu}$$
- Nhân công: Dựa vào bảng lương mục tiêu để xác định được chi phí cho doanh thu từng mục tiêu.
- $$\text{Giá vốn} = \text{Nhân công} + \text{GTPB}$$

Từ bảng phân bổ CCDC và tính giá vốn theo tỷ lệ doanh thu được hạch toán lên phần mềm như sau:

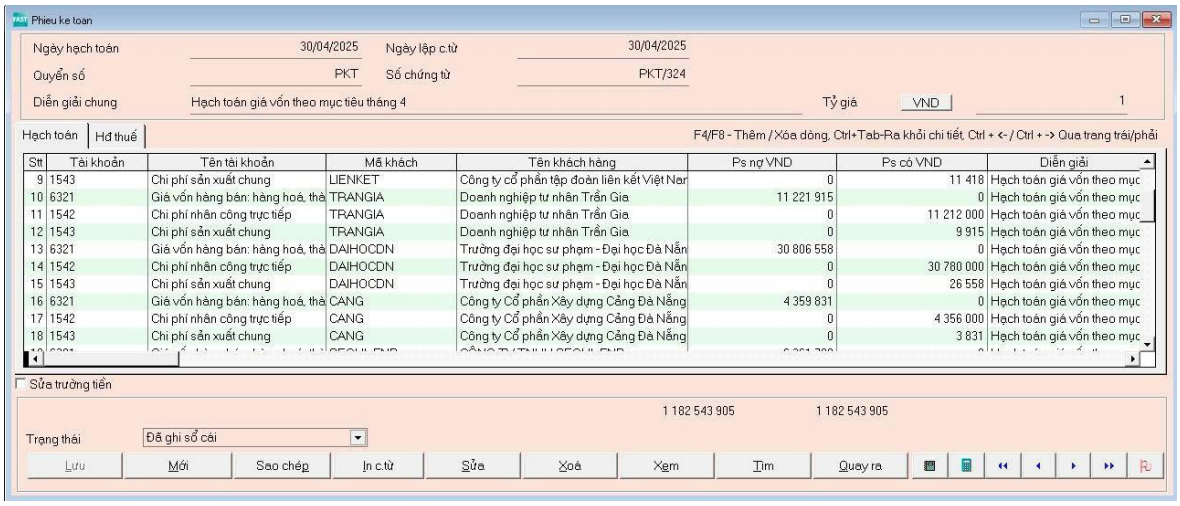

Phieu ke toan

Ngày hạch toán: 30/04/2025 | Ngày lập c.từ: 30/04/2025

Quyển số: PKT | Số chứng từ: PKT/324

Diễn giải chung: Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 4 | Tỷ giá: VND 1

Hạch toán | Hđ thuế | F4/F8 - Thêm / Xóa dòng, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết, Ctrl + <- / Ctrl + -> Qua trang trái/phải

Stt	Tài khoản	Tên tài khoản	Mã khách	Tên khách hàng	Ps nợ VND	Ps có VND	Diễn giải
9	1543	Chi phí sản xuất chung	LIENKET	Công ty cổ phần tập đoàn liên kết Việt Nar	0	11 418	Hạch toán giá vốn theo mục
10	6321	Giá vốn hàng bán: hàng hoá, thà	TRANGIA	Doanh nghiệp tư nhân Trần Gia	11 221 915	0	Hạch toán giá vốn theo mục
11	1542	Chi phí nhân công trực tiếp	TRANGIA	Doanh nghiệp tư nhân Trần Gia	0	11 212 000	Hạch toán giá vốn theo mục
12	1543	Chi phí sản xuất chung	TRANGIA	Doanh nghiệp tư nhân Trần Gia	0	9 915	Hạch toán giá vốn theo mục
13	6321	Giá vốn hàng bán: hàng hoá, thà	DAIHOCDN	Trường đại học sư phạm - Đại học Đà Nẵn	30 806 558	0	Hạch toán giá vốn theo mục
14	1542	Chi phí nhân công trực tiếp	DAIHOCDN	Trường đại học sư phạm - Đại học Đà Nẵn	0	30 780 000	Hạch toán giá vốn theo mục
15	1543	Chi phí sản xuất chung	DAIHOCDN	Trường đại học sư phạm - Đại học Đà Nẵn	0	26 558	Hạch toán giá vốn theo mục
16	6321	Giá vốn hàng bán: hàng hoá, thà	CANG	Công ty Cổ phần Xây dựng Cảng Đà Nẵng	4 359 831	0	Hạch toán giá vốn theo mục
17	1542	Chi phí nhân công trực tiếp	CANG	Công ty Cổ phần Xây dựng Cảng Đà Nẵng	0	4 356 000	Hạch toán giá vốn theo mục
18	1543	Chi phí sản xuất chung	CANG	Công ty Cổ phần Xây dựng Cảng Đà Nẵng	0	3 831	Hạch toán giá vốn theo mục

Sửa trường tiền

1 182 543 905 | 1 182 543 905

Trạng thái: Đã ghi sổ cái

Lưu | Mới | Sao chép | In c.từ | Sửa | Xoá | Xem | Tìm | Quay ra

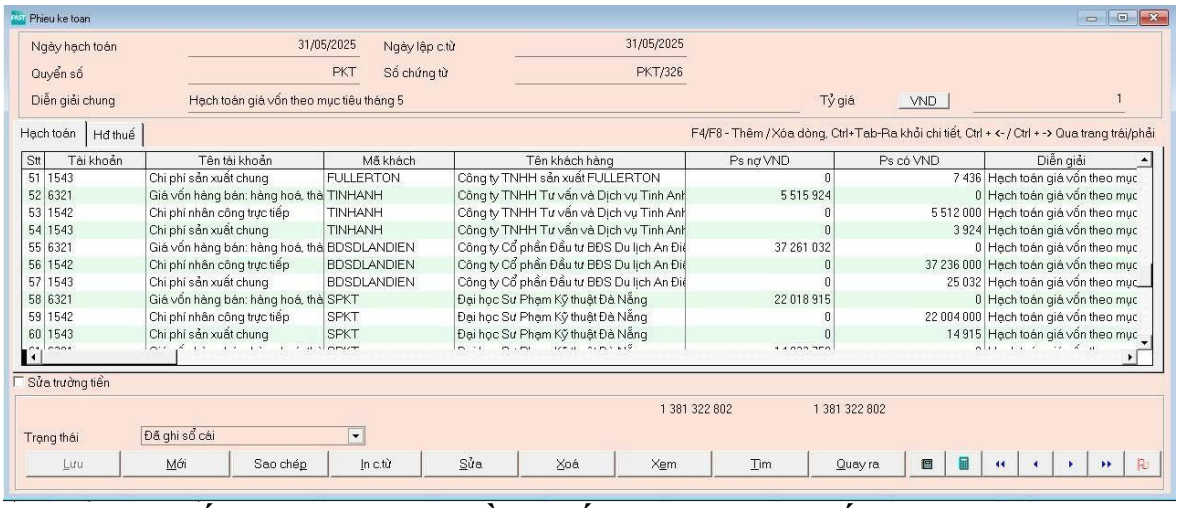

Phieu ke toan

Ngày hạch toán: 31/05/2025 | Ngày lập c.từ: 31/05/2025

Quyển số: PKT | Số chứng từ: PKT/326

Diễn giải chung: Hạch toán giá vốn theo mục tiêu tháng 5 | Tỷ giá: VND 1

Hạch toán | Hđ thuế | F4/F8 - Thêm / Xóa dòng, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết, Ctrl + <- / Ctrl + -> Qua trang trái/phải

Stt	Tài khoản	Tên tài khoản	Mã khách	Tên khách hàng	Ps nợ VND	Ps có VND	Diễn giải
51	1543	Chi phí sản xuất chung	FULLERTON	Công ty TNHH sản xuất FULLERTON	0	7 436	Hạch toán giá vốn theo mục
52	6321	Giá vốn hàng bán: hàng hoá, thà	TINHANH	Công ty TNHH Tư vấn và Dịch vụ Tinh Anh	5 515 924	0	Hạch toán giá vốn theo mục
53	1542	Chi phí nhân công trực tiếp	TINHANH	Công ty TNHH Tư vấn và Dịch vụ Tinh Anh	0	5 512 000	Hạch toán giá vốn theo mục
54	1543	Chi phí sản xuất chung	TINHANH	Công ty TNHH Tư vấn và Dịch vụ Tinh Anh	0	3 924	Hạch toán giá vốn theo mục
55	6321	Giá vốn hàng bán: hàng hoá, thà	BDSDLANDIEN	Công ty Cổ phần Đầu tư BĐS Du lịch An Điê	37 261 032	0	Hạch toán giá vốn theo mục
56	1542	Chi phí nhân công trực tiếp	BDSDLANDIEN	Công ty Cổ phần Đầu tư BĐS Du lịch An Điê	0	37 236 000	Hạch toán giá vốn theo mục
57	1543	Chi phí sản xuất chung	BDSDLANDIEN	Công ty Cổ phần Đầu tư BĐS Du lịch An Điê	0	25 032	Hạch toán giá vốn theo mục
58	6321	Giá vốn hàng bán: hàng hoá, thà	SPKT	Đại học Sư Phạm Kỹ thuật Đà Nẵng	22 018 915	0	Hạch toán giá vốn theo mục
59	1542	Chi phí nhân công trực tiếp	SPKT	Đại học Sư Phạm Kỹ thuật Đà Nẵng	0	22 004 000	Hạch toán giá vốn theo mục
60	1543	Chi phí sản xuất chung	SPKT	Đại học Sư Phạm Kỹ thuật Đà Nẵng	0	14 915	Hạch toán giá vốn theo mục

Sửa trường tiền

1 381 322 802 | 1 381 322 802

Trạng thái: Đã ghi sổ cái

Lưu | Mới | Sao chép | In c.từ | Sửa | Xoá | Xem | Tìm | Quay ra

Phụ lục 2: Giấy thông báo nộp tiền thuế của cơ quan thuế gửi cho công ty

THUẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG **THUẾ CƠ SỞ 4** **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 61366 /TB-TCS4-KDT	*Cẩm Lệ, ngày 09 tháng 12 năm 2025*

THÔNG BÁO
Tiền thuế nợ

Cơ quan thuế thông báo đến: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG

Mã số thuế: 0401992249

Địa chỉ nhận thông báo: 48/21 Ngô Sỹ Liên, Phường Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

Căn cứ dữ liệu tại cơ quan thuế về tình hình kê khai và nộp thuế vào ngân sách nhà nước, CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG chưa nộp đủ số tiền thuế nợ như sau:

1. Tổng số tiền thuế nợ chưa nộp NSNN là 653.037.561 đồng. Cụ thể như sau:

- Số tiền thuế và các khoản thu khác tính đến ngày 30 tháng 11 năm 2025 là: 645.906.477 đồng;
- Số tiền chậm nộp tính đến ngày 30 tháng 11 năm 2025 là: 7.131.084 đồng (trong đó Tiền chậm nộp tính trên các khoản nợ chưa thanh toán là: 5.813.158 đồng).

Trong đó số tiền thuế nợ phát sinh trong tháng 11 năm 2025 là: 652.801.085 đồng. Cụ thể như sau:

- Số tiền thuế và các khoản thu khác phát sinh từ ngày 01 tháng 11 năm 2025 đến ngày 30 tháng 11 năm 2025 là: 645.906.477 đồng;
- Số tiền chậm nộp phát sinh từ ngày 01 tháng 11 năm 2025 đến ngày 30 tháng 11 năm 2025 là: 6.894.608 đồng (trong đó Tiền chậm nộp tính trên các khoản nợ chưa thanh toán là: 5.813.158 đồng);

2. Số tiền quá hạn nộp phải thực hiện cưỡng chế nợ thuế là: 226.674.972 đồng.

Đề nghị người nộp thuế nộp ngay số tiền nêu tại điểm 1 vào ngân sách nhà nước.

Nếu có vướng mắc, người nộp thuế liên hệ với cơ quan thuế theo địa chỉ: 08 Nguyễn Nhàn, Phường Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng

Bộ phận liên hệ: Tổ QLDN 2

Công chức quản lý nợ: Nguyễn Thị Phương Hạnh

Số điện thoại: 02363674198 (PHÍM 5)./.

Nơi nhận: - CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO VỆ NHI HOÀNG; - Các đơn vị có liên quan; - Lưu: VT, Tổ QLDN 2.	**TRƯỞNG THUẾ CƠ SỞ** **Võ Quang Nam**

BẢNG KÊ TỔNG HỢP SỐ TIỀN THUẾ NỢ

(Kèm theo thông báo số 61366 /TB-TCS4-KDT ngày 09 tháng 12 năm 2025
của Thuế cơ sở 4 thành phố Đà Nẵng)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	Loại thuế và các khoản thu khác	Tiểu mục	Tổng số tiền thuế nợ		Số tiền thuế nợ phát sinh trong tháng 11	Số tiền thuế nợ bị cưỡng chế
			Tổng số	Số thừa (TCN)		
I	**Tiền thuế và các khoản thu khác (không bao gồm tiền chậm nộp)**		**645.906.477**		**645.906.477**	**225.357.046**
1	Thuế giá trị gia tăng	1701	645.906.477		645.906.477	225.357.046
II	**Tiền chậm nộp**		**7.131.084**		**6.894.608**	**1.317.926**
II.1	**Tiền chậm nộp tính trên khoản nợ đã thanh toán**		**1.317.926**		**1.081.450**	**1.317.926**
1	Tiền chậm nộp thuế giá trị gia tăng từ hàng hóa sản xuất kinh doanh trong nước khác còn lại	4931	1.081.450		1.081.450	1.081.450
2	Tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí)	4918	236.476			236.476
II.2	**Tiền chậm nộp tính trên khoản nợ chưa thanh toán**		**5.813.158**		**5.813.158**	
1	Tiền chậm nộp thuế giá trị gia tăng từ hàng hóa sản xuất kinh doanh trong nước khác còn lại	4931	5.813.158		5.813.158	

Phụ lục 3: Bảng lương tháng 1 và bảng tổng hợp lương năm 2025

CÔNG TY: Công ty TNHH MTV DV BV Nhi Hoàng
Đ/c: 48/21 Ngô Sỹ Liên, Phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG
THÁNG 01/2025

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương cơ bản	Ngày công thực tế	Lương theo ngày công	Lương tháng		Các khoản hỗ trợ				Tổng thu nhập	Các khoản trích trừ vào lương của NV (10,5%)	Các khoản trích vào chi phí của DN (21,5%)	Thực nhận	Ký tên
						Lương KPI	Tổng lương	Ăn trưa	Điện thoại	Xăng xe	Trang phục					
1	Nguyễn Hoàng Sơn	Giám đốc	5.000.000	20,0			5.000.000					5.000.000	525.000	1.075.000	4.475.000	
2	Lê Thị Cẩm Tú	Kế toán	4.500.000	19,0	200.000	3.800.000	8.300.000	570.000	1.000.000	750.000	400.000	11.020.000	472.500	967.500	10.547.500	
3	Huỳnh Thị Tuyết Nhung	Kế toán	4.500.000	19,0	200.000	3.800.000	8.300.000	570.000	1.000.000	750.000	400.000	11.020.000	472.500	967.500	10.547.500	
4	Trịnh Ngọc Hải Quỳnh	HC-NS	4.500.000	20,0	250.000	5.000.000	9.500.000	600.000	1.000.000	750.000	400.000	12.250.000	472.500	967.500	11.777.500	
5	Nguyễn Hoàng Lâm	NV Nghiệp vụ	4.500.000	19,0	250.000	4.750.000	9.250.000	570.000	1.000.000	750.000	400.000	11.970.000	472.500	967.500	11.497.500	
6	Trương Anh Nghĩa	NV Nghiệp vụ	4.500.000	20,0	200.000	4.000.000	8.500.000	600.000	1.000.000	750.000	400.000	11.250.000	472.500	967.500	10.777.500	
	Tổng cộng		**27.500.000**	**117**	**1.100.000**	**21.350.000**	**48.850.000**	**2.910.000**	**5.000.000**	**3.750.000**	**2.000.000**	**62.510.000**	**2.887.500**	**5.912.500**	**59.622.500**	-

Người lập	Giám đốc
LÊ THỊ CẨM TÚ	NGUYỄN HOÀNG SƠN

CÔNG TY: Công ty TNHH MTV DV BV Nhi Hoàng
Đ/c: 48/21 Ngô Sỹ Liên, Phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng

BẢNG TỔNG HỢP LƯƠNG NĂM 2025

STT	Họ và tên	MST	Tổng lương bao gồm phụ	PC ăn ca	PC trang phục = TM	TNCT	BH được trừ	Giảm trừ gia cảnh	TNTT	Quyết toán thuế
1	Nguyễn Hoàng Sơn	048086004201	60.000.000	-	-	60.000.000	6.300.000	132.000.000	(78.300.000)	
2	Lê Thị Cẩm Tú	049300012271	145.350.000	8.550.000	4.800.000	132.000.000	5.670.000	132.000.000	(5.670.000)	
3	Huỳnh Thị Tuyết Nhung	045301002300	145.810.000	8.640.000	4.800.000	132.370.000	5.670.000	132.000.000	(5.300.000)	
4	Trịnh Ngọc Hải Quỳnh	048195001036	12.250.000	600.000	400.000	11.250.000	967.500	11.000.000	(717.500)	
5	Nguyễn Hoàng Lâm	048093003752	11.970.000	570.000	400.000	11.000.000	967.500	11.000.000	(967.500)	
6	Trương Anh Nghĩa	049096011523	145.810.000	8.550.000	4.800.000	132.460.000	5.670.000	132.000.000	(5.210.000)	
7	Nguyễn Quốc Cường	048075006351	73.250.000	4.380.000	2.400.000	66.470.000	2.835.000	66.000.000	(2.365.000)	
8	Nguyễn Anh Tuấn	051098000714	12.400.000	750.000	400.000	11.250.000	472.500	11.000.000	(222.500)	
9	Nguyễn Thị Bôn	049191009115	14.130.000	780.000	400.000	12.950.000	630.000	11.000.000	1.320.000	
10	Đinh Thị Thu Phòng	049193005165	12.630.000	780.000	400.000	11.450.000	472.500	11.000.000	(22.500)	
11	Võ Văn Liêm	049064029241	6.830.000	520.000	-	6.310.000	245.700	11.000.000	(4.935.700)	
12	Võ Ngọc Hùng	048070006147	6.995.000	540.000	-	6.455.000	245.700	11.000.000	(4.790.700)	
13	Nguyễn Anh Tuấn	048068001571	6.830.000	520.000	-	6.310.000	245.700	11.000.000	(4.935.700)	
14	Trần Tự	045082007546	6.665.000	500.000	-	6.165.000	245.700	11.000.000	(5.080.700)	
15	Mạc Bảo Linh	048096001651	6.830.000	520.000	-	6.310.000	245.700	11.000.000	(4.935.700)	
16	Hồ Ca	048066003688	6.830.000	520.000	-	6.310.000	245.700	11.000.000	(4.935.700)	
17	Phan Văn Mỹ	048063004813	6.830.000	520.000	-	6.310.000	245.700	11.000.000	(4.935.700)	
18	Lê Vít Duy Ni	049087001916	6.995.000	540.000	-	6.455.000	245.700	11.000.000	(4.790.700)	
19	Trần Nguyễn Phước Tùng	048092006386	6.335.000	460.000	-	5.875.000	245.700	11.000.000	(5.370.700)	
20	Hoàng Ngọc Ánh	048084005354	6.830.000	520.000	-	6.310.000	245.700	11.000.000	(4.935.700)	
21	Nguyễn Văn Được	046060001377	6.500.000	480.000	-	6.020.000	245.700	11.000.000	(5.225.700)	
22	Nguyễn Khoa Toàn	046067003540	6.500.000	480.000	-	6.020.000	245.700	11.000.000	(5.225.700)	
23	Văn Viết Tuấn	048068003354	6.995.000	540.000	-	6.455.000	245.700	11.000.000	(4.790.700)	
24	Nguyễn Hòa	048059005704	6.830.000	520.000	-	6.310.000	245.700	11.000.000	(4.935.700)	
25	Ngô Văn Thuận	046057000705	6.830.000	520.000	-	6.310.000	245.700	11.000.000	(4.935.700)	
26	Nguyễn Tấn Lưu	044066000573	6.830.000	520.000	-	6.310.000	245.700	11.000.000	(4.935.700)	
27	Huỳnh Ngọc Ánh	048084005354	6.830.000	520.000	-	6.310.000	245.700	11.000.000	(4.935.700)	
28	Nguyễn Quốc Chiến	048073005478	6.830.000	520.000	-	6.310.000	245.700	11.000.000	(4.935.700)	
29	Đinh Như Thân	046068009864	6.830.000	520.000	-	6.310.000	245.700	11.000.000	(4.935.700)	
30	Đào Văn Dung	034060012342	6.830.000	520.000	-	6.310.000	245.700	11.000.000	(4.935.700)	
31	Trần Phước Cẩm	048068008477	6.335.000	460.000	-	5.875.000	245.700	11.000.000	(5.370.700)	
32	Đặng Thị	048071004396	6.830.000	520.000	-	6.310.000	245.700	11.000.000	(4.935.700)	
33	Châu Ngọc Nam	049069001474	6.665.000	500.000	-	6.165.000	245.700	11.000.000	(5.080.700)	
34	Mai Phương Nam	048073005876	6.830.000	520.000	-	6.310.000	245.700	11.000.000	(4.935.700)	
35	Trần Đức Bảo Thanh	046085006269	6.665.000	500.000	-	6.165.000	245.700	11.000.000	(5.080.700)	
36	Nguyễn Thanh Hải	048088005892	6.665.000	500.000	-	6.165.000	245.700	11.000.000	(5.080.700)	
37	Lưu Công Cư	049069023484	6.830.000	520.000	-	6.310.000	245.700	11.000.000	(4.935.700)	
38	Trịnh Hạ Nam	049066010248	6.665.000	500.000	-	6.165.000	245.700	11.000.000	(5.080.700)	
39	Trần Cúc	049058011226	6.830.000	520.000	-	6.310.000	245.700	11.000.000	(4.935.700)	
Tổng cộng			**829.690.000**	**48.440.000**	**18.800.000**	**762.450.000**	**36.780.300**	**968.000.000**	**(242.330.300)**	**-**

Căn cứ vào bảng thanh toán lương tháng 1/2025, Tổng BH NSDLĐ đóng của giám đốc là 1.075.000 đồng, mà tổng BH NSDLĐ trong năm 2025 không thay đổi. Vì vậy ta tính được tổng BH NSDLĐ trong năm 2025 của giám đốc đó là:

1.075.000 *12 (tháng) = 12.900.000 đồng

Trong bảng tổng hợp lương năm 2025, ta xác định được tổng thu nhập chịu thuế của giám đốc là 60.000.000 đồng.

Vậy tổng chi phí được loại bỏ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp là:

12.900.000 + 60.000.000 = 72.900.000 đồng